

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3020/BTC-ĐCTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2025

V/v thẩm định dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 120, khoản 1 Điều 137 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Bộ Tài chính đã phối hợp với các BHXH Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Sau khi gửi văn bản xin ý kiến của các bộ, ngành, cơ quan liên quan và thực hiện đăng tải nội dung dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính; Bộ Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ dự thảo Nghị định.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, cho ý kiến thẩm định để hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ.

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm: (1) Dự thảo Tờ trình; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (4) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; (6) Bản chụp ý kiến góp ý.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Quý Bộ./. *B*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo)
- PTTg Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Bộ: Nội vụ, Y tế, Công an, Quốc phòng;
- BHXH Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐCTC. (3 b) *ℓ*

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi

Số: 71/TTTr-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế
(Tài liệu phục vụ họp thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định tại khoản 5 Điều 120, khoản 1 Điều 137 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7¹.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan có liên quan, Bộ Tài chính dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 11², khoản 3 Điều 90 Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH) năm 2014, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) và chi phí quản lý bảo BHXH, BHTN, BHYT (Quyết định số 60); Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg (Quyết định số 38).

1.2. Ngày 29/6/2024, Quốc hội thông qua Luật Bảo hiểm xã hội; trong đó:

- Khoản 1 Điều 137 quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính: *"Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế tài chính về BHXH; quy định về chi tổ chức và hoạt động BHXH quy định tại Điều 120 của Luật này."*

¹ Bộ Tài chính chủ trì trình Nghị định về cơ chế tài chính, chi tổ chức và hoạt động BHXH (khoản 5 Điều 120, khoản 1 Điều 137) trước ngày 01/3/2025

² "Điều 11. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính về BHXH

1. Xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế quản lý tài chính về BHXH; chi phí quản lý BHXH"

- Điều 139 sửa đổi một số luật liên quan đến BHXH: Sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 gồm: khoản 7 Điều 42 “7. Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật BHXH” và điểm b khoản 2 Điều 44 “b) Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ theo quy định tại Điều 120 và Điều 121 của Luật BHXH”; sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 “e) Chi tổ chức và hoạt động BHTN thực hiện theo quy định của Luật BHXH”.

- Khoản 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (số 51/2024/QH15) sửa đổi, bổ sung Điều 35 quy định quỹ bảo hiểm y tế được phân bổ và sử dụng như sau: 92% số tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho khám bệnh, chữa bệnh; 8% số tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho quỹ dự phòng, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế, trong đó dành tối thiểu 4% số tiền đóng bảo hiểm y tế cho quỹ dự phòng. Giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế.

2. Cơ sở thực tiễn

Qua 09 năm thực hiện, cơ chế quản lý tài chính và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN ban hành kèm theo Quyết định số 60 và Quyết định số 38 của Thủ tướng Chính phủ đã khắc phục được hạn chế của giai đoạn trước; nội dung, định mức chi đã bổ sung tương đối đầy đủ, rõ ràng; cơ bản bao quát đầy đủ các nhiệm vụ chi đặc thù, thúc đẩy ứng dụng CNTT, sắp xếp tổ chức bộ máy của ngành BHXH trong giai đoạn 2016-2024. Đã tạo thuận lợi cho ngành BHXH chủ động trong việc sử dụng kinh phí; tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật; tập trung nguồn thu, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý kinh phí, đồng thời đảm bảo thanh khoản đáp ứng nhu cầu chi trả các chế độ theo quy định; góp phần giúp ngành BHXH hoàn thành các chỉ tiêu thu, chi và phát triển người tham gia được giao hàng năm; tổ chức chi trả cho người hưởng đầy đủ, kịp thời, an toàn; đẩy mạnh cải cách TTHC góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện văn bản nêu trên còn một số hạn chế, vướng mắc như sau:

a) Về cơ chế tài chính: Quy định việc mở tài khoản, thẩm quyền quyết định số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản chưa bao quát đầy đủ các cơ quan, tổ chức thực hiện và chưa phù hợp về thẩm quyền, chưa quy định việc lựa chọn ngân hàng thương mại để mở tài khoản; chưa quy định mức dư trên tài khoản thanh toán tổng hợp được gửi có kỳ hạn để làm cơ sở thực hiện; chưa quy định cụ thể việc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển kinh phí, thời gian chuyển kinh phí, thời gian lập dự toán đối với cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan, đơn vị thực hiện; chưa quy định việc hạch toán đối với trường hợp nộp không đủ số tiền phải đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, thứ tự hạch toán các khoản thu hồi từ hoạt động đầu tư bị quá hạn trả nợ ..., do đó, trong quá trình thực hiện còn phát sinh vướng mắc.

b) Về chi phí quản lý: Mức chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng hiện nay không còn phù hợp do tăng cường ứng dụng CNTT và đẩy mạnh chi trả qua tài khoản nên chi phí giảm và có sự khác biệt chi phí giữa chi trả bằng tiền mặt và chi qua tài khoản cá nhân; thực tế phát sinh một số nội dung chi nhằm đạt mục tiêu phát triển đối tượng theo Nghị quyết số 28-NQ/TW nhưng chưa được quy định; nội dung chi chưa phân định rõ chi thường xuyên giao tự chủ và chi thường xuyên không giao tự chủ như đối với cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập hiện hành; việc quy định kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ trong năm đến cuối năm chưa sử dụng được chuyên nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng là chưa phù hợp và không khuyến khích các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ hoàn thành trong năm.

Do đó, ngày 25/11/2024 BHXH Việt Nam có Báo cáo số 4297/BC-BHXH đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2016-2024 và đề xuất cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn tiếp theo.

Căn cứ quy định Luật Bảo hiểm y tế, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Việc làm, Luật Bảo hiểm xã hội; Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024); việc xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế để phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành là cần thiết và đảm bảo cơ sở pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng và ban hành nhằm mục đích cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội và các quy định của Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm; đổi mới cơ chế tài chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành. Ngoài ra, dự thảo Nghị định được ban hành sẽ khắc phục một số tồn tại hạn chế trong triển khai thực hiện Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg thời gian qua; tạo tiền đề thúc đẩy quá trình đổi mới cơ chế tài chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Qua đó tạo thuận lợi cho ngành BHXH chủ động nguồn kinh phí, tổ chức thực hiện thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật; tập trung nguồn thu, vừa nâng cao hiệu quả đầu tư theo phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam thông qua, vừa đảm bảo tính thanh khoản đáp ứng nhu cầu chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

a) Việc xây dựng dự thảo Nghị định đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động của ngành BHXH sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, đề ngành BHXH chủ động trong việc sử dụng kinh phí, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật.

b) Kế thừa các nội dung quy định tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg; đảm bảo theo đúng định hướng tại các Nghị quyết của Đảng, cụ thể hóa quy định tại Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động và pháp luật khác có liên quan, bao quát đầy đủ hoạt động của BHXH Việt Nam và tổ chức thực hiện BHXH, BHTN, BHYT của các cơ quan liên quan và khắc phục được những hạn chế, vướng mắc trong thực tế tổ chức thực hiện

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng được áp dụng tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg và bổ sung đối tượng tổ chức dịch vụ thu, tổ chức dịch vụ chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT theo quy định của pháp luật được Bảo hiểm xã hội Việt Nam ủy quyền thu và chi trả cho phù hợp với quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định này theo đúng trình tự quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Chủ trì, phối hợp với BHXH Việt Nam xây dựng dự thảo Nghị định.
2. Gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành liên quan, gồm: BHXH Việt Nam; các Bộ: Tư pháp, Lao động-Thương binh và Xã hội, Y tế, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tổng LĐLĐ Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, một số cơ quan BHXH địa phương đại diện cho 03 miền Bắc, Trung, Nam. Đồng thời, đăng trên cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính, cổng Thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân.

3. Tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý.

4. Gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ cục:

Dự thảo Nghị định bao gồm 04 chương, 22 Điều, và Phụ lục các mẫu biểu cung cấp thông tin về lập dự toán BHXH, BHTN, BHYT, cụ thể:

- Chương 1: Gồm 5 Điều (Điều 1 đến Điều 5), quy định chung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, mở tài khoản và bảo đảm thanh khoản.

- Chương 2: Gồm 5 Điều, từ Điều 6 đến Điều 10, quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT.

- Chương 3: Gồm 10 Điều, từ Điều 11 đến Điều 20, quy định chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT.

- Chương 4: Gồm 2 Điều (Điều 21 và Điều 22), quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm hướng dẫn, thi hành Nghị định.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định:

2.1. Điều 3 quy định về giải thích từ ngữ

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan để giải thích từ ngữ sử dụng trong dự thảo Nghị định: các quỹ bảo hiểm, tài khoản thanh toán tổng hợp, tài khoản chuyên thu, tài khoản chi.

2.2. Điều 4 quy định về mở tài khoản

Căn cứ khoản 1 Điều 123 Luật BHXH năm 2024 về hoạt động đầu tư “1. Quỹ bảo hiểm xã hội được đầu tư và hạch toán độc lập theo từng quỹ thành phần”; để phù hợp với Điều 12 Nghị định 30/2016/NĐ-CP và thực tế thực hiện hiện nay; quy định của nhà nước về mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư, dự thảo quy định cụ thể việc mở các tài khoản tiền gửi, việc phân bổ tiền lãi từ các tài khoản này để đảm bảo việc theo dõi, hạch toán kế toán thu, chi theo từng quỹ thành phần, kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Căn cứ quy định của Luật BHXH, pháp luật về chế độ kế toán để đảm bảo tách bạch nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động và nguồn quỹ bảo hiểm; theo dõi riêng việc quản lý, sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm; theo dõi việc thu, chi các quỹ cơ quan tập trung của ngành, cụ thể:

- Quy định: (1) Cơ quan bảo hiểm xã hội và các đơn vị mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước, để phản ánh các khoản thu, chi; (2) mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi đầu tư phát triển của đơn vị (nếu có); (3) Tổ chức dịch vụ chi trả được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại sau khi thống nhất với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Quy định về thẩm quyền quyết định số lượng tài khoản tiền gửi, nơi mở tài khoản tiền gửi, thẩm quyền sử dụng tài khoản tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước, để phản ánh các khoản thu, chi.

2.3. Điều 5 quy định về bảo đảm thanh khoản

Theo quy định tại Quyết định số 60, ngoài duy trì số dư trên tài khoản

thanh toán đủ đảm bảo chi trả các chế độ, BHXH Việt Nam còn được duy trì thêm trên tài khoản thanh toán 1,5 tháng theo tổng dự toán chi hằng năm được giao. Tại Quyết định số 38 sửa Quyết định số 60 bỏ mức đảm bảo thanh khoản cụ thể. Tuy nhiên thực hiện thời gian qua cho thấy cần thiết phải quy định rõ mức đảm bảo thanh khoản để vừa đảm bảo căn cứ pháp lý trong tổ chức thực hiện, tách bạch giữa hoạt động đầu tư quỹ và hoạt động gửi tiền không kỳ hạn, gửi tự động thời hạn 01 tháng; vừa để ngành chủ động về nguồn tiền đáp ứng nhu cầu chi trả các chế độ bảo hiểm đầy đủ, kịp thời, đúng thời gian quy định cho người hưởng khi nguồn thu chưa được tập trung kịp thời.

Trên cơ sở thực tiễn chi đột xuất phát sinh hằng năm theo báo cáo của BHXHVN khoảng 0,4 lần số chi BHXH, BHYT, BHTN bình quân một tháng³, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định ngoài việc đảm bảo số dư trên tài khoản thanh toán đủ đảm bảo chi trả các chế độ và chi đầu tư, BHXHVN mức bảo đảm thanh khoản bình quân tối đa là 0,4 tháng của tổng dự toán chi hằng năm được giao. Riêng tháng phát sinh chi trả gộp 02 tháng (Tết nguyên đán, dịch bệnh) theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị định này, mức bảo đảm thanh khoản tối đa là 1,4 tháng của tổng dự toán chi hằng năm được giao.

Bổ sung quy định cụ thể phương thức, kỳ hạn thực hiện gửi tiền trong thời gian chưa phát sinh nhu cầu chi trả, chưa thực hiện đầu tư tài chính có kỳ hạn trên 01 tháng theo phương án đầu tư quỹ được Hội đồng quản lý BHXH thông qua và việc phân bổ tiền lãi phát sinh.

2.4. Điều 6 quy định về chuyên kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động

Bổ sung 01 Điều quy định về chuyên kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động. Thực hiện Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm để đảm bảo kinh phí chi trả kịp thời, đầy đủ cho người hưởng, đơn vị, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cần thiết bổ sung quy định cụ thể về thời gian, mức chuyên, mức tạm ứng trên cơ sở dự toán; hoặc trong trường hợp chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán; hoặc trường hợp nhu cầu chi trả thực tế phát sinh cao hơn dự toán được giao; hoặc trường hợp thời gian chi trả gần ngày Tết Nguyên đán và trong thời gian xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hoặc vì lý do bất khả kháng theo công bố của cấp có thẩm quyền. Bổ sung quy định việc chuyên kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với tiến độ thực hiện, kế hoạch sử dụng kinh phí của dự án, nhiệm vụ, trong phạm vi dự toán được giao... Bổ sung quy định ứng trước kế hoạch vốn để thanh toán cho các dự án đầu tư đang thực hiện dở dang thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp

³ Các khoản phát sinh đột xuất hằng năm (các khoản chi phát sinh ngoài dự toán như chi khám chữa bệnh BHYT vượt dự toán được cấp có thẩm quyền thanh toán bổ sung, chi điều chỉnh mức lương cơ sở, mức lương hưu, trợ cấp theo Nghị định của Chính phủ chưa có trong dự toán được giao, các khoản trợ cấp 1 lần, các chế độ BHXH, BHTN...). Năm 2021 là 7.702 tỷ đồng bằng 0,25 lần số chi BHXH, BHYT, BHTN bình quân một tháng; Năm 2022 là 9.112 tỷ đồng bằng 0,3 lần số chi BHXH, BHYT, BHTN bình quân một tháng; Năm 2023 là 15.260 tỷ đồng bằng 0,43 lần số chi BHXH, BHYT, BHTN bình quân một tháng.

đầu năm chưa có dự toán được cấp có thẩm quyền giao⁴.

2.5. Điều 7 quy định về nguồn tài chính: Kế thừa quy định tại Điều 4 Quyết định số 60.

2.6. Điều 8 quy định lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi

- Sửa đổi, bổ sung quy định về lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi, trong đó, đưa các nội dung quy định về lập dự toán tại các Thông tư của Bộ Tài chính hiện hành⁵ vào dự thảo Nghị định; thời gian, trách nhiệm của các đơn vị trong việc xây dựng, lập, tổng hợp, phân bổ và giao dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT, dự toán chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT theo quy định của Luật NSNN.

- Căn cứ quy định tại Điều 5⁶, khoản 5⁷ Điều 123 Luật BHXH bổ sung quy định phân bổ và giao dự toán chi BHXH chi tiết theo các quỹ thành phần.

- Để đảm bảo chi trả kịp thời, đầy đủ cho người hưởng theo nhu cầu chi trả phát sinh thực tế và chủ động trong điều hành, giao dự toán của BHXH Việt Nam sát với tình hình tổ chức thực hiện của địa phương, bổ sung nội dung: (i) Trường hợp số dự kiến chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp phát sinh trong năm tăng so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo, trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua, gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét bổ sung dự toán; (ii) Trong phạm vi dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán chi bảo hiểm xã hội giữa các quỹ thành phần của quỹ bảo hiểm xã hội và dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho các đơn vị trực thuộc; (iii) bổ sung mẫu biểu lập dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN ban hành kèm theo Nghị định để thống nhất thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN đối với các đơn vị trong ngành BHXH, ngành nội vụ, quốc phòng, công an.

2.7. Điều 9 quy định thu và hạch toán thu tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN: Căn cứ quy định của Điều 5 Luật BHXH năm 2024 quy định: "*Quỹ BHXH được hạch toán độc lập theo các quỹ thành phần*", sửa đổi, bổ sung thứ tự hạch toán số tiền đóng để có căn cứ hạch toán kế toán và giải quyết chế độ cho người hưởng.

⁴ Mức ứng trước kế hoạch vốn các dự án không quá 20% dự toán chi đầu tư phát triển của năm trước liền kề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung đề xuất trên cơ sở quy định của Điều 57 Luật Ngân sách nhà nước về việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau; Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện và thẩm quyền quyết định ứng trước dự toán năm sau.¹

⁵ Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 3/02/2016 và Thông tư số 24/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN

⁶ Quỹ BHXH được hạch toán độc lập theo các quỹ thành phần.

⁷ "5. Trình Chính phủ quy định về hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội; hạch toán, phân bổ các quỹ thành phần của quỹ bảo hiểm xã hội".

2.8. Điều 10 hạch toán kế toán và quyết toán

Sửa đổi, bổ sung quy định về hạch toán kế toán và quyết toán để đảm bảo quỹ BHXH, BHTN, BHYT được hạch toán kế toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi rõ ràng, minh bạch; bổ sung một số quy định tại Luật BHXH năm 2024: (1) Tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình đầu tư được sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế. Số tiền thu hồi từ hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm đã quá hạn trả nợ được hạch toán theo thứ tự thu đủ nợ gốc trước, thu nợ lãi sau. Trường hợp có phán quyết của tòa án nêu cụ thể thì số tiền thu hồi được hạch toán theo bản án của tòa án. (2) Hoàn trả các khoản thu hồi chi sai chế độ, các khoản phải thu hồi theo kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được hoàn trả vào các quỹ tương ứng. Các khoản thu hồi chi sai chế độ từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; kinh phí đã hết nhiệm vụ chi; các khoản thu phải nộp theo kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được chuyển về BHXH Việt Nam để hoàn trả các quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) theo tỷ lệ mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT tính trên dự toán thu, chi BHXH, BHTN, thu BHYT được giao của năm thực hiện quyết toán hoàn trả. (3) Đưa nội dung quy định về xét duyệt, thẩm định quyết toán đối với BHXH Quân đội, BHXH Công an nhân dân, ngành Lao động-Thương binh và Xã hội (nay là Nội vụ) tại Thông tư số 24/2020/TT-BTC vào dự thảo Nghị định và sửa lại cho phù hợp chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. (4) Bổ sung quy định việc lập quyết toán và phân công cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc duyệt, thẩm định, phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH; quy định việc quyết toán thu, chi quỹ BHXH, BHTN, BHYT theo quy định tại Điều 135 Luật BHXH năm 2024.

2.9. Điều 11 Xác định chi tổ chức và hoạt động và nguồn đảm bảo

Sửa đổi, bổ sung quy định về chi phí quản lý và nguồn đảm bảo theo hướng kế thừa quy định tại Quyết định số 60 và quy định về chi thường xuyên đối với các cơ quan nhà nước, đồng thời bổ sung quy định về xác định chi thường xuyên đối với cơ quan, tổ chức thuộc ngành nội vụ và hoàn thiện theo Điều 120 Luật BHXH năm 2024 về chi tổ chức và hoạt động BHXH.

2.10. Sửa đổi, bổ sung quy định về một số nội dung và mức chi tổ chức và hoạt động (Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16), theo hướng kế thừa các nội dung và mức chi tại Quyết định 60 và Quyết định số 38 còn phù hợp, bổ sung một số nội dung cụ thể phù hợp với tình hình thực tế và theo quy định tại Điều 120 Luật BHXH năm 2024 về chi tổ chức và hoạt động BHXH, sửa các mức chi gắn với mức lương cơ sở thành mức cố định và điều chỉnh mức chi phù hợp với thực tiễn trên cơ sở đề xuất của BHXH Việt Nam, mức chi đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập hiện hành. Một số nội dung chi sửa đổi, bổ sung như:

a) Về chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT: Bổ sung các trường hợp tuyên truyền cụ thể theo đề

xuất của BHXH Việt Nam, bổ sung các hình thức tuyên truyền như: tọa đàm, đối thoại, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trực tiếp và trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi tổ chức hội nghị tri ân, biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách BHXH, BHTN, BHYT; giải đáp, tư vấn chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế qua hệ thống chăm sóc khách hàng, cổng thông tin điện tử của cơ quan bảo hiểm xã hội.

b) Về chi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Bổ sung quy định đối tượng chi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT cho công chức, viên chức, người lao động; đơn vị sử dụng lao động, cơ sở y tế ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội.

c) Chi cải cách hành chính BHXH, BHTN, BHYT: Bổ sung một số nội dung chi cho phù hợp với thực tế phát sinh nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, nâng cao chất lượng công tác thu, chi và quản lý đối tượng, như: (i) Chi áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính; (ii) Chi thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; (iii) Chi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; (iii) Chi hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động ngành bảo hiểm xã hội được cử đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện (khoản công tác phí, chi phí khác liên quan)

d) Chi phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ BHXH, BHTN, BHYT: Bổ sung nội dung chi cho phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ, như: (i) Chi cập nhật, bổ sung, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, thông tin người tham gia, người hưởng; (ii) Chi khoán kinh phí tự túc phương tiện (gồm tiền nhiên liệu, khấu hao xe và chi phí gửi xe) đối với công chức, viên chức, người lao động thường xuyên phải đi đến đơn vị sử dụng lao động, khu dân cư để xác minh, đối chiếu danh sách người tham gia, người hưởng mà tự túc bằng phương tiện cá nhân và không thuộc phạm vi thanh toán chế độ công tác phí theo quy định, mức khoán tối đa không quá 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng; (iii) chi hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn bằng 7.000 đồng/người tính theo danh sách tăng, giảm đối tượng (bằng mức được Thủ tướng Chính phủ quyết định tại các Quyết định giao dự toán chi KCB BHYT hằng năm từ năm 2018 đến nay); (iv) chi cho Tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân, mức chi theo mức giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập.

đ) Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ: Bổ sung: (i) Chi đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và pháp luật về đầu thầu; (ii) chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản,

thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; (iii) Chi ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật liên quan.

e) Chi tổ chức thu, chi trả BHXH, BHTN, BHYT: Bổ sung nội dung chi phí ủy quyền thu BHXH, BHTN, BHYT bắt buộc đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và cơ quan tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam (gồm: tư vấn trực tiếp đối với từng doanh nghiệp và người lao động, tuyên truyền, phát triển đối tượng, thu tiền và nộp tiền đã thu cho cơ quan BHXH), tương tự ngành Thuế ủy quyền cho tổ chức dịch vụ thu hộ đối với hộ kinh doanh cá thể. Mức chi tối đa 4% đối với đối tượng tham gia năm đầu, tối đa 1,65% đối với đối tượng tiếp tục tham gia từ năm thứ hai trở đi trên số tiền thực thu. Mức ủy quyền thu cụ thể của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tiêu chí lựa chọn, điều kiện lựa chọn tổ chức dịch vụ thu và tổ chức ký hợp đồng ủy quyền với tổ chức dịch vụ thu do Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định phù hợp với tình hình thực tế của từng tỉnh, thành phố.

g) Đối với mức chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH cho người thụ hưởng do NSNN đảm bảo; chi lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp thất nghiệp từ quỹ BHXH, BHTN:

Thời gian qua, số người nhận lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản tăng lên (trung bình tăng 9,3%/năm) dẫn đến chi phí chi trả có xu hướng giảm do chi phí chi trả qua tài khoản giảm so với chi trả bằng tiền mặt (do giảm chi phí thuê địa điểm chi trả, thuê bảo vệ, thuê xe chờ tiền, bảo quản tiền, gửi tiền qua đêm,...) nhưng phát sinh chi phí quản lý người hưởng do người hưởng thay đổi địa bàn, cần quy định mức riêng cho hình thức chi trả qua tài khoản và chi trả bằng tiền mặt. Sau khi rà soát, Bộ Tài chính xác định mức chi trả tối đa bằng bằng **0,54%**, giảm 0,11% so với quy định tại Quyết định số 38 (0,65%). Mức chi cho tổ chức dịch vụ chi trả và quản lý người hưởng qua tài khoản khoảng **0,19%** tổng số tiền chi trả qua tài khoản cá nhân, chi phí chi trả bằng tiền mặt bình quân tối đa là **0,73%** số tiền chi trả bằng tiền mặt.

Tuy nhiên, theo báo cáo của BHXH Việt Nam, hiện nay cùng với quá trình hiện đại hóa ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo Đề án 06, BHXH Việt Nam đang xây dựng lộ trình kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin của ngành BHXH với các cơ quan công an, tư pháp... Theo lộ trình đó, việc chi trả các chế độ BHXH hàng tháng không dùng tiền mặt sẽ chuyển dần từ tổ chức dịch vụ như hiện nay sang cơ quan BHXH thực hiện, đồng thời quy trình quản lý người hưởng nhận tiền qua tài khoản cá nhân sẽ thay đổi để phù hợp với quy trình chi trả. Vì vậy, không cần thiết quy định tỷ lệ chi trả qua tài khoản cá nhân và chi trả bằng tiền mặt. Việc giao Giám đốc BHXH Việt Nam quy định mức chi cho tổ chức dịch vụ theo từng hình thức chi trả và quản lý người hưởng trong tổng mức chi

phí được trích (bằng 0,54% số tiền chi trả) đã đảm bảo cơ chế cho BHXH Việt Nam được chủ động trong tổ chức thực hiện, phù hợp với lộ trình ứng dụng Đề án 06 trong công tác chi trả và quản lý người hưởng tại từng thời kỳ.

2.11. Bổ sung 01 Điều quy định về quản lý và sử dụng tài sản hình thành từ nguồn chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT của cơ quan BHXH được quản lý theo quy định của pháp luật liên quan về BHXH, BHTN, BHYT và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Điều 17).

2.12. Bổ sung quy định về xử lý số dư chi phí quản lý cuối năm (Điều 18) tương tự xử lý số dư ngân sách nhà nước cuối năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và bổ sung một số nội dung được chuyển nguồn cho phù hợp với đặc thù của ngành BHXH.

2.13. Bổ sung quy định về xác định kinh phí tiết kiệm (Điều 19); sử dụng kinh phí tiết kiệm (Điều 20).

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Nguồn lực về tài chính

1.1. Kinh phí cho thực hiện chính sách đề nghị xây dựng Nghị định:

Với việc ban hành Nghị định thay thế Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg, Bộ Tài chính đánh giá kinh phí cho thực hiện chính sách khi Nghị định được ban hành sẽ tác động làm giảm chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN bình quân mỗi năm khoảng 155 tỷ đồng. Do đó kinh phí thực hiện Nghị định vẫn nằm trong phạm vi mức chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

1.2. Kinh phí đảm bảo tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành:

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định sau khi ban hành đã được bảo đảm theo quy định tại Luật BHXH năm 2024, Luật Việc làm năm 2013, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và Luật BHYT năm 2008, Luật BHYT sửa đổi, bổ sung năm 2024.

2. Nguồn lực về con người

Đề xuất xây dựng Nghị định và tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành không làm phát sinh thay đổi tổ chức bộ máy, nhân sự.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị định

(2) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định;

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản;

- (4) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;
- (5) Bản chụp ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương;
- (6) Báo cáo số 4297/BC-BHXH ngày 25/11/2024 của BHXH Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Lưu: VT, ĐCTC. (3 b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi
Nguyễn Đức Chi

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO SỐ 3

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,
bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế:

a) Cơ quan bảo hiểm xã hội: Bảo hiểm xã hội Việt Nam (trong đó có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc); Bảo hiểm xã hội khu vực trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bảo hiểm xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành

phổ trực thuộc trung ương, Bảo hiểm xã hội liên huyện thuộc Bảo hiểm xã hội khu vực (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội cấp huyện);

b) Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân;

c) Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp trực thuộc Bộ Nội vụ được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức bảo hiểm thất nghiệp); Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

d) Tổ chức dịch vụ được cơ quan Bảo hiểm xã hội ủy quyền thu các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động và cá nhân theo quy định của pháp luật được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thu (sau đây gọi chung là tổ chức dịch vụ thu) và tổ chức dịch vụ được cơ quan Bảo hiểm xã hội ủy quyền chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền chi trả (sau đây gọi chung là tổ chức dịch vụ chi trả).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện cơ chế tài chính quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các quỹ bảo hiểm: Quỹ bảo hiểm xã hội (gồm các quỹ thành phần: quỹ ốm đau và thai sản; quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quỹ hưu trí và tử tuất), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.

2. Tài khoản thanh toán tổng hợp: Là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, các đơn vị chuyên môn giúp việc Giám đốc) mở tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước, được sử dụng để tập trung các khoản thu từ tài khoản chuyên thu, tiền do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng, kinh phí ngân sách nhà nước cấp để chi trả các chế độ cho người hưởng lương hưu, tiền thu đầu tư tài chính; thanh toán chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi thực hiện đầu tư tài chính; các khoản thu, chi khác.

3. Tài khoản thu: Là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn mở tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước, được sử dụng để tập trung các khoản thu theo chế độ của các quỹ bảo hiểm.

4. Tài khoản chi: Là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn mở tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước được sử dụng để nhận kinh phí và chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (trong đó có các quỹ

phát triển hoạt động, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập tại cơ quan bảo hiểm xã hội) và các khoản chi khác.

Điều 4. Mở tài khoản

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội và các đơn vị được giao dự toán thu, chi theo quy định tại Nghị định này được mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước, để phản ánh các khoản thu, chi như sau:

a) Bảo hiểm xã hội Việt Nam (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, các đơn vị chuyên môn giúp việc Giám đốc) mở tài khoản thanh toán tổng hợp. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được phân bổ vào các quỹ bảo hiểm xã hội (theo từng quỹ thành phần), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ trên tổng số dư bình quân của các quỹ trong năm.

b) Bảo hiểm xã hội khu vực, Bảo hiểm xã hội cấp huyện và Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân mở tài khoản thu để phản ánh các khoản thu các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam để phân bổ vào các quỹ bảo hiểm xã hội (theo từng quỹ thành phần), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ tính trên tổng số dư bình quân của các quỹ trong năm;

c) Bảo hiểm xã hội khu vực, Bảo hiểm xã hội cấp huyện và Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân mở tài khoản chi để phản ánh các khoản chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Tiền lãi phát sinh trên các tài khoản này được chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để bổ sung vào các quỹ bảo hiểm xã hội (theo từng quỹ thành phần), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) tương ứng.

d) Cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ mở tài khoản tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi về chi tổ chức và hoạt động (trong đó có các quỹ phát triển hoạt động, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập tại cơ quan bảo hiểm xã hội; không bao gồm chi đầu tư phát triển). Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được bổ sung vào nguồn thu của đơn vị để chi tổ chức và hoạt động theo quy định;

đ) Cơ quan bảo hiểm xã hội mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi đầu tư phát triển của đơn vị (nếu có). Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

a) Mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi về chi tổ chức và hoạt động. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được chuyển về

tài khoản thanh toán tổng hợp tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam để phân bổ vào các quỹ bảo hiểm xã hội (theo từng quỹ thành phần), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ trên tổng số dư bình quân của các quỹ trong năm.

b) Mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi quỹ phát triển hoạt động, quỹ bổ sung thu nhập và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được bổ sung vào các quỹ tương ứng.

c) Mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng để phản ánh các khoản thu, chi quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được bổ sung về quỹ dự phòng rủi ro.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm lựa chọn các ngân hàng thương mại để mở tài khoản tiền gửi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội; báo cáo Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội quyết định để làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện.

4. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm về việc phân cấp mở tài khoản, số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản và quy định việc quản lý, sử dụng tài khoản đối với cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định và chịu trách nhiệm về số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để chuyên kinh phí theo quy định.

6. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định và chịu trách nhiệm về số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để chuyên kinh phí theo quy định.

7. Tổ chức dịch vụ chi trả được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại sau khi thống nhất với Bảo hiểm xã hội Việt Nam để chi trả chế độ bảo đảm đúng người hưởng, đầy đủ và kịp thời.

Điều 5. Bảo đảm thanh khoản

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm đảm bảo số dư trên tài khoản thanh toán tổng hợp để thực hiện chi trả các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi thực hiện đầu tư tài chính và các khoản chi khác theo quy định.

2. Ngoài việc đảm bảo số dư theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm thanh khoản trên tài khoản thanh toán tổng hợp với mức bình quân tối đa là 0,4 tháng của tổng dự toán chi các chế độ bảo hiểm xã hội (bao gồm cả dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước), bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được giao hàng năm (không bao gồm trường hợp số tiền bảo đảm thanh khoản cao hơn mức tối đa do: Số thu, chi bảo hiểm xã

hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thay đổi; phương án, kế hoạch đầu tư quỹ thay đổi). Riêng tháng phát sinh chi trả gộp 02 tháng theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị định này, mức bảo đảm thanh khoản tối đa là 1,4 tháng của tổng dự toán chi hằng năm được giao.

3. Trường hợp phát sinh nhu cầu chi đột xuất được cấp có thẩm quyền quyết định mà mức bảo đảm thanh khoản không đảm bảo nguồn để chi trả, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định số tiền bảo đảm thanh khoản cao hơn để đảm bảo nguồn chi trả đầy đủ, kịp thời nhu cầu chi theo quy định.

4. Số dư trên tài khoản thanh toán tổng hợp trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, được gửi tiền kỳ hạn 01 tháng theo phương thức chuyển tiền tự động và được rút tại bất kỳ thời điểm nào phát sinh nhu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và đầu tư tài chính kỳ hạn trên 01 tháng. Tiền lãi phát sinh được phân bổ vào các quỹ bảo hiểm xã hội (theo từng quỹ thành phần), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ trên tổng số dư bình quân của các quỹ trong năm.

Chương II

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 6. Chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động

1. Trước ngày 25 hằng tháng, Bộ Tài chính chuyển kinh phí chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách trung ương bằng mức chi bình quân một tháng của dự toán được cấp có thẩm quyền giao trong năm (trong đó có chi phí chi trả) vào quỹ bảo hiểm xã hội để Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chi trả cho người hưởng trong tháng tiếp theo.

2. Trước ngày 10 hằng tháng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chuyển kinh phí chi tổ chức và hoạt động từ tài khoản tiền gửi thanh toán tổng hợp sang tài khoản tiền gửi chi tổ chức và hoạt động bằng bình quân 01 tháng dự toán chi tổ chức và hoạt động được giao. Trường hợp chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán, thực hiện trích bằng bình quân dự toán chi tổ chức và hoạt động năm trước liền kề. Kết thúc năm tài chính, thực hiện hạch toán, quyết toán nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động theo quy định.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm chuyển kinh phí cho các đơn vị trực thuộc, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và Bộ Nội vụ (Cục Việc làm) để đảm bảo tạm ứng, thanh toán, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người hưởng và chi tổ chức và hoạt động trong phạm vi dự toán được giao như sau:

a) Chuyển định kỳ hằng tháng để chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Kinh phí chuyển được xác định trên cơ sở số chi trả tháng trước và dự kiến chi trả tháng kế hoạch của đơn vị. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định thời gian chuyển kinh phí và thời gian chi trả chế độ đảm bảo kịp thời cho người hưởng.

Trường hợp nhu cầu chi trong tháng thay đổi, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có văn bản gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để cấp kinh phí chi trả chế độ kịp thời. Sau khi thẩm định quyết toán năm, kinh phí còn dư, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân chuyển trả về Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Trường hợp thời gian chi trả gần ngày Tết Nguyên đán và trong thời gian xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hoặc vì lý do bất khả kháng theo công bố của cấp có thẩm quyền, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định chuyển kinh phí để chi trả gộp 2 tháng cho người hưởng.

b) Chuyển kinh phí chi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế: mức chuyên, thời gian chuyên thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế. Trường hợp nguồn thu bảo hiểm y tế chưa tập trung về Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện tạm cấp kinh phí từ quỹ dự phòng khám bệnh, chữa bệnh để đảm bảo kinh phí tạm ứng cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

c) Chuyển kinh phí chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (không bao gồm các khoản chi quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này) cho các đơn vị hằng tháng và bằng bình quân một tháng của dự toán được giao hằng năm trước ngày 10 hằng tháng.

d) Chuyển kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin cho Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và các đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ theo đề nghị chuyển kinh phí của đơn vị, phù hợp với tiến độ thực hiện, kế hoạch sử dụng kinh phí của dự án, nhiệm vụ, trong phạm vi dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và thời hạn của Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh (nếu có).

Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và các đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ đề nghị chuyển kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin theo đúng quy định.

4. Trường hợp đến thời gian chuyển kinh phí chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho các đơn vị theo quy định nhưng chưa có dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển:

a) Kinh phí chi bảo hiểm xã hội do ngân sách nhà nước đảm bảo từ quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí và tử tuất), chi bảo hiểm xã hội do quỹ bảo hiểm xã hội đảm bảo từ quỹ bảo hiểm xã hội và chi bảo hiểm thất nghiệp từ quỹ bảo hiểm

thất nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để đảm bảo chi trả cho người hưởng.

b) Kinh phí chi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế: Mức chuyển theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

c) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bằng bình quân một tháng của dự toán giao năm trước liền kề (không bao gồm các khoản chi quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này).

5. Đối với chi ứng dụng công nghệ thông tin và các nội dung chi do Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện (chi đào tạo, chi nghiên cứu khoa học, chi mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo phương thức tập trung) chuyển kinh phí theo tiến độ thực hiện và quy định của pháp luật có liên quan.

6. Đối với chi đầu tư phát triển: Việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng. Trường hợp đầu năm chưa có dự toán được cấp có thẩm quyền giao, trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, căn cứ giá trị khối lượng đã thực hiện và đủ điều kiện thanh toán, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định ứng trước kế hoạch vốn để thanh toán cho các dự án đầu tư đang thực hiện dở dang thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức ứng trước kế hoạch vốn các dự án không quá 20% dự toán chi đầu tư phát triển của năm trước liền kề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Trường hợp đến thời gian chuyển kinh phí chi bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách nhà nước nhưng chưa nhận được kinh phí do ngân sách nhà nước chuyển hoặc số phải chi trả của một tháng, số chi trả gộp hai tháng cho người hưởng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này cao hơn kinh phí nhận được theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bảo hiểm xã hội Việt Nam sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí và tử tuất) để chi trả đầy đủ, kịp thời cho người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo.

Điều 7. Nguồn tài chính

1. Quỹ bảo hiểm xã hội (bao gồm cả khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp hằng năm để chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người hưởng thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo).

2. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

3. Quỹ bảo hiểm y tế.

4. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi

1. Quy trình và trình tự thời gian lập dự toán như sau:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập dự toán thu, chi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý năm sau; Bộ Nội vụ lập dự toán chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp, dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp,

bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam năm sau trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

b) Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng dự toán thu, chi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua trước khi gửi Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) xem xét cho ý kiến và tổng hợp dự toán thu, chi của các cơ quan, đơn vị liên quan trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, gửi Bộ Tài chính (quản lý nhà nước) trước ngày 30 tháng 8 hằng năm, bao gồm:

- Thu, chi bảo hiểm xã hội.
- Thu, chi bảo hiểm y tế.
- Thu, chi bảo hiểm thất nghiệp.
- Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.
- Phương án đầu tư hằng năm các quỹ bảo hiểm.

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Y tế xem xét, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu, chi năm sau cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm. Trong đó dự toán chi tổ chức và hoạt động giao mức chi phí và 04 nhóm nội dung chi quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Bảo hiểm xã hội.

Đối với dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người hưởng thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo, Bộ Tài chính tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước, trình cấp thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán thu, chi cho các đơn vị trực thuộc (trong đó dự toán chi bảo hiểm xã hội giao chi tiết theo từng quỹ thành phần theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội); Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán thu, chi cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc; Bộ Nội vụ hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán chi tổ chức và hoạt động cho các đơn vị trực thuộc, các cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ tại địa phương.

3. Trường hợp Nhà nước ban hành chính sách, chế độ làm thay đổi dự toán đã được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh dự toán cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tương ứng với mức điều chỉnh theo chế độ mới và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện. Đối với việc điều chỉnh, bổ sung dự toán từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp số dự kiến chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp phát sinh trong năm tăng so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo,

trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua, gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét bổ sung dự toán.

5. Trong phạm vi dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán chi bảo hiểm xã hội giữa các quỹ thành phần của quỹ bảo hiểm xã hội; dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho các đơn vị trực thuộc.

6. Đối với các khoản thu hợp pháp khác không được giao dự toán: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định sử dụng trên cơ sở kế hoạch, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

7. Các đơn vị thực hiện lập dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Thu và hạch toán thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội và tổ chức dịch vụ thu thực hiện thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của các đối tượng tham gia và chuyển về Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, thực hiện thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của các đối tượng tham gia và chuyển về Bảo hiểm xã hội Việt Nam hằng tháng để quản lý theo quy định của pháp luật.

Hằng tháng Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân thực hiện chuyển về Bảo hiểm xã hội Việt Nam số tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho quỹ dự phòng và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế.

2. Khi nhận được tiền đóng của người sử dụng lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội trực tiếp quản lý người tham gia thực hiện thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kể cả tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng theo quy định tại khoản 4 Điều này đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Số tiền còn lại sau khi cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này được hạch toán thu theo thứ tự sau đây:

a) Thu đủ số tiền phải đóng bảo hiểm y tế và tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này (nếu có).

b) Thu đủ số tiền phải đóng bảo hiểm thất nghiệp và tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều này (nếu có).

c) Thu tiền đóng bảo hiểm xã hội và tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này (nếu có) và hạch toán theo thứ tự sau: thu đủ số tiền phải đóng và tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng vào quỹ ốm đau thai sản; thu đủ số tiền phải đóng và tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng vào quỹ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; thu tiền đóng và tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí tử tuất.

4. Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 49 Luật Bảo hiểm y tế (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 51/2024/QH15).

5. Số tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thu được, cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân quyết toán riêng với Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp và thực hiện như sau:

a) Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội được bổ sung các quỹ thành phần theo thứ tự ưu tiên tại điểm c khoản 3 Điều này.

b) Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm y tế được bổ sung vào quỹ dự phòng bảo hiểm y tế;

c) Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp được bổ sung vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 10. Hạch toán kế toán và quyết toán

1. Quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế, được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; được quản lý tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch, hạch toán độc lập, cân đối thu, chi và đầu tư tăng trưởng theo từng quỹ và các quỹ thành phần của quỹ bảo hiểm xã hội.

2. Tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình đầu tư được sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.

3. Số tiền thu hồi từ hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm đã quá hạn trả nợ được hạch toán theo thứ tự thu đủ nợ gốc trước, thu nợ lãi sau. Trường hợp có phán quyết của tòa án nêu cụ thể thì số tiền thu hồi được hạch toán theo bản án của tòa án.

4. Số quyết toán thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế là số tiền thực thu, gồm: số tiền đóng của người tham gia, số tiền ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ mức đóng và số tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng (nếu có).

5. Số quyết toán chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp là số tiền phải chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho tổ chức, cá nhân trong năm. Số quyết toán chi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

6. Các khoản thu hồi chi sai chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản phải thu hồi theo kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được chuyển về Bảo hiểm xã hội Việt Nam để hoàn trả vào các quỹ bảo hiểm tương ứng. Các khoản thu hồi chi sai chế độ từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; kinh phí đã hết nhiệm vụ chi; các khoản thu phải nộp theo kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được chuyển về Bảo hiểm xã hội Việt Nam để hoàn trả các quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (quỹ dự phòng) theo tỷ lệ mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế tính trên dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, thu bảo hiểm y tế được giao của năm thực hiện quyết toán hoàn trả.

7. Cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; lập và gửi báo cáo quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền để xét duyệt, thẩm định theo quy định.

8. Xét duyệt, thẩm định, tổng hợp, lập quyết toán năm:

a) Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định, thông báo quyết toán năm cho các đơn vị trực thuộc;

b) Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định quyết toán, thông báo quyết toán năm cho các đơn vị trực thuộc; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để thẩm định, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 01 tháng 9 năm sau để rà soát, tổng hợp quyết toán theo quy định.

c) Bộ Nội vụ có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định quyết toán và thông báo quyết toán năm đối với nguồn kinh phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho các cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm đối với nguồn kinh phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp vào nguồn hoạt động khác được để lại, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 01 tháng 9 năm sau để rà soát, tổng hợp quyết toán theo quy định.

d) Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp, lập báo cáo tài chính các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo chế độ kế toán bảo hiểm xã hội; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo mục lục ngân sách nhà nước và chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội

thông qua và gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 01 tháng 10 năm sau.

9. Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) thẩm định và thông báo quyết toán năm cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam đối với khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người hưởng, thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo và kinh phí do ngân sách trung ương hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên đang theo học tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (phần giao dự toán cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện).

10. Bộ Tài chính (quản lý nhà nước) tổng hợp quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách. Trong quá trình tổng hợp quyết toán phát hiện sai sót, Bộ Tài chính yêu cầu Bảo hiểm xã hội Việt Nam trình Hội đồng quản lý thông qua số liệu, điều chỉnh lại.

11. Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo quyết toán các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp trình Chính phủ trình Quốc hội cùng với báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước. Trường hợp phát hiện sai sót, Bộ Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 11. Xác định chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và nguồn đảm bảo

1. Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ chi quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15, 16 của Nghị định này và xác định như sau:

a) Đối với cơ quan bảo hiểm xã hội:

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy quy định tại điểm a, b, c, k khoản 1 Điều 16 của Nghị định này được xác định theo số lao động hợp đồng, số lượng người làm việc trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức theo ngạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo quy định của cấp có thẩm quyền;

- Các khoản chi đặc thù của ngành mang tính phát sinh hằng năm về tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế quy định tại Điều 12, 13, 14, 15 và các khoản chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên

không giao tự chủ quy định tại Điều 16 Nghị định này được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định.

b) Đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân:

- Chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy do ngân sách Bộ Quốc phòng, Bộ Công an bảo đảm;

- Chi thường xuyên cho lao động hợp đồng do thủ trưởng đơn vị thực hiện giao kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật và chi thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định tại Nghị định này được bảo đảm từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hàng năm và được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định.

c) Đối với cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ:

- Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp được xác định theo khối lượng công việc và giá dịch vụ tư vấn giới thiệu việc làm, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Nội vụ ban hành. Trong khi chưa có giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp được xác định theo số người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên như đối với cơ quan bảo hiểm xã hội;

- Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của các cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định.

2. Nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế như sau:

a) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất).

b) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế được trích từ số tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho quỹ dự phòng và chi tổ chức và hoạt động quỹ bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

c) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp được trích từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

d) Chi phí chi trả do ngân sách nhà nước cấp để Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người thụ hưởng do ngân sách nhà nước đảm bảo. Mức chi phí chi trả bằng 0,54% tổng số tiền chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội (trừ khoản chi trả phí khám giám định mức suy giảm khả năng lao động, chi đóng bảo hiểm y tế). Nguồn kinh phí chi trả do ngân sách nhà nước cấp được hạch toán chung vào nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế để quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định tại Nghị định này.

Mức trích chi tổ chức và hoạt động cụ thể hằng năm từ các nguồn quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ngoài mức chi tổ chức và hoạt động được giao theo khoản 2 Điều này, cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được sử dụng các nguồn kinh phí sau để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định này và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính:

a) Tiền lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi chi tổ chức và hoạt động theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

b) Hỗ trợ của ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao (nếu có).

c) Hỗ trợ của tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước (nếu có).

d) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp của các trung tâm dịch vụ việc làm được giao thực hiện các nhiệm vụ về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, được hạch toán vào nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và sử dụng theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 12. Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

Thực hiện theo quy định hiện hành đối với cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Một số nội dung chi được quy định như sau:

1. Chi tuyên truyền, phổ biến, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

Đối với tuyên truyền lưu động, triển lãm chuyên đề chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, gồm: Chi làm thêm giờ; hỗ trợ xăng xe tham gia diễu hành theo mức khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác; chi thuê địa điểm, phương tiện, thiết bị, in ấn, trang trí, đồng phục, nước uống, vật tư văn phòng, thuê người dẫn chương trình (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ thực tế hợp pháp.

2. Chi tọa đàm, đối thoại, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trực tiếp và trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi tổ chức hội nghị tri ân, biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công

tác phí, chế độ chi hội nghị, đối với các nội dung chi không có quy định của nhà nước về mức chi thì thanh toán theo thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ, hợp đồng ký kết với các cơ quan, đơn vị cung cấp các sản phẩm truyền thanh truyền hình.

3. Chi giải đáp, tư vấn chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế qua hệ thống chăm sóc khách hàng, cổng thông tin điện tử của cơ quan bảo hiểm xã hội: Thực hiện theo chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; đối với chi thuê dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Chi cước phí bưu chính, viễn thông để hỗ trợ, giải đáp, tư vấn, thông tin chế độ, chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (gồm cước phí điện thoại, cước phí tin nhắn, cước phí bưu chính): Mức chi theo mức cước phí của nhà cung cấp dịch vụ, trong đó phần cước phí nhà cung cấp dịch vụ hoàn lại cho cơ quan bảo hiểm xã hội được hạch toán vào nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động (thu khác) để tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

5. Chi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho công chức, viên chức, người lao động; đơn vị sử dụng lao động, cơ sở y tế ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 13. Chi cải cách hành chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Chi cải cách hành chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định pháp luật về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước. Một số nội dung chi được quy định như sau:

a) Chi áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

b) Chi xây dựng, ban hành mẫu hồ sơ, quy trình nghiệp vụ về tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với Thông tư.

c) Chi phí bảo quản, lưu trữ (bản giấy và bản điện tử); chỉnh lý, số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ.

d) Chi phí duy trì đường truyền kết nối để đảm bảo vận hành hệ thống giao dịch điện tử và các phần mềm nghiệp vụ tập trung.

đ) Chi thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, gồm: Số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa; quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ đơn giản hóa trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới. Nội dung, mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành.

e) Chi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Mức chi theo cước phí bưu chính của nhà cung cấp dịch vụ.

g) Chi hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động ngành bảo hiểm xã hội được cử đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện (khoản công tác phí, chi phí khác liên quan). Mức chi tối đa bằng mức địa phương hỗ trợ công chức, viên chức địa phương tại bộ phận một cửa.

2. Chi phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

a) Chi cập nhật, bổ sung, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, thông tin người tham gia, người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; cập nhật, xác thực các thông tin cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Nội dung và mức chi theo quy định về tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; quy định về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

b) Chi khoán kinh phí tự túc phương tiện (gồm tiền nhiên liệu, khấu hao xe và chi phí gửi xe) đối với công chức, viên chức, người lao động thường xuyên phải đi đến đơn vị sử dụng lao động, khu dân cư để xác minh, đối chiếu danh sách người tham gia, người hưởng mà tự túc bằng phương tiện cá nhân và không thuộc phạm vi thanh toán chế độ công tác phí theo quy định, mức khoán tối đa không quá 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng. Mức khoán cụ thể do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động được sử dụng.

c) Chi chế độ công tác phí, làm việc ban đêm, làm thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác phát triển người tham gia, quản lý người hưởng cho công chức, viên chức, người lao động. Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Chi hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để thực hiện lập danh sách tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn (gồm: chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu và chi thù lao cho người lập danh sách). Mức chi 7.000 đồng/người tính theo danh sách tăng, giảm đối tượng; việc quản lý và sử dụng khoản kinh phí này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định.

đ) Chi điều tra, thống kê: Chi điều tra thống kê đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc tham gia chưa đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội; chi điều tra, thống kê kết nối dữ liệu đối tượng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được cấp giấy phép lao động thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam; chi điều tra, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân tham gia, thụ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

e) Chi cho Tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân (gồm: chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thù lao cho người xác minh). Mức chi 30.000 đồng/người hưởng.

Điều 14. Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ

1. Chi đầu tư phát triển, gồm: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc và giao dịch, kho lưu trữ, trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin; đầu tư cơ sở vật chất, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

2. Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ: Thực hiện theo quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và quy định của pháp luật liên quan.

3. Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Chi tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Chi phí làm sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế: Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình làm sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế. Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu hiện hành.

2. Chi trang phục y tế theo quy định của Bộ Y tế cho giám định viên bảo hiểm y tế làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có), định mức 02 bộ/người/năm.

3. Chi khoán kinh phí tự túc phương tiện (gồm tiền nhiên liệu, khấu hao xe và chi phí gửi xe) đối với công chức, viên chức, người lao động thường xuyên

phải đi đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để giám định bảo hiểm y tế; đi giám sát đơn vị dịch vụ được ủy quyền chi trả; đi chi trả cho người hưởng tại nơi cư trú mà tự túc bằng phương tiện cá nhân và không thuộc phạm vi thanh toán chế độ công tác phí theo quy định, mức khoán tối đa không quá 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng. Mức khoán cụ thể do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi nguồn kinh phí chi tổ chức và hoạt động được sử dụng.

4. Chi các hoạt động phối hợp tổ chức thu, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trong ngành bảo hiểm xã hội, gồm: Hỗ trợ công tác phối hợp chỉ đạo, chế độ công tác phí, làm đêm, thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác tổ chức thu, chi trả các chế độ.

5. Chi phí thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, thu bảo hiểm y tế của người tham gia theo hộ gia đình, của học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thu bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện của người lao động và các đối tượng tự đóng khác (gồm: chi thù lao của tổ chức dịch vụ thu, cơ sở giáo dục; chi bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra tổ chức dịch vụ thu, cơ sở giáo dục; chi hội nghị phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện, và các đối tượng tự đóng khác; chi tư vấn nhóm nhỏ dưới 10 người; chi in ấn, sao chụp thông báo; chi hội nghị sơ kết, tổng kết; khen thưởng tổ chức dịch vụ thu, cơ sở giáo dục). Mức chi tối đa bằng 7,5% số tiền đóng của người tham gia (không bao gồm số thu do ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân hỗ trợ), trong đó: mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm xã hội tự nguyện bình quân tối đa bằng 14% số tiền đóng của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; mức chi thù lao cho cơ sở giáo dục bình quân tối đa bằng 2,5% số tiền đóng của học sinh, sinh viên; mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm y tế của các đối tượng còn lại, bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện và các đối tượng tự đóng khác bình quân tối đa bằng 7,0% số tiền đóng bảo hiểm y tế của người tham gia.

Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn tổ chức dịch vụ thu và tổ chức ký hợp đồng ủy quyền với tổ chức dịch vụ thu đảm bảo công khai, minh bạch, không hạn chế cạnh tranh, trong phạm vi định mức chi phí; mức chi thù lao cụ thể của tổ chức dịch vụ thu đối với từng nhóm đối tượng tham gia (đối tượng tham gia lần đầu, đối tượng tiếp tục tham gia) của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với đặc điểm vùng, miền, thực tế của từng tỉnh, thành phố và hình thức đóng.

Chi phí thu còn lại sau khi chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu, cơ sở giáo dục được để lại cho cơ quan bảo hiểm xã hội sử dụng cho việc đào tạo, tập huấn công tác thu, kiểm tra đại lý thu; in ấn, sao chụp thông báo và tổ chức hội nghị phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện và các đối tượng tự đóng khác; tư vấn nhóm nhỏ dưới 10 người; hội nghị sơ kết, tổng kết; khen thưởng tổ chức dịch vụ thu, cơ sở giáo dục. Bảo hiểm xã hội Việt Nam phân bổ cho Bảo hiểm xã hội khu vực và các đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện.

Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cung cấp mẫu biểu để tổ chức làm đại lý thu tự in ấn phục vụ cho việc lập danh sách người tham gia.

6. Chi phí ủy quyền thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bắt buộc đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và cơ quan tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam có sử dụng lao động (gồm: tư vấn trực tiếp đối với từng doanh nghiệp và người lao động, tuyên truyền, phát triển đối tượng, thu tiền và nộp tiền đã thu cho cơ quan bảo hiểm xã hội). Mức chi tối đa bằng 4% đối với đối tượng tham gia năm đầu, tối đa bằng 1,65% đối với đối tượng tiếp tục tham gia từ năm thứ hai trở đi trên số tiền thực thu của người sử dụng lao động, người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn.

Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn tổ chức dịch vụ thu và tổ chức ký hợp đồng ủy quyền với tổ chức dịch vụ thu đảm bảo công khai, minh bạch, không hạn chế cạnh tranh, trong phạm vi định mức chi phí; mức chi thù lao cụ thể của tổ chức dịch vụ thu đối với đối tượng tham gia của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với tình hình thực tế của từng tỉnh, thành phố và thời gian tham gia (đối tượng tham gia năm đầu, đối tượng tiếp tục tham gia).

7. Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp bằng 0,54% số tiền chi trả từ các quỹ thành phần: Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí và tử tuất (trừ các khoản chi: Phí khám giám định; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi trở lại làm việc; đóng bảo hiểm y tế) và chi bảo hiểm thất nghiệp (trừ các khoản chi: Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm; hỗ trợ học nghề; hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm; đóng bảo hiểm y tế) để chi tập huấn nghiệp vụ và thù lao của tổ chức dịch vụ chi trả; cước tin nhắn thông báo đến người hưởng ủy quyền cho người khác nhận thay tiền chế độ bằng tiền mặt và qua tài khoản cá nhân; phí chuyển tiền vào tài khoản người hưởng; chi phí văn phòng phẩm, in mẫu biểu, chi phí chi trả tại nơi cư trú; khen thưởng tổ chức dịch vụ chi trả; sơ kết, tổng kết công tác chi trả.

Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam căn cứ mức chi phí chi trả (bao gồm nguồn ngân sách nhà nước tại điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị định này) quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả và tổ chức ký hợp đồng ủy quyền với tổ chức dịch vụ chi trả đảm bảo công khai, minh bạch, không hạn chế cạnh tranh, trong phạm vi định mức chi phí; mức chi cụ thể cho tổ chức dịch vụ chi trả của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tổ chức dịch vụ chi trả chịu trách nhiệm đối với rủi ro phát sinh trong quá trình chi trả.

Trích tối đa 70% trên mức chi phí chi trả bình quân toàn ngành để chi cho tổ chức dịch vụ chi trả. Chi phí chi trả còn lại sau khi chi thù lao cho tổ chức dịch vụ chi trả được để lại cho cơ quan bảo hiểm xã hội sử dụng để phục vụ việc chi trả (gồm: bảo quản, lưu trữ hồ sơ người thụ hưởng; kiểm tra, giám sát việc chi

trả; làm đêm, thêm giờ; hỗ trợ công chức, viên chức và người lao động có liên quan trong những ngày chi trả). Bảo hiểm xã hội Việt Nam phân bổ cho Bảo hiểm xã hội khu vực và đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện.

Tổ chức dịch vụ chi trả tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc sử dụng chi phí cho việc chi trả do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán nhưng phải đảm bảo việc chi trả an toàn, đúng đối tượng, đúng chính sách và theo hợp đồng đã ký giữa cơ quan Bảo hiểm xã hội và tổ chức làm đại lý chi trả. Cơ quan Bảo hiểm xã hội phải quy định cụ thể các công việc tổ chức dịch vụ chi trả phải thực hiện trong hợp đồng ký với tổ chức dịch vụ chi trả.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội căn cứ số tiền mà tổ chức dịch vụ chi trả cho người thụ hưởng, thực hiện chuyển chi phí chi trả vào tài khoản của tổ chức dịch vụ chi trả (không thanh toán bằng tiền mặt); số tiền chuyển tương ứng mức chi phí chi trả theo tỷ lệ % trên số tiền chi trả do Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định.

8. Chi hỗ trợ cước phí điện thoại cho một số chức danh và vị trí công tác trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam, ngoài đối tượng được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng, trang bị điện thoại di động theo quy định của pháp luật, tối đa không quá 250.000 đồng/người/tháng. Mức hỗ trợ cụ thể và đối tượng hỗ trợ do Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định trong phạm vi nguồn chi tổ chức và hoạt động được sử dụng.

9. Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích tập thể, cá nhân ngoài ngành Bảo hiểm xã hội phối hợp chỉ đạo việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; triển khai công tác phát triển người tham gia, tổ chức thu; chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thu hồi đối với các trường hợp chậm đóng, trốn đóng, chiếm dụng tiền đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Mức hỗ trợ đối với cá nhân không quá 03 lần mức lương cơ sở/lần và đối với tập thể không quá 15 lần mức lương cơ sở/lần; số lần hỗ trợ trong một năm không quá 04 lần.

10. Chi phí in ấn, sao chụp tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thông báo.

11. Chi phí chuyển tiền trả Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại.

12. Chi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, gồm:

a) Chi trang phục thanh tra và cấp thẻ thanh tra theo quy định tại khoản 3 Điều 14 và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

b) Chi chế độ bồi dưỡng đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 03/2024/NĐ-CP.

c) Chi chế độ công tác phí, làm việc ban đêm, làm thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của ngành bảo hiểm xã hội và các đơn vị phối hợp (nếu có).

Điều 16. Chi hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp và Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội

1. Chi hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp

a) Chi tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp theo quy định của Nhà nước, chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có) hoặc tiền lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp theo quy định của Nhà nước.

b) Chi quản lý hành chính: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Chi bảo đảm hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể và chế độ đối với dân quân tự vệ theo chế độ quy định.

d) Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế (nếu có).

e) Chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định.

g) Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái công chức, viên chức, người lao động trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo chế độ quy định.

h) Chi phí thuê mướn; chi phí thực hiện hợp đồng thuê khoán công việc hoặc hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

i) Chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động theo chương trình của Nhà nước (không bao gồm các khoản chi quy định tại Điều 12 của Nghị định này): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức nhà nước.

k) Chi chế độ tiền thưởng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ tiền thưởng đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

l) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi hoạt động của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; các đoàn giám sát của Hội đồng quản lý: Nội dung và mức chi theo chế độ công tác phí và chế độ hội nghị đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

b) Chi chế độ bồi dưỡng hàng tháng đối với các thành viên Hội đồng quản lý. Nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị định số 72/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định về nội dung chi hoạt động của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 17. Quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan bảo hiểm xã hội

Việc quản lý và sử dụng tài sản hình thành từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Kinh phí thu được từ việc bán, chuyển nhượng, thanh lý, khai thác tài sản hình thành từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của cơ quan bảo hiểm xã hội sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan đến việc bán, chuyển nhượng, thanh lý, khai thác tài sản; khoản tiền thu được từ bồi thường tài sản hình thành từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của cơ quan bảo hiểm xã hội và số tiền hỗ trợ di dời trong trường hợp cơ quan bảo hiểm xã hội bị thu hồi nhà, đất được bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 18. Chuyển nguồn chi tổ chức và hoạt động

1. Các khoản dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được cấp có thẩm quyền giao, đến cuối năm chưa thực hiện hoặc chưa được sử dụng hết, được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng gồm:

a) Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, trụ sở; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán;

b) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở;

c) Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện;

d) Kinh phí được giao tự chủ;

đ) Chi ứng dụng công nghệ thông tin bố trí cho các nhiệm vụ, dự án trong năm được chuyển nguồn sang năm sau nhưng tối đa không quá thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

2. Trường hợp nhiệm vụ thuộc nội dung được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, đơn vị được giao dự toán chi tổ chức và hoạt động thực hiện nộp lại các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế tương ứng theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định này.

Điều 19. Xác định kinh phí tiết kiệm

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp thực hiện các biện pháp tiết kiệm kinh phí trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong phạm vi nguồn kinh phí chi hoạt động bộ máy quy định tại Điều 16 Nghị định này (trừ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi tại các điểm d, đ, e, g, h, i, k khoản 1 và khoản 2) được xác định là số kinh phí tiết kiệm.

2. Trên cơ sở định mức, chế độ Nhà nước quy định và trong phạm vi mức kinh phí được giao, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm xây dựng quy chế chỉ tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ tiêu chuẩn, định mức chi, khoán chi phí cho từng cá nhân, đơn vị trực thuộc, phân phối và sử dụng các quỹ để thực hiện thống nhất.

3. Đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, toàn bộ số kinh phí tiết kiệm được chuyển sang năm sau để sử dụng, không thực hiện trích lập các quỹ.

4. Đối với cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ: Cách xác định kinh phí tiết kiệm và sử dụng kinh phí tiết kiệm được thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ trong năm đến cuối năm chưa sử dụng thuộc trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định tại Điều 18 của Nghị định này, không được coi là kinh phí tiết kiệm để trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 20. Sử dụng kinh phí tiết kiệm

Số kinh phí tiết kiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định này được sử dụng như sau:

1. Trích 5% để lập quỹ phát triển hoạt động để sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho công chức, viên chức, người lao động.

Bảo hiểm xã hội khu vực, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chuyển kinh phí trích lập về Bảo hiểm xã hội Việt Nam để quản lý, sử dụng theo quyết định của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Trích lập quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 01 lần quỹ tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp, trừ phụ cấp làm việc ban đêm, làm thêm giờ để chi cho các nội dung sau:

a) Chi bổ sung thu nhập gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.

b) Chi cho công chức, viên chức, người lao động bị giảm sút thu nhập do mắc bệnh hiểm nghèo phải điều trị dài ngày hoặc từ trần.

c) Dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm do những nguyên nhân khách quan.

3. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa không quá 03 tháng tiền lương và thu nhập thực tế trong năm để:

a) Thương định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của

pháp luật về thi đua khen thưởng; thưởng cho tập thể, cá nhân ngoài đơn vị có thành tích đóng góp vào hoạt động tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của đơn vị. Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho công chức, viên chức và người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi hỗ trợ cho người thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

4. Phần còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động.

5. Tùy thuộc vào số kinh phí tiết kiệm trong năm và việc sử dụng các quỹ, mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này do thủ trưởng đơn vị quyết định tại quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.
2. Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực thi hành từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 22. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15, 16 tại Nghị định này hướng dẫn thực hiện cho phù hợp với tổ chức hoạt động của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Nghị định này để đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước.

2. Các Bộ trưởng: Tài chính, Nội vụ, Y tế, Quốc phòng, Công an, Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Tài chính – Ngân sách của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Hội đồng quản lý BHXH;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (110b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP
ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Tổng hợp các chỉ tiêu dự toán thu, chi của Bảo hiểm xã hội Việt Nam
Mẫu số 02	Chi tiết dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội
Mẫu số 03	Chi tiết dự toán thu, chi bảo hiểm y tế
Mẫu số 04	Chi tiết dự toán thu, chi bảo hiểm thất nghiệp
Mẫu số 05	Chi tiết dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế
Mẫu số 06	Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tên đơn vị.....

**TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU
DỰ TOÁN THU, CHI CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm (n-1)	Năm (n)				Dự kiến năm (n+1)		
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	ƯTH so dự toán		Tổng số	So ƯTH năm (n+1)	
					Tăng, giảm	Tỷ lệ %		Tăng, giảm	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3:2	6	7=6-3	8=6:3
I	TỔNG SỐ THU (1+2)								
1	Thu tiền đóng theo chế độ quy định								
	- Thu bảo hiểm xã hội								
	- Thu bảo hiểm y tế								
	- Thu bảo hiểm thất nghiệp								
2	Tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư quỹ								
II	TỔNG SỐ CHI (1+2+3+4)								
1	Chi trả chế độ bảo hiểm xã hội								
	- Nguồn quỹ BHXH bảo đảm								
	- Nguồn NSNN bảo đảm								
2	Chi các chế độ bảo hiểm y tế								
3	Chi trả chế độ bảo hiểm thất nghiệp								
4	Chi tổ chức và hoạt động								
	- Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội								
	- Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế								
	- Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp								

* Ghi chú: Ký hiệu (n) là năm nay, (n-1) là năm liền trước, (n+1) là năm liền sau; khi lập dự toán phải ghi cụ thể, không ghi ký hiệu

-	Trợ cấp TNLD một lần												
-	Trợ cấp thân nhân người lao động bị chết do TNLD												
C	Quỹ hưu trí, tử tuất												
1	Đóng BHYT												
2	Lương hưu												
3	Trợ cấp cán bộ xã, phường												
4	Trợ cấp tuất hàng tháng												
5	Trợ cấp BHXH một lần												
6	Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu												
7	Trợ cấp mai táng												
8	Trợ cấp tuất một lần												
9	Giám định y khoa												
10	Phụ cấp khu vực												
11	Chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (Điều 23 Luật BHXH 2024)												

* Ghi chú: chi từ quỹ BHXH bao gồm cả các chế độ BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện

III	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT cho đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ liên quan đến quản lý và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN											
IV	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT cho tổ chức thu, chi trả BHXH, BHYT, BHTN và hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp, Hội đồng quản lý BHXH.											

4	Mua TPCP bảo lãnh của NH Chính sách XH												
III	Đầu tư vào các dự án quan trọng												
1	Dự án ...												
2	Dự án ...												
	<i>Chi tiết từng dự án</i>												

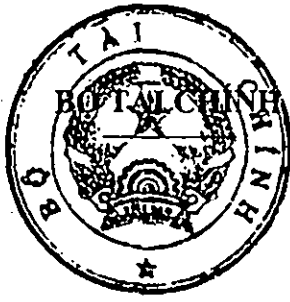
DỰ TOÁN TIỀN SINH LỜI CỦA HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÁC QUỸ BHXH, BHYT, BHTN

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm (n-1)	Năm (n)				Dự kiến năm (n+1)		
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	ƯTH so dự toán		Tổng số	So ƯTH năm (n+1)	
					Tăng, giảm	Tỷ lệ %		Tăng, giảm	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3:2	6	7=6-3	8=6:3
1	Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ								

* Tài liệu kèm theo:

- Phương án đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua.
- Thuyết minh chi tiết dự toán tiền sinh lời của hoạt động đầu tư các quỹ BHXH, BHYT, BHTN.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị định bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật vì bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, gồm: Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; Luật Việc làm năm 2013; Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi năm 2024.

- Dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

- Dự thảo Nghị định được xây dựng và ban hành nhằm mục đích cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội và các quy định của Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm; đổi mới cơ chế tài chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành. Ngoài ra, dự thảo Nghị định được ban hành sẽ khắc phục một số tồn tại hạn chế trong triển khai thực hiện Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg thời gian qua; tạo tiền đề thúc đẩy quá trình đổi mới cơ chế tài chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Qua đó tạo thuận lợi cho ngành BHXH chủ động nguồn kinh phí, tổ chức thực hiện thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật; tập trung nguồn thu, vừa nâng cao hiệu quả đầu tư theo phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam thông qua vừa đảm bảo tính thanh khoản đáp ứng nhu cầu chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định.

- Việc xây dựng dự thảo Nghị định đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động

của ngành BHXH để ngành BHXH chủ động trong việc sử dụng kinh phí, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật.

- Kế thừa các nội dung quy định tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg; đảm bảo theo đúng định hướng tại các Nghị quyết của Đảng, cụ thể hóa quy định tại Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động và pháp luật khác có liên quan, bao quát đầy đủ hoạt động của BHXH Việt Nam và tổ chức thực hiện BHXH, BHTN, BHYT của các cơ quan liên quan và khắc phục được những hạn chế, vướng mắc trong thực tế tổ chức thực hiện.

- Kinh phí cho thực hiện chính sách đề nghị xây dựng Nghị định: Với việc ban hành Nghị định thay thế Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg, Bộ Tài chính đánh giá kinh phí cho thực hiện chính sách khi Nghị định được ban hành sẽ tác động làm giảm chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN bình quân mỗi năm khoảng 150 tỷ đồng. Do đó kinh phí thực hiện Nghị định vẫn nằm trong phạm vi mức chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

- Kinh phí đảm bảo tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành: Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định sau khi ban hành đã được bảo đảm theo quy định tại Luật BHXH năm 2024, Luật Việc làm năm 2013, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và Luật BHYT năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024). Được đảm bảo từ nguồn sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

- Nguồn lực về con người: Đề xuất xây dựng Nghị định và tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành không làm phát sinh thay đổi tổ chức bộ máy, nhân sự.

3. Tác động về giới (nếu có)

Dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến vấn đề giới.

4. Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Nội dung dự thảo Nghị định thay thế Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg không có thủ tục hành chính. Do đó, không có tác động về thủ tục hành chính./.

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

Ban hành Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 5 Điều 120, khoản 1 Điều 137 Luật bảo hiểm xã hội năm 2024 và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

a) Phạm vi rà soát là các văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực, các văn bản chỉ đạo liên quan đến các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định.

b) Rà soát, đối chiếu các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định và các văn bản pháp luật có liên quan đến các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật BHXH, Luật Việc làm, Luật Bảo hiểm y tế, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các quy định của pháp luật có liên quan để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) và chi phí quản lý bảo BHXH, BHTN, BHYT (Quyết định số 60); Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số

60/2015/QĐ-TTg (Quyết định số 38), bổ sung những quy định mới phù hợp với yêu cầu triển khai thi hành, quản lý nhà nước và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định:

Qua rà soát đã xác định được có 08 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định, bao gồm các văn bản sau

- 05 Luật: Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; Luật Việc làm năm 2013; Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, Luật Bảo hiểm y tế năm 2008; Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi năm 2024)

- 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: (i) Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) và chi phí quản lý bảo BHXH, BHTN, BHYT. (ii) Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg

- 06 Nghị định của Chính phủ: (i) Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; (ii) Nghị định số 75/2013/NĐ-CP ngày 19/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; (iii) Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP và Nghị định số 75/2023/NĐ-CP; (iv) Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Việc làm và bảo hiểm thất nghiệp; (v) Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP; (vi) Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

- 02 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: (i) Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; (ii) Thông tư số 24/2020/TTB-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2016/TT-BTC.

2. Kết quả cụ thể

Trên cơ sở hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế phù hợp các quy định pháp luật hiện hành.

a) Quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024:

- Khoản 1 Điều 137 quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính: “*Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế tài chính về BHXH; quy định về chi tổ chức và hoạt động BHXH quy định tại Điều 120 của Luật này.*”

- Khoản 1 Điều 120 quy định:

“1. Chi tổ chức và hoạt động BHXH được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH;

b) Cải cách hành chính BHXH; phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ BHXH;

c) Đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ liên quan đến quản lý và hoạt động BHXH;

d) Tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội và hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp, Hội đồng quản lý BHXH.

2. Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH được tính trên cơ sở số phần trăm của dự toán thu, chi BHXH, không bao gồm số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng các chế độ BHXH và được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ BHXH: 120 Luật BHXH năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025) quy định”.

....v....

b) Quy định của Luật Việc làm năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn về bảo hiểm thất nghiệp:

Điểm e Khoản 3 Điều 57 quy định: Chi phí quản lý (chi tổ chức và hoạt động) BHTN thực hiện theo quy định của Luật BHXH.

c) Quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và Nghị định hướng dẫn về bảo hiểm tai nạn lao động:

Khoản 7 Điều 42 quy định: Chi phí quản lý (chi tổ chức và hoạt động) bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật BHXH

d) Quy định Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, Luật sửa đổi Luật Bảo hiểm y tế năm 2024:

- Khoản 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (số 51/2024/QH15) sửa đổi, bổ sung Điều 35 quy định quỹ bảo hiểm y tế được phân bổ và sử dụng như sau: 92% số tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho khám bệnh, chữa bệnh; 8% số tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho quỹ dự phòng, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế, trong đó dành tối thiểu 4% số tiền đóng

bảo hiểm y tế cho quỹ dự phòng. Giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế.

e) Vì vậy, căn cứ quy định Luật Bảo hiểm y tế, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Việc làm, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn; Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024); việc xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đề phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành là cần thiết và đảm bảo cơ sở pháp lý.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2025

**Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý
của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định của Chính phủ
quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,
bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế**

**A. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý
của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

Ngày 18/12/2024, Bộ Tài chính có văn bản số 13903/BTC-HCSN gửi lấy ý kiến góp ý của gửi lấy ý kiến 26 Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và BHXH tỉnh, thành phố (gồm: 17 Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, 09 BHXH tỉnh, thành phố), Công thông tin điện tử Chính phủ, Công thông tin điện tử của Bộ Tài chính đối với hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

B. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Đến ngày 28/02/2025, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của 22/26 Bộ, cơ quan Trung ương và BHXH tỉnh, thành phố.

Ngày 18/02/2025, Công TTĐT Chính phủ có văn bản số 106/TTĐT-DLĐT thông báo: "Sau 60 ngày đăng tải, Công Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo"; không nhận được ý kiến của cá nhân, tổ chức tham gia qua Công TTĐT của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý tại Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia kèm theo.

Bộ Tài chính báo cáo một số nội dung tiếp thu, giải trình như sau:

I. Các ý kiến tiếp thu

1. Về hoàn thiện dự thảo Nghị định theo chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành đã sắp xếp tinh gọn bộ máy

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nghiên cứu, chỉnh sửa các quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành sau khi thực hiện tinh gọn bộ máy, Bộ Tài chính đã phối hợp với BHXH Việt Nam rà soát chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính sau khi hợp nhất Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ, cơ cấu Bảo hiểm xã hội Việt Nam vào Bộ Tài

chính để hoàn thiện dự thảo Nghị định theo các Nghị định, quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, BHXH Việt Nam¹.

2. Về bảo đảm thanh khoản (Điều 5):

- Bộ Tư pháp: Tại Báo cáo thẩm định số 121/BCTĐ-BTP ngày 11/7/2023, Bộ Tư pháp có nêu: *"Đây là vấn đề tài chính, kỹ thuật không thuộc trách nhiệm thẩm định của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, theo ý kiến của một số thành viên tham gia Hội đồng thẩm định và ý kiến của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Công văn số 0679/LĐTM-SDLĐ ngày 20/4/2023, việc quy định mức tối đa bảo đảm thanh khoản là 1,1 tháng nêu trên có thể chưa hợp lý vì trên thực tế không phải tất cả các tháng trong năm đều phát sinh nhu cầu chi như nhau. Do đó, để đảm bảo tính hợp lý, hiệu quả trong quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ hơn căn cứ, cơ sở quy định mức bảo đảm thanh khoản nêu trên"*. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định này, cơ quan chủ trì soạn thảo vẫn giữ nguyên quy định về việc bảo đảm thanh khoản với mức tối đa là 1,1 tháng theo tổng dự toán chi các chế độ bảo hiểm xã hội. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, giải trình rõ hơn ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp đã nêu tại Báo cáo thẩm định số 121/BCTĐ-BTP.

- Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội: Đề nghị chỉnh lý: "Giảm" mức tối đa là 1,1 tháng của tổng dự toán chi. Do mức bảo đảm thanh khoản trên tài khoản này chỉ cần quy định duy trì tỷ lệ đảm bảo an toàn trên cơ sở số chi thực tiễn.

- Bộ Tài chính tiếp thu giữ nguyên quy định hiện hành tại Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg, không quy định mức tối đa bảo đảm thanh khoản là 1,1 tháng, do chưa đủ cơ sở quy định mức bảo đảm thanh khoản 1,1 tháng.

3. Về bổ sung nội dung chi của BHXH công an nhân dân (Điều 11).

Bộ Công an đề nghị bổ sung các nội dung chi như: mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ; chi ứng dụng công nghệ thông tin; chi nghiên cứu khoa học, chi chế độ tiền thưởng, cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và các khoản chi khác phục vụ cho công tác BHXH, BHYT, BHTN trong Công an nhân dân, các khoản chi khác theo quy định của pháp luật. Theo đó, tại điểm b khoản 1 Điều 11 bổ sung nội dung chi tại khoản 2, 3 Điều 14 và điểm d, h, i, k, l, m khoản 1 Điều 16

¹ + Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, trong đó: Hợp nhất Cục Việc làm và Cục An toàn lao động thành Cục Việc làm và trong Cục Việc làm có 02 đơn vị trực thuộc: Trung tâm quốc gia về Dịch vụ việc làm, Trung tâm Quốc gia về An toàn – Vệ sinh lao động.

+ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, trong đó quy định: BHXH Việt Nam là đơn vị đặc thù.

+ Quyết định số 391/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ Tài chính về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam, trong đó quy định: Có Giám đốc và một số Phó giám đốc. Tổ chức theo hệ thống 03 cấp: (i) BHXH Việt Nam. (ii) BHXH khu vực trực thuộc BHXH Việt Nam. (iii) Bảo hiểm xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bảo hiểm xã hội liên huyện (gọi chung là BHXH cấp huyện) thuộc Bảo hiểm xã hội khu vực.

Bộ Tài chính tiếp thu và sẽ hướng dẫn cụ thể tại Thông tư của Bộ Tài chính.

4. Về chuyển kinh phí còn dư cuối năm (tại điểm a khoản 3 Điều 6):

- Bộ Quốc phòng, đề nghị sửa lại: *"Đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng chuyên định kỳ hằng quý trước ngày 25 của tháng cuối quý trước. Kinh phí chuyển bằng bình quân dự toán quý được giao. Trường hợp mức chi trong quý thay đổi, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng có văn bản gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để cấp kinh phí chi trả chế độ kịp thời. Sau khi thẩm định quyết toán năm với các đơn vị trực thuộc, kinh phí còn dư, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng chuyển trả về Bảo hiểm xã hội Việt Nam".* Lý do: Việc dự thảo quy định thời điểm chuyển trả kinh phí còn dư trước ngày 10 tháng 02 năm sau là chưa phù hợp; tại thời điểm này, BHXH Quân đội chưa xét duyệt, thẩm định xong quyết toán năm cho các đơn vị trong Bộ Quốc phòng nên chưa xác định được kinh phí còn dư của năm.

- Bộ Công an: Đề nghị cân nhắc kỹ việc quy định chuyển nộp kinh phí chi chế độ BHXH còn dư cuối năm về BHXH Việt Nam đối với BHXH Công an nhân dân và xem xét điều chỉnh theo hướng: Kinh phí chế độ BHXH còn dư cuối năm ngân sách của BHXH Công an nhân dân chưa sử dụng hết, BHXH Việt Nam sẽ trừ vào dự toán kinh phí năm sau để đảm bảo chủ động trong thực hiện chi chế độ cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân được kịp thời. Do: Các nội dung chi về chế độ, chính sách BHXH tại Công an các đơn vị, địa phương trong năm có thể phát sinh khoản chi đột xuất, thường vào đầu năm ngân sách, với nhu cầu kinh phí lớn, ngoài dự kiến đối với một số chế độ. Mặt khác, theo quy trình báo cáo quyết toán, đến tháng 4 năm sau, Công an đơn vị, địa phương mới gửi báo cáo quyết toán tài chính năm trước về Bộ Công an nên tại thời điểm ngày 31/12 của năm trước, BHXH Công an nhân dân chưa xác định được số chính xác kinh phí còn dư để chuyển trả BHXH Việt Nam.

- Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sửa lại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 như sau: *"Sau khi thẩm định quyết toán năm, kinh phí còn dư, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân chuyển trả về Bảo hiểm xã hội Việt Nam"*.

5. Về lập dự toán, quyết toán (Điều 10) và chỉ tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT phần BHXH Việt Nam thực hiện

- Hội đồng quản lý BHXH: Theo điểm a khoản 8 Điều 10, BHXH Việt Nam có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định, thông qua báo cáo quyết toán năm cho các cơ quan trực thuộc. Nhưng theo điểm d, chưa phân công cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện việc duyệt, thẩm định, phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH; quy định việc quyết toán thu, chi quỹ BHXH, quỹ BHYT, quỹ BHTN trước khi cơ quan BHXH trình Hội đồng quản lý thông qua. Đề nghị xem xét các quy định để đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan tổ chức thực hiện và các cơ quan có liên quan trong thực hiện BHXH.

- Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Hội đồng quản lý BHXH: Theo chức năng, nhiệm vụ, BHXH Việt Nam là cơ quan đặc thù thuộc Bộ Tài chính, theo

đó, đối với dự toán và quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT phần BHXH Việt Nam thực hiện, phải gửi đơn vị dự toán cấp I (Cục Kế hoạch tài chính) cho ý kiến về dự toán và thẩm định quyết toán trước khi BHXH Việt Nam tổng hợp chung dự toán và quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT (bao gồm cả BHXH Quân đội, BHXH Công an nhân dân và Bộ Nội vụ) trình Hội đồng quản lý BHXH thông qua. Theo đó:

(1) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 như sau: “*b) Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng dự toán thu, chi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) xem xét cho ý kiến và tổng hợp dự toán thu, chi của các cơ quan, đơn vị liên quan, trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, gửi Bộ Tài chính (quản lý nhà nước) trước ngày 30 tháng 8 hằng năm, bao gồm:*”

(2) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 10 như sau: “*9. Bộ Tài chính thẩm định và thông báo quyết toán năm cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam đối với khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người hưởng thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo và kinh phí do ngân sách trung ương hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên đang theo học tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (phần giao dự toán cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện)*”.

6. Về chi từ quỹ bổ sung thu nhập (Khoản 2 Điều 20).

- Tiếp thu ý kiến của BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh Đắk Lắk, Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến tiền lương và thu nhập của các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương chỉ mang tính chất giai đoạn nhất định (khi chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù), có thể được thay đổi khi có quyết định của cấp có thẩm quyền. Bộ Tài chính sửa lại như sau: “*a) Chi bổ sung thu nhập gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.*”

- Tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị xem lại sự phù hợp: (i) điểm b khoản 2 Điều 20 quy định chi bổ sung thu nhập khuyến khích cho các tập thể, đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động quản lý; do có khả năng trùng với quy định về thưởng cho tập thể, cá nhân theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp quy định tại điểm a khoản 3. (ii) điểm d khoản 2 Điều 20 quy định chi ôn định thu nhập cho công chức, viên chức, người lao động chuẩn bị nghỉ hưởng chế độ hưu trí hoặc trong thời gian sinh con; do chưa rõ (chuẩn bị nghỉ hưởng chế độ hưu trí là vẫn làm việc hay đã nghỉ làm việc) và có khả năng trùng với các chế độ, chính sách khác (lao động nữ nghỉ thai sản thì được hưởng trợ cấp thai sản). Bộ Tài chính bỏ quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 20.

7. Bộ Tài chính bổ sung 01 khoản tại Điều 22. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành: “*1. Bộ trưởng Bộ Tài chính căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại các*

Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16 tại Nghị định này hướng dẫn thực hiện cho phù hợp với tổ chức hoạt động của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Nghị định này để đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước.”.

8. Một số ý kiến khác và liên quan đến chỉnh sửa từ ngữ, kỹ thuật dẫn chiếu điều, khoản, trình bày văn bản, Bộ Tài chính đã tiếp thu trong dự thảo Nghị định tại Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia kèm theo.

II. Các ý kiến không tiếp thu

1. Về đối tượng áp dụng (Điều 2):

- Bộ Công an và Hội đồng quản lý BHXH: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung đối tượng Hội đồng quản lý BHXH tại Điều 2 dự thảo; đồng thời bổ sung các nội dung quy định có liên quan đến Hội đồng quản lý BHXH tại các khoản, điều quy định việc: Mở tài khoản; Chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động; Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi; hạch toán kế toán và quyết toán (Điều 4, Điều 6, Điều 8 và Điều 10).

- Bộ Tài chính báo cáo giải trình như sau:

Tại Khoản 8 Điều 11 Nghị định số 89/2020/NĐ-CP quy định: “*Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý do BHXH Việt Nam bảo đảm. ... Hội đồng quản lý sử dụng con dấu của BHXH Việt Nam để hoạt động*”. Theo đó, kinh phí hoạt động của HĐQL do BHXH Việt Nam đảm bảo; HĐQL sử dụng con dấu của BHXH VN và không mở tài khoản riêng để hoạt động. Do vậy, Hội đồng quản lý BHXH không phải là đơn vị dự toán để lập dự toán và báo cáo quyết toán chi hoạt động bộ máy của Hội đồng quản lý được tổng hợp trong dự toán chi hoạt động bộ máy của BHXH Việt Nam và được quy định tại khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định.

2. Về chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động (Điều 6):

a) Bộ Công an và Hội đồng quản lý BHXH: Đề nghị bổ sung các nội dung quy định có liên quan đến Hội đồng quản lý về chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động.

- Bộ Tài chính báo cáo giải trình như sau: Do Hội đồng quản lý BHXH không phải là đơn vị dự toán để quy định các nội dung trên. Chi hoạt động của Hội đồng quản lý BHXH nằm trong chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT, đã quy định chuyển kinh phí tại điểm c khoản 3 Điều 6.

3. Về Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi (Điều 8).

- BHXH Việt Nam đề nghị: (i) bổ sung cụ thể thời gian Hội đồng quản lý BHXH hoàn thành việc thông qua dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT hằng năm. Để phân định rõ trách

nhiệm của từng cấp có thẩm quyền. (ii) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 8 như sau: *“Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng dự toán chi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế... trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua, trước ngày 20/30 tháng 7 hằng năm, gửi Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 hằng năm...”*.

- Bộ Tài chính báo cáo giải trình như sau: Thời gian quy định tại dự thảo đề phù hợp với thời gian khi xây dựng dự toán chi NSNN hàng năm, đảm bảo kịp thời báo cáo dự toán các quỹ cùng với thời gian Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tại dự thảo đã quy định cụ thể thời gian: BHXH Việt Nam trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua, trước ngày 20 tháng 7 hằng năm theo quy định của Luật NSNN.

4. Về hạch toán kế toán và quyết toán (Điều 10)

a) Bộ Công an, Hội đồng quản lý BHXH: Đề nghị bổ sung các nội dung quy định có liên quan đến Hội đồng quản lý về quyết toán

- Bộ Tài chính báo cáo giải trình như sau: Căn cứ Điều 20 Luật BHXH năm 2024, tại điểm d khoản 8 Điều 10 dự thảo đã quy định: *“Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp, lập báo cáo tài chính các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo chế độ kế toán bảo hiểm xã hội; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo mục lục ngân sách nhà nước và chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp gửi Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua và gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 01 tháng 10 năm sau.”*

b) Bộ Công an: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định về hạch toán kế toán và quyết toán về hoàn trả số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN do thu trùng, thu không đúng đối tượng.

- Bộ Tài chính báo cáo giải trình như sau: Việc hạch toán kế toán hoàn trả tiền thu BHXH, BHTN, BHYT do thu trùng, thu không đúng đối tượng được quy định tại Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ kế toán quỹ BHXH, BHTN, BHYT và Quy trình quản lý thu BHXH, BHTN, BHYT, không thuộc phạm vi quy định tại Nghị định này.

5. Về chi cải cách hành chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (Điều 13)

a) Điểm e khoản 2 Điều 13, Hội đồng quản lý BHXH đề nghị xem xét, đánh giá tổng thể về kết quả, hiệu quả về quy định mức chi cho Tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân trên cơ sở thực tiễn thực hiện thời gian qua để tính toán lại đối với mức chi 30.000đ/người hưởng là khá cao.

- Điểm đ, e khoản 2 Điều 13, Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ căn cứ, cơ sở của việc bổ sung các nội dung chi và mức chi nêu tại dự thảo: (i) Chi điều tra thống kê đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc tham gia chưa đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội. (ii) Chi cho Tổ chức

dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân (gồm: chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thù lao cho người xác minh). Mức chi 30.000 đồng/người hưởng. Đây là các nội dung chi mới được bổ sung, chưa có tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg)

- Bộ Tài chính báo cáo giải trình như sau:

Đối với nội dung: (i) Chi điều tra thống kê đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc tham gia chưa đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội: Đây là nội dung kế thừa từ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 9 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg (đã sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg). Mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

- Đối với nội dung: (ii) Chi cho Tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân (gồm: chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thù lao cho người xác minh). Nội dung chi mới phát sinh theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 11 Luật BHXH năm 2024: *“c) Định kỳ hằng năm, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền để thực hiện việc xác minh thông tin đủ điều kiện thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội”*. Mức chi quy định tại dự thảo Nghị định tính trên cơ sở (chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thù lao cho người xác minh; mức cước dịch vụ chuyên phát nhanh bảo đảm của các đơn vị thực hiện chuyên phát dịch vụ công).

6. Ngoài ra, một số ý kiến khác, Bộ Tài chính báo cáo giải trình tại tại Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia kèm theo./.

BẢN TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CƠ

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
I	Điều 2. Đối tượng áp dụng			
1	Điều 2	Bộ Công an	<p>Đề nghị nghiên cứu, bổ sung đối tượng Hội đồng quản lý BHXH tại Điều 2 dự thảo; đồng thời bổ sung các nội dung quy định có liên quan đến Hội đồng quản lý BHXH tại các khoản, điều quy định việc: Mở tài khoản; Chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động; Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi; hạch toán kế toán và quyết toán (Điều 4, Điều 6, Điều 8 và Điều 10).</p> <p>(1) Theo quy định tại Mục 2 chương II Luật BHXH năm 2024, tổ chức thực hiện BHXH bao gồm Hội đồng quản lý BHXH và cơ quan BHXH. Do đó, cần tách bạch hoạt động của 2 cơ quan</p> <p>(2) Đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 120 Luật BHXH năm 2024</p>	Không tiếp thu. Lý do: Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý do BHXH Việt Nam bảo đảm. ... Hội đồng quản lý sử dụng con dấu của BHXH Việt Nam để hoạt động. Theo đó, kinh phí hoạt động của HĐQT do BHXH Việt Nam đảm bảo; HĐQT sử dụng con dấu của BHXH VN và không mở tài khoản riêng để hoạt động. Do vậy, Hội đồng quản lý BHXH không phải là đơn vị dự toán để lập dự toán và báo cáo quyết toán chi hoạt động bộ máy của Hội đồng quản lý được tổng hợp trong dự toán chi hoạt động bộ máy của BHXH Việt Nam và được quy định tại khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định.
2	Điều 2	Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội	<p>Đề nghị xem xét, bổ sung đối tượng là Hội đồng quản lý và các nội dung khác có liên quan đến Hội đồng quản lý tại các khoản, điều, như: Mở tài khoản; Chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động; Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi; hạch toán kế toán và quyết toán.</p> <p>Để phù hợp với quy định tại Điều 20 và điểm d khoản 1 Điều 120 Luật BHXH năm 2024</p>	
II	Điều 4. Mở tài khoản			
1	Điều 4	Bộ Công an, HĐQT. BHXH	<p>Bổ sung các nội dung quy định có liên quan đến Hội đồng quản lý về mở tài khoản</p> <p>(1) Theo quy định tại Mục 2 chương II Luật BHXH năm 2024, tổ chức thực hiện BHXH bao gồm Hội đồng quản lý BHXH và cơ quan BHXH. Do đó, cần tách bạch hoạt động của 2 cơ quan</p> <p>(2) Đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản a Điều 120 Luật BHXH năm 2024</p>	Không tiếp thu. Lý do: Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý do BHXH Việt Nam bảo đảm. ... Hội đồng quản lý sử dụng con dấu của BHXH Việt Nam để hoạt động. Theo đó, kinh phí hoạt động của HĐQT do BHXH Việt Nam đảm bảo; HĐQT sử dụng con dấu của BHXH VN và không mở tài khoản riêng để hoạt động.
2	điểm b khoản 1 Điều 4	Bộ Công an	<p>Chỉnh lý nội dung: "<i>b) Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện và Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân mở tài khoản thu, nộp các chế độ theo chế độ của các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế ...</i>"</p>	Không tiếp thu. Lý do: Nội dung đã quy định thống nhất với khoản 3 Điều 3 dự thảo

SIT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
III Điều 5. Bảo đảm thanh khoản				
1	khoản 2 Điều 5	Bộ Tư pháp	<p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, giải trình rõ hơn ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp đã nêu tại Báo cáo thẩm định số 121/BCTĐ-BTP.</p> <p>Tại Báo cáo thẩm định số 121/BCTĐ-BTP ngày 11/7/2023, Bộ Tư pháp có nêu: “Đây là vấn đề tài chính, kỹ thuật không thuộc trách nhiệm thẩm định của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, theo ý kiến của một số thành viên tham gia Hội đồng thẩm định và ý kiến của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Công văn số 0679/LĐTM-SDLD ngày 20/4/2023, việc quy định mức tối đa bảo đảm thanh khoản là 1,1 tháng nêu trên có thể chưa hợp lý vì trên thực tế không phải tất cả các tháng trong năm đều phát sinh nhu cầu chi như nhau. Do đó, để đảm bảo tính hợp lý, hiệu quả trong quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ hơn căn cứ, cơ sở quy định mức bảo đảm thanh khoản nêu trên”. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định này, cơ quan chủ trì soạn thảo vẫn giữ nguyên quy định về việc bảo đảm thanh khoản với mức tối đa là 1,1 tháng theo tổng dự toán chi các chế độ bảo hiểm xã hội.</p>	<p>Tiếp thu giữ nguyên quy định hiện hành tại Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg, không quy định mức tối đa bảo đảm thanh khoản là 1,1 tháng, do chưa đủ cơ sở quy định mức bảo đảm thanh khoản 1,1 tháng..</p>
2	khoản 2 Điều 5	Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội	<p>Đề nghị chỉnh lý: “Giảm” mức tối đa là 1,1 tháng của tổng dự toán chi. Do mức bảo đảm thanh khoản trên tài khoản này chỉ cần quy định duy trì tỷ lệ đảm bảo an toàn trên cơ sở số chi thực tiễn</p>	
IV Điều 6. Chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động				
1	Điều 6	Bộ Công an, HDQL BHXH	<p>Bổ sung các nội dung quy định có liên quan đến Hội đồng quản lý về chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động.</p> <p>(1) Theo quy định tại Mục 2 chương II Luật BHXH năm 2024, tổ chức thực hiện BHXH bao gồm Hội đồng quản lý BHXH và cơ quan BHXH. Do đó, cần tách bạch hoạt động của 2 cơ quan</p> <p>(2) Đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản a Điều 120 Luật BHXH năm 2024</p>	<p>Không tiếp thu. Lý do: Do Hội đồng quản lý BHXH không phải là đơn vị dự toán để quy định các nội dung trên. Chi hoạt động của Hội đồng quản lý BHXH nằm trong chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT, đã quy định chuyển kinh phí tại điểm c khoản 3 Điều 6.</p>

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
2	điểm a khoản 3 Điều 6	Bộ Công an	<p>Cần nhắc kỹ việc quy định chuyển nộp kinh phí chi chế độ BHXH còn dư cuối năm về BHXH Việt Nam đối với BHXH Công an nhân dân và xem xét điều chỉnh theo hướng: Kinh phí chế độ BHXH còn dư cuối năm ngân sách của BHXH Công an nhân dân chưa sử dụng hết, BHXH Việt Nam sẽ trừ vào dự toán kinh phí năm sau để đảm bảo chủ động trong thực hiện chi chế độ cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân được kịp thời.</p> <p>Các nội dung chi về chế độ, chính sách BHXH tại Công an các đơn vị, địa phương trong năm có thể phát sinh khoản chi đột xuất, thường vào đầu năm ngân sách, với nhu cầu kinh phí lớn, ngoài dự kiến đối với một số chế độ. Mặc khác, theo quy trình báo cáo quyết toán, đến tháng 4 năm sau, Công an đơn vị, địa phương mới gửi báo cáo quyết toán tài chính năm trước về Bộ Công an nên tại thời điểm ngày 31/12 của năm trước, BHXH Công an nhân dân chưa xác định được số chính xác kinh phí còn dư để chuyển trả BHXH Việt Nam</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sửa lại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 như sau: <i>"Sau khi thẩm định quyết toán năm, kinh phí còn dư, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân chuyển trả về Bảo hiểm xã hội Việt Nam"</i>.</p>
	điểm a khoản 3 Điều 6	Bộ Quốc phòng	<p>Đề nghị chỉnh lý, bổ sung và viết lại khổ 2 điểm a khoản 3 như sau:</p> <p>"Đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng chuyển định kỳ hằng quý trước ngày 25 của tháng cuối quý trước. Kinh phí chuyển bằng bình quân dự toán quý được giao. Trường hợp mức chi trong quý thay đổi, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng có văn bản gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để cấp kinh phí chi trả chế độ kịp thời. Sau khi thẩm định quyết toán năm với các đơn vị trực thuộc, kinh phí còn dư, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng chuyển trả về Bảo hiểm xã hội Việt Nam".</p> <p>Lý do: Việc dự thảo quy định thời điểm chuyển trả kinh phí còn dư trước ngày 10 tháng 02 năm sau là chưa phù hợp; tại thời điểm này, BHXH Bộ Quốc phòng chưa xét duyệt, thẩm định xong quyết toán năm cho các đơn vị trong Bộ Quốc phòng nên chưa xác định được kinh phí còn dư của năm.</p>	
	điểm c khoản 3	Bộ Quốc phòng	<p>Đề nghị chỉnh lý, bổ sung và viết lại điểm c khoản 3 như sau:</p> <p>"Chuyển kinh phí chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (không bao gồm các khoản chi quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này) cho các đơn vị hằng tháng và bằng bình quân một tháng của dự toán được giao hằng năm trước ngày 10 hằng tháng. Đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng chuyển định kỳ hằng quý trước ngày 25 của tháng cuối quý trước. Kinh phí chuyển bằng bình quân dự toán quý được giao".</p>	<p>Không tiếp thu, do việc quy định tại dự thảo để thống nhất về chuyển kinh phí chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho các đơn vị (trước ngày 10 hằng tháng).</p>

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
	điểm d khoản 4	Bộ Quốc phòng	Đề nghị bổ sung thêm điểm d khoản 4: “d) Kinh phí cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng bằng bình quân dự toán một quý của chi chế độ bảo hiểm xã hội, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm trước liền kề”. Lý do: Việc dự thảo quy định chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động cho BHXH Bộ Quốc phòng định kỳ hằng tháng là chưa phù hợp với thực tiễn, đặc thù của Bộ Quốc phòng. Do, cơ quan BHXH chuyên trách chi tổ chức ở 01 cấp trực thuộc Bộ; kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động đến được với đối tượng, đơn vị thụ hưởng phải qua 04 cấp quản lý dự toán; do vậy sẽ không bảo đảm kịp thời và không đủ kinh phí chi trả trong tháng cho đơn vị dự toán cấp 4 (cấp trực tiếp chi tiêu).	Không tiếp thu, do việc quy định tại dự thảo để thống nhất về chuyển kinh phí chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho các đơn vị
3	khoản 4 Điều 6	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đang dẫn chiếu quy định theo nội dung điểm a, khoản 3, Điều 3 (trường hợp đã được giao dự toán), đề nghị xem xét lại đối với nội dung này.	Không tiếp thu. Lý do: Điểm a khoản 3 Điều 6 dự thảo quy định về cách thức xác định mức chuyển kinh phí định kỳ hằng tháng. Trường hợp chưa được giao dự toán, để đảm bảo kinh phí chi trả cho người hưởng đầy đủ, kịp thời theo quy định của Luật BHXH, BHXH Việt Nam vẫn phải chuyển kinh phí cho các đơn vị trên cơ sở số chi trả tháng trước và dự kiến chi trả tháng kế hoạch của đơn vị theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 dự thảo.
4	điểm b khoản 4 Điều 6	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề nghị xem xét quy định rõ mức chuyển kinh phí chi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.	Không tiếp thu. Lý do: Luật BHYT và các văn bản hướng dẫn Luật BHYT đã quy định cụ thể về việc chuyển kinh phí KCB BHYT.
V	Điều 8. Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi			
1	Điều 8	Bộ Công an, HĐQL BHXH	Bổ sung các nội dung quy định có liên quan đến Hội đồng quản lý về lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi. (1) Theo quy định tại Mục 2 chương II Luật BHXH năm 2024, tổ chức thực hiện BHXH bao gồm Hội đồng quản lý BHXH và cơ quan BHXH. Do đó, cần tách bạch hoạt động của 2 cơ quan (2) Đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản a Điều 120 Luật BHXH năm 2024	Không tiếp thu. Lý do: “Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý do BHXH Việt Nam bảo đảm. ... Hội đồng quản lý sử dụng con dấu của BHXH Việt Nam để hoạt động”. Theo đó, kinh phí hoạt động của HĐQL do BHXH Việt Nam đảm bảo; HĐQL sử dụng con dấu của BHXH VN và không mở tài khoản riêng để hoạt động. Do vậy, Hội đồng quản lý BHXH không phải là đơn vị dự toán để lập dự toán và báo cáo quyết toán chi hoạt động bộ máy của Hội đồng quản lý được tổng hợp trong dự toán chi hoạt động bộ máy của BHXH Việt Nam
2		BHXH Việt Nam	Đề nghị bổ sung cụ thể thời gian Hội đồng quản lý BHXH hoàn thành việc thông qua dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT hằng năm. Để phân định rõ trách nhiệm của từng cấp có thẩm quyền.	Không tiếp thu, do dự thảo đã quy định, cụ thể thời gian: BHXH Việt Nam trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua, trước ngày 20 tháng 7 hằng năm.

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
3	điểm b khoản 1 Điều 8	BHIXH Việt Nam	Đề nghị sửa đổi như sau: " <i>Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng dự toán chi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế... trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua, trước ngày 20/30 tháng 7 hằng năm, gửi Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 hằng năm...</i> " Đề BHXH các cấp có đủ thời gian để tổng hợp, rà soát số dự toán thu, chi các chế độ, đảm bảo số liệu khi xây dựng được tính đủ quỹ, đề nghị điều chỉnh thời gian BHXH Việt Nam trình Hội đồng quản lý từ "trước ngày 20 tháng 7 hằng năm" thành "trước ngày 30 tháng 7 hằng năm".	Không tiếp thu, do thời gian quy định tại dự thảo đề phù hợp với thời gian khi xây dựng dự toán chi NSNN hàng năm, đảm bảo kịp thời báo cáo dự toán các quỹ cùng với thời gian Chính phủ báo cáo UBND QH
4	điểm c khoản 1 Điều 8	Bộ Công an	Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh thời hạn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu, chi BHXH, BHYT, BHTN cho các bộ, ngành. Để phù hợp với thời điểm giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đảm bảo cho các bộ, ngành kịp giao dự toán cho các đơn vị sử dụng trước ngày 31/12 năm trước	
	điểm c khoản 1 Điều 8	Bộ Quốc phòng	Đề nghị chỉnh lý thời điểm giao dự toán thu, chi cho BHXH Việt Nam, Bộ Quốc phòng,... thành "trước ngày 20 tháng 11 hằng năm". Lý do: Để thống nhất, đồng bộ với thời điểm giao dự toán ngân sách nhà nước cho các bộ, ngành, địa phương theo quy định tại khoản 5, Điều 44 Luật ngân sách nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện xong việc giao dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT cho các đơn vị cùng với thời điểm giao dự toán ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 50 Luật ngân sách nhà nước (trước ngày 31/12).	Không tiếp thu. Do nguồn thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN (không bao gồm nguồn NSNN) không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật NSNN về thời gian phân bổ dự toán, quyết toán
5	khoản 2 Điều 8	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị tham khảo thời hạn giao dự toán ngân sách tương ứng tại khoản 7 Điều 44 (chậm nhất 05 ngày làm việc) và khoản 2 Điều 50 của Luật Ngân sách nhà nước (chậm nhất 10 ngày làm việc đối với trường hợp giao bổ sung dự toán) để quy định cho phù hợp.	
VI	Điều 9. Thu và hạch toán thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế			
	khô 3 khoản 1 Điều 9,	Bộ Quốc phòng	Đề nghị chỉnh lý lại như sau: Hằng quý, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng thực hiện chuyển về Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho quỹ dự phòng và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế. Lý do: Để đảm bảo đúng quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHYT số 51/2024/QH15.	Không tiếp thu, do theo quy định tại điểm 3 khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHYT số 51/2024/QH15, quy định: Hằng tháng, cơ quan BHXH đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này vào quỹ bảo hiểm y tế
1	khoản 4 Điều 9	BHIXH Việt Nam	Đề nghị sửa đổi như sau: " <i>Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội và điểm a khoản 3 2, điểm a khoản 3 Điều 49 Luật Bảo hiểm y tế (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 51/2024/QH15)</i> ".	Tiếp thu, hoàn chỉnh tại dự thảo Nghị định

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
VII	Điều 10. Hạch toán kế toán và quyết toán			
1	Điều 10	Bộ Công an, HDQL BHXH	Bổ sung các nội dung quy định có liên quan đến Hội đồng quản lý về quyết toán. (1) Theo quy định tại Mục 2 chương II Luật BHXH năm 2024, tổ chức thực hiện BHXH bao gồm Hội đồng quản lý BHXH và cơ quan BHXH. Do đó, cần tách bạch hoạt động của 2 cơ quan (2) Đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản a Điều 120 Luật BHXH năm 2024	Không tiếp thu. Lý do: Căn cứ Điều 20 Luật BHXH năm 2024, tại điểm d khoản 8 Điều 10 dự thảo đã quy định "Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp, lập báo cáo tài chính các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo chế độ kế toán bảo hiểm xã hội; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo mục lục ngân sách nhà nước và chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp gửi Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua và gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 01 tháng 10 năm sau."
2	Điều 10	Bộ Công an	Nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định về hạch toán kế toán và quyết toán về hoàn trả số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN do thu trùng, thu không đúng đối tượng. Quá trình thực hiện công tác BHXH, BHYT, BHTN trong thực tế có nhiều trường hợp thu trùng BHXH, BHYT, BHTN như: một đối tượng ký HDLD cùng thời gian với 2 đơn vị sử dụng lao động và đóng BHXH tại 2 cơ quan BHXH khác nhau	Không tiếp thu. Lý do: Việc hạch toán kế toán hoàn trả tiền thu BHXH, BHTN, BHYT do thu trùng, thu không đúng đối tượng được quy định tại Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ kế toán quỹ BHXH, BHTN, BHYT và Quy trình quản lý thu và chế độ kế toán BHXH, BHTN, BHYT, không thuộc phạm vi quy định tại Nghị định này.
	khoản 8 Điều 10	Bộ Quốc phòng	Tại điểm b khoản 8 Điều 10, đề nghị chỉnh lý lại như sau: "b) Hằng năm, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm cho các đơn vị trực thuộc; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để thẩm định". Lý do: Để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của các Bộ, ngành trong quản lý thu, chi BHXH, BHTN, BHYT; phù hợp với thực tiễn thực hiện công tác xét duyệt quyết toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT của Bộ Quốc phòng với các đơn vị trực thuộc hiện nay.	Không tiếp thu, do dự thảo đã quy định Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm cho các đơn vị trực thuộc, BHXH Việt Nam có trách nhiệm rà soát, tổng hợp.

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
3	khoản 8 Điều 10	Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội	<p>Theo điểm a khoản 8 Điều 10, BHXH Việt Nam có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định, thông qua báo cáo quyết toán năm cho các cơ quan trực thuộc. Nhưng theo điểm d, chưa phân công cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện việc duyệt, thẩm định, phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH; quy định việc quyết toán thu, chi quỹ BHXH, quỹ BHYT, quỹ BHTN trước khi cơ quan BHXH trình Hội đồng quản lý thông qua.</p> <p>Đề nghị xem xét các quy định để đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan tổ chức thực hiện và các cơ quan có liên quan trong thực hiện BHXH.</p>	<p>Theo chức năng, nhiệm vụ, BHXH Việt Nam là cơ quan đặc thù thuộc Bộ Tài chính, theo đó, đối với dự toán và quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHYT phần BHXH Việt Nam thực hiện, phải gửi đơn vị dự toán cấp I (Cục Kế hoạch tài chính) thẩm định, cho ý kiến trước khi tổng hợp chung dự toán và quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT (bao gồm cả BHXH Quân đội, BHXH công an nhân dân và Bộ Nội vụ) trình Hội đồng quản lý BHXH thông qua. Vì vậy, Tiếp thu ý kiến của Hội đồng quản lý BHXH:</p> <p>(1) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 như sau: “b) Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng dự toán thu, chi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) xem xét cho ý kiến và tổng hợp dự toán thu, chi của các cơ quan, đơn vị liên quan, trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, gửi Bộ Tài chính (quản lý nhà nước) trước ngày 30 tháng 8 hằng năm, bao gồm:”</p> <p>(2) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 10 như sau: “9. Bộ Tài chính thẩm định và thông báo quyết toán năm cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam đối với khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người hưởng thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo và kinh phí do ngân sách trung ương hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên đang theo học tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (phần giao dự toán cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện)”.</p>
IX	Điều 11. Xác định chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và nguồn đảm bảo			
1	điểm b khoản 1 Điều 11	Bộ Công an	<p>Điều chỉnh bổ sung tại gạch đầu dòng thứ 2: “Chi thường xuyên cho lao động hợp đồng do thủ trưởng đơn vị thực hiện giao kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật và chi thực hiện các nhiệm vụ về quản lý. Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định tại Điều 12, Điều 13, khoản 2, 3 Điều 14 và điểm d, h, i, k, l, m khoản 1 Điều 16 của Nghị định này ...”</p> <p>Đề đảm bảo cho thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, tổ chức thực hiện BHXH, BHYT, BHTN trong Công an nhân dân, Bộ Công an đề xuất được bổ sung các nội dung chi như mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ; chi ứng dụng công nghệ thông tin; chi nghiên cứu khoa học, chi chế độ tiền thưởng, cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và các khoản chi khác phục vụ cho công tác BHXH, BHYT, BHTN trong Công an nhân dân, các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Tiếp thu và sẽ hướng dẫn cụ thể tại Thông tư của Bộ Tài chính.</p>

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
2	điểm a khoản 2 Điều 11	BHXXH Việt Nam	<p>Đề nghị bổ sung như sau:</p> <p>a) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, từ tuất). <i>Trường hợp tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, từ tuất) trong các tháng đầu năm chưa đủ để đảm bảo nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện tạm ứng từ quỹ hưu trí, từ tuất.</i> Để đảm bảo hoạt động của Ngành</p>	Không tiếp thu, do khoản 2 Điều 11 quy định nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế
X	Điều 12. Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội,			
1	khoản 2 Điều 12	BHXXH tỉnh Đắk Lắk	<p>2. Chi tọa đàm, đối thoại, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trực tiếp và trên các phương tiện thông tin đại chúng, về giải pháp thực hiện chương trình, đề án, kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức hội nghị tri ân, biểu dương...</p> <p>Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế là tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; đổi mới nội dung, phương pháp truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu rõ sự cần thiết, vai trò, lợi ích, ý nghĩa của chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm. Dẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp tới người dân về các lợi ích khi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế để người dân biết, tích cực tham gia, nhằm đảm bảo an sinh xã hội lâu dài, bền vững.</p>	Không tiếp thu. Lý do: Tại khoản 2 Điều 12 dự thảo đã quy định "Chi tọa đàm, đối thoại, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trực tiếp và trên các phương tiện thông tin đại chúng". Việc triển khai các hoạt động đối thoại của Ban Chỉ đạo phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHYT thuộc hình thức "trực tiếp".
XI	Điều 13. Chi cải cách hành chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y			
1	điểm e khoản 2 Điều 13	Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội	<p>Xem xét, đánh giá tổng thể về kết quả, hiệu quả về quy định mức chi cho Tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân trên cơ sở thực hiện thời gian qua để tính toán lại đối với mức chi 30.000đ/người hưởng là khá cao.</p> <p>Phần mềm VssID đã được khai thác mang lại hiệu quả (theo các báo cáo của BHXH Việt Nam); tiến trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; kỷ nguyên số và việc phát triển hệ thống chia sẻ thông tin quốc gia và giao dịch của người dân thông qua dịch vụ công</p>	Tiếp thu sửa lại như sau: "Mức chi theo mức giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập."

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
2	khoản 2 Điều 13	Bộ Công an	Bổ sung 01 điểm (sau điểm d): Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp làm công tác BHXH, BHYT, BHTN trong Công an nhân dân mức chi tối đa bằng 1 tháng lương cơ sở/người/tháng. Bộ Công an không thành lập cơ quan BHXH Công an nhân dân độc lập, chuyên trách mà sử dụng các đơn vị chức năng và các bộ phận làm công tác chính sách, tài chính, hậu cần tại Công an đơn vị, địa phương đảm nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ. Do đó, Bộ Công an đề xuất bổ sung thêm nội dung này để hỗ trợ, động viên cán bộ, chiến sĩ hoàn thành tốt công tác thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN.	Không tiếp thu. Lý do: Không tiếp thu. Lý do: Cán bộ làm công tác BHXH, BHYT, BHTN trong Công an nhân dân là các cán bộ kiêm nhiệm, đã hưởng lương từ NSNN.
3	điểm a khoản 2 Điều 13	BHXH tỉnh Đắk Lắk	a) Chi cập nhật, bổ sung, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, thông tin người tham gia, người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; cập nhật, xác thực các thông tin cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác...	Tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.
4	điểm c khoản 2 Điều 13	BHXH tỉnh Đắk Lắk	c) Chi chế độ công tác phí, làm việc ban đêm, làm thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác phát triển người tham gia, quản lý người tham gia, người hưởng cho công chức, viên chức, người lao động. Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Công chức, viên chức, người lao động đến đơn vị sử dụng lao động để quản lý người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế không thuộc trường hợp khoán kinh phí tự túc phương tiện thì được thanh toán chế độ công tác phí.	Không tiếp thu, do dự thảo Nghị định quy định mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
5	điểm đ, e khoản 2 Điều 13	Bộ Tư pháp	<p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ, cơ sở của việc bổ sung các nội dung chi và mức chi nêu tại dự thảo:</p> <p>(i) Chi điều tra thống kê đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc tham gia chưa đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội.</p> <p>(ii) Chi cho Tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân (gồm: chi phí in ấn, phôtô tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thù lao cho người xác minh). Mức chi 30.000 đồng/người hưởng. Đây là các nội Dung chi mới được bổ sung, chưa có tại Quyết định số 60/2015/QĐ-ITg được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg)</p>	<p>Tiếp thu, báo cáo rõ căn cứ bổ sung các nội dung chi như sau:</p> <p>Đối với nội dung: (i) Chi điều tra thống kê đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc tham gia chưa đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội: Đây là nội dung kế thừa từ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 9 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg (đã sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg). Mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.</p> <p>- Đối với nội dung: (ii) Chi cho Tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân (gồm: chi phí in ấn, phôtô tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thù lao cho người xác minh). Nội dung chi mới phát sinh theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 11 Luật BHXH năm 2024: “c) Định kỳ hằng năm, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền để thực hiện việc xác minh thông tin đủ điều kiện thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội”. Mức chi quy định nêu trên tính trên cơ sở (chi phí in ấn, phôtô tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thù lao cho người xác minh; mức cước dịch vụ chuyển phát nhanh bảo đảm của các đơn vị thực hiện chuyển phát dịch vụ công).</p>
XII	Điều 15. Chi tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế			
1	khoản 5 Điều 15	BHIXH Việt Nam	<p>Đề nghị sửa đổi như sau: “Chi phí thu BHXH tự nguyện, thu BHYT của người tham gia theo hộ gia đình... và các đối tượng tự đóng khác (gồm: chi thù lao của tổ chức dịch vụ thu, cơ sở giáo dục; chi đào tạo bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra tổ chức dịch vụ thu, cơ sở giáo dục: ...”</p>	Tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
2	khoản 5, 6 và 7 Điều 15	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<p>Rà soát quy định liên quan đến việc lựa chọn tổ chức dịch vụ thu, chi BHXH, BHTN, BHYT và tổ chức ký hợp đồng ủy quyền với tổ chức dịch vụ thu, chi BHXH, BHTN, BHYT để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>Theo quy định của Luật Đấu thầu (khoản 1 Điều 2), Luật Đấu thầu áp dụng đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu có sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để cung cấp dịch vụ công. Theo quy định tại Điều 120 Luật BHXH, chi tổ chức và hoạt động BHXH (bao gồm chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức thu, chi trả BHXH) được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ BHXH. Do đó, trường hợp tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ BHXH là nguồn thu hợp pháp, dịch vụ thu, chi BHXH là dịch vụ công.</p>	<p>Không tiếp thu. Lý do: Điều 562 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định hợp đồng ủy quyền “Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, bên ủy quyền chỉ phải chi trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Điều 565 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ của bên được ủy quyền “1. Thực hiện công việc theo ủy quyền và báo cho bên ủy quyền về việc thực hiện công việc đó” và “6. Bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này”. Điều 566 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền của bên được ủy quyền “2. Được thanh toán chi phí hợp lý mà mình đã bỏ ra để thực hiện công việc ủy quyền; hưởng thù lao, nếu có thỏa thuận”. Điều 567 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ của bên ủy quyền “3. Thanh toán chi phí hợp lý mà bên được ủy quyền đã bỏ ra để thực hiện công việc được ủy quyền; trả thù lao cho bên được ủy quyền, nếu có thỏa thuận về việc trả thù lao”. Căn cứ các quy định nêu trên, Bộ Tài chính có ý kiến: - Việc BHXH Việt Nam ủy quyền thu BHXH, BHYT, chi BHXH, BHTN đối với tổ chức dịch vụ thu, tổ chức dịch vụ chi trả là phù hợp với quy định của Luật BHXH và Bộ luật Dân sự năm 2015.</p>
XIII	Điều 16. Chi hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp và Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội			
1	khoản 1 Điều 16	BHXH Việt Nam	<p>Đề nghị chuyển nội dung chỉ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tại điểm 1 khoản 1 Điều 16 thành một điểm tại Điều 15 “Chi tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế”.</p> <p>Các nội dung chi thanh tra, kiểm tra hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH đã bố trí trong chi quản lý hành chính. Các nội dung chi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tại điểm 1 Điều 16 để đảm bảo việc thu, chi trả BHXH, BHTN, BHYT theo quy định.</p>	Tiếp thu, bổ sung thành khoản 12 Điều 15.
2	các điểm d, h, i và k khoản 1 Điều 16	Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội	<p>Kính đề nghị Quý bộ tiếp thu, chỉnh lý, bổ sung quy định cụ thể mức chi liên quan đến Hội đồng quản lý.</p> <p>Do đây là các hoạt động cần phải có trong việc tổ chức thực hiện chế độ BHXH, BHTN, BHYT (nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; Thuê mướn, thực hiện thuê khoán công việc hoặc hợp đồng lao động; Đào tạo, bồi dưỡng; Chế độ tiền thưởng...).</p>	
3	khoản 2 Điều 16	Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội	<p>Đề nghị quy định mức chi đối với các thành viên Hội đồng quản lý theo căn cứ mức lương cơ sở (hoặc căn cứ đóng BHXH) để thay thế mức chi tại Nghị định số 72/2017/NĐ-CP.</p> <p>Do mức chi tại Nghị định số 72/2017/NĐ-CP đã lỗi thời, không còn phù hợp vì khi ban hành theo mức lương cơ sở tại năm 2017</p>	Không tiếp thu. Lý do: Các nội dung liên quan đến chi hoạt động bộ máy của Hội đồng quản lý BHXH sẽ quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý BHXH và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý BHXH theo quy định tại

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
4	khoản 2 Điều 16	Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội	<p>Đề nghị cân nhắc bổ sung mức chi đối với Tổ giúp việc Thành viên Hội đồng quản lý</p> <p>Tại khoản 9 Điều 11 Nghị định số 89/2020/NĐ-CP quy định các thành viên Hội đồng quản lý sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của bộ, ngành mình để giúp việc. Thành viên Hội đồng quản lý được hưởng chế độ thù lao do Chính phủ quy định. Trong khi các cán bộ, công chức của Bộ, Ngành đó vẫn phải thực hiện đầy đủ các công việc chuyên môn của Bộ, Ngành nhưng lại không được được nhận thù lao giúp việc cho các Thành viên Hội đồng quản lý</p>	<p>quản lý BHXH và ủy mợ giúp việc của Hội đồng quản lý BHXH theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật BHXH năm 2024.</p>
XIV	Điều 17. Quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan bảo hiểm xã hội			
1	Điều 17	Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội	<p>Xem xét quy định quản lý và tài sản của cơ quan BHXH "việc quản lý và sử dụng tài sản hình thành từ nguồn chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN ... được bổ sung và quỹ phát triển hoạt động BHXH Việt Nam". Để bảo toàn và tăng trưởng quỹ BHXH, quỹ BHTN, quỹ BHYT bền vững, cân đối trong dài hạn, cần xem xét cân nhắc chính lý hoàn trả về quỹ bảo hiểm trên cơ sở quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và các văn bản liên quan.</p> <p>Đối với quy định này chưa đáp ứng việc nâng cao quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả vốn hình thành từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư; chưa bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác quản lý, xử lý tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng ngừa sai phạm trong đầu tư dân trải khi thực hiện đầu tư không mang lại hiệu quả.</p>	<p>Không tiếp thu. Lý do:</p> <p>- Theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công hiện chỉ có 02 phương án xử lý số tiền thu được từ bán, chuyển nhượng, thanh lý tài sản công: Nộp NSNN đối với cơ quan nhà nước và nộp quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Mặt khác, Luật quản lý, sử dụng tài sản công quy định "Đối với tài sản công là tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan".</p> <p>- Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm không quy định về việc xử lý tài sản hình thành từ các quỹ.</p> <p>- BHXH Việt Nam không phải đơn vị sự nghiệp, là cơ quan đặc thù thuộc Bộ Tài chính.</p> <p>Do đó, trên cơ sở quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm và đặc thù của BHXH Việt Nam, việc quy định bổ sung kinh phí bán, chuyển nhượng, thanh lý tài sản hình thành từ nguồn chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN bổ sung vào quỹ phát triển động của cơ quan BHXH để phục vụ hoạt động của ngành BHXH là phù hợp.</p>
XV	Điều 18. Chuyển nguồn chi tổ chức và hoạt động			
1	điểm a khoản 1 Điều 18	BHXH tỉnh Đắk Lắk	<p>a) Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, trụ sở; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán</p> <p>Một số hạng mục sửa chữa lớn trang thiết bị, trụ sở làm việc từ nguồn tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế mặc dù đã ký hợp đồng trước ngày 31 tháng 12 nhưng vẫn chưa thực hiện kịp trong năm dự toán nên đề nghị sửa chữa trang thiết bị, trụ sở cũng được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng.</p>	<p>Tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.</p>

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
XVI	Điều 19. Xác định kinh phí tiết kiệm			
		Bộ Quốc phòng	Tại khoản 2, đề nghị bỏ cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng”; đồng thời tại Điều 20, đề nghị bổ sung khoản 6 với nội dung như sau “6. Riêng đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, toàn bộ số kinh phí tiết kiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này được chuyển sang năm sau để sử dụng, không hiện trích lập các quỹ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này	Tiếp thu ý kiến của Bộ Quốc phòng, tại khoản 2 Điều 19 bỏ cụm từ: Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng. Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và bổ sung khoản 1 Điều 19 quy định: Đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, toàn bộ số kinh phí tiết kiệm được chuyển sang năm sau để sử dụng, không thực hiện trích lập các quỹ.
XVII	Điều 20. Sử dụng kinh phí tiết kiệm			
1	khoản 1 Điều 20	Bộ Thông tin và Truyền thông	Trích tối thiểu 5% để lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho công chức, viên chức, người lao động”.	Không tiếp thu. Lý do: Tại khoản 4 Điều 20 dự thảo đã quy định “Phần còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động”
2	khoản 2 Điều 20	BHXH Việt Nam	Đề nghị bỏ nội dung: “(đảm bảo mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm đi điều chỉnh hệ số lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc))”. Quy định về việc đảm bảo tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 tại Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XV chi áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bãi bỏ cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù.	
3	điểm a khoản 2 Điều 20	BHXH tỉnh Đắk Lắk	Chi bổ sung thu nhập gắn với hệ số lương, kết quả xếp loại của công chức, viên chức, người lao động trong năm và mức lương cơ sở (đảm bảo mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc). Việc chi bổ sung thu nhập theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người. Đề thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện vì hàng năm mức lương cơ sở có thể thay đổi theo quy định của Nhà nước; ngoài ra BHXH Việt Nam cũng đã kịp thời hướng dẫn thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo tuân thủ các Nghị quyết của Quốc hội về lương và thu nhập tăng thêm.	Tiếp thu ý kiến của BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh Đắk Lắk, Bộ Kế hoạch và Đầu tư: sửa lại như sau: “a) Chi bổ sung thu nhập gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.”

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
4	điểm a khoản 2 Điều 20	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tại điểm a khoản 2 có đề cập đến nội dung quy định tại mục 6.2.c Nghị quyết số 142/2024/QH15 về Kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa XV liên quan đến các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương chỉ mang tính chất giai đoạn nhất định (khi chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù), có thể được thay đổi khi có quyết định của cấp có thẩm quyền. Đề nghị chỉnh sửa lại cho phù hợp	
5	điểm b khoản 2 Điều 20	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Xem lại sự phù hợp. Do có khả năng trùng với quy định về thưởng cho tập thể, cá nhân theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp quy định tại điểm a khoản 3	Tiếp thu ý kiến, bỏ quy định Chi bổ sung thu nhập khuyến khích cho các tập thể, đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động quản lý tại điểm b khoản 2 Điều 20
6	điểm d khoản 2 Điều 20	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Xem lại sự phù hợp. Do chưa rõ (chuẩn bị nghỉ hưởng chế độ hưu trí là vẫn làm việc hay đã nghỉ làm việc) và có khả năng trùng với các chế độ, chính sách khác (lao động nữ nghỉ thai sản thì được hưởng trợ cấp thai sản).	Tiếp thu ý kiến, bỏ quy định Chi ổn định thu nhập cho công chức, viên chức, người lao động chuẩn bị nghỉ hưởng chế độ hưu trí hoặc trong thời gian sinh con tại điểm d khoản 2 Điều 20
7	khoản 2 Điều 20	Bộ Nội vụ	Đề nghị làm rõ quy định về sử dụng số kinh phí tiết kiệm để trích lập chi bổ sung thu nhập theo cơ chế đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động tại dự thảo Nghị định	Tiếp thu ý kiến, báo cáo rõ cơ sở đề xuất như sau: - Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp: Tại tiết d Khoản 3.1 Khoản 3 Mục II về cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập quy định "Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp"; - Nội dung này kế thừa quy định tại Điều 10 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg trên cơ sở quy định trích lập các quỹ tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập
8	khoản 3 Điều 20	Bộ Nội vụ	Tại điểm k khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định đã quy định nội dung chi tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP. Đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi thưởng định kỳ, đột xuất cho cá nhân trong đơn vị ngoài quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.	
XVII	Tham gia chung			
1		Bộ Thông tin và Truyền thông	Bổ sung quy định công tác lập kế hoạch tài chính cho các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.	Không tiếp thu. Lý do: Nội dung này thực hiện theo quy định của Luật NSNN
2		Bộ Thông tin và Truyền thông	Bổ sung quy định phương án xử lý thiếu hụt tạm thời các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.	Không tiếp thu. Lý do: quỹ BHXH, BHYT, BHTN được nhà nước bảo hộ, bảo toàn
3		Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội	Cần nhắc sử dụng cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" và "Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội" trong dự thảo Nghị định. Do theo chỉ đạo của Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được hợp nhất với Bộ Nội vụ thành Bộ Nội vụ và Lao động	Tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị định, trên cơ sở các hợp nhất Bộ LDTBXH và Bộ Nội vụ

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
4		Bộ Nội vụ	Đề nghị Bộ Tài chính rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan để hoàn chỉnh các nội dung về cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho phù hợp, bảo đảm quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm và Luật Bảo hiểm y tế.	Tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan, sau tổ chức, sắp xếp.
5		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Trong dự thảo Nghị định, bên cạnh các cụm từ "tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền" còn sử dụng các cụm từ như "tổ chức làm đại lý chi trả", "đại lý thu", "đại lý chi trả". Tuy nhiên, trong Luật BHXH chỉ có cụm từ "tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền". Đề nghị cần bổ sung giải thích về các tổ chức làm đại lý thu, chi trả được sử dụng trong dự thảo Nghị định	Tiếp thu hoàn chỉnh lại theo cụm từ "tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền"
6		Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	- Về mức chi: cần bổ sung thêm mức chi cho cộng tác viên của các tổ chức chính trị - xã hội tham gia phát triển đối tượng - Về tổ chức dịch vụ thu: bổ sung nội dung Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn đại lý thu đặc thù của Hội Nông dân Việt Nam, đảm bảo việc thực hiện thành công mục tiêu của Nghị quyết 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị.	Không tiếp thu, do không có cơ sở đề xuất bổ sung tổ chức dịch vụ thu là Hội nông dân Việt Nam cộng tác viên của các tổ chức chính trị - xã hội
7		Ban Kinh tế Trung ương	Rà soát, bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo với các văn bản pháp luật hiện hành; lưu ý bổ sung Hội đồng quản lý BHXH vào nội dung đối tượng áp dụng cơ chế tài chính BHXH để phù hợp với các quy định tại Luật BHXH hiện hành; rà soát các quy định về đảm bảo thanh khoản trên tài khoản thanh toán nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động đầu tư quỹ.	Tiếp thu, rà soát hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.
8		BHXH Việt Nam	Đề nghị sửa đổi bổ sung tên gọi, các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị được quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.	Tiếp thu, rà soát hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.
9		Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các quy định về trách nhiệm của các Bộ, ngành trong dự thảo hoặc có quy định chuyển tiếp phù hợp (hoặc giải trình rõ trong Tờ trình Chính phủ). Để phù hợp với chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ	Tiếp thu, rà soát hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.

STT	Điều, khoản, điểm	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung ý kiến tham gia	Nội dung tiếp thu, giải trình
10		Bộ Tư pháp	<p>Theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023: "Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: Bãi bỏ tất cả các cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước; áp dụng chế độ tiền lương, phụ cấp, thu nhập thống nhất. Không tiếp tục áp dụng cơ chế đặc thù hiện hành đối với phần kinh phí thường xuyên theo cơ chế quản lý tài chính đặc thù (chi hoạt động, tăng cường năng lực, hiện đại hóa, đảm bảo hoạt động chuyên môn,...) của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước. Giao Chính phủ tổ chức thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 8"</p> <p>Theo Kết luận số 83-KL/TU ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị: "Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương, Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát toàn bộ khung khổ pháp lý để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị đang được thực hiện cho phù hợp trước ngày 31/12/2024 ..."</p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung, đảm bảo thống nhất, phù hợp; thực hiện đúng các Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc hội.</p>	<p>Báo cáo giải trình như sau: Thực hiện Kết luận số 83-KL/TU ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị: "Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương, Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát toàn bộ khung khổ pháp lý để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị đang được thực hiện cho phù hợp trước ngày 31/12/2024 ...". Ngày 24/12/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 62/2024/UBTVQH151 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 ngày 08/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí quản lý BHXH, BHYT giai đoạn 2022-2024, trong đó: Kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2022 - 2024 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025; Giao: "Chính phủ có trách nhiệm trình Ủy ban TVQH trước ngày 30/6/2025 về nhiệm vụ này, làm cơ sở để ban hành Nghị quyết của Ủy ban TVQH để triển khai thực hiện giai đoạn 2025-2027".</p>
11		Bộ Tư pháp	<p>Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát dự thảo Nghị định, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị; (ii) Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị; (iii) Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội; (iv) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội và (v) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ</p>	<p>Tiếp thu, rà soát hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.</p>
12		Bộ Tư pháp	<p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo, bảo đảm quy định thống nhất, hợp lý và tuân thủ thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định</p>	<p>Tiếp thu, rà soát hoàn chỉnh dự thảo Nghị định và các hồ sơ kèm theo</p>
13		Bộ Tư pháp	<p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc xin ý kiến đối với đối tượng chịu tác động; bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức, cá nhân có liên quan; chuyên gia, nhà khoa học và người làm thực tiễn... theo quy định và đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cơ quan chủ trì soạn thảo</p>	<p>Bộ Tài chính đã có công văn số 13903/BTC-HCSN gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương về dự thảo Nghị định và đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p>
XVIII	Các đơn vị nhất trí dự thảo			
1		BHXH Tỉnh Phú Thọ	Nhất trí nội dung dự thảo	
2		BHXH Thành phố Đà Nẵng	Nhất trí nội dung dự thảo	
3		BHXH tỉnh Yên Bái	Nhất trí nội dung dự thảo	
4		BHXH tỉnh An Giang	Nhất trí nội dung dự thảo	
5		BHXH Thành phố Hà Nội	Nhất trí nội dung dự thảo	

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4297 /BC-BHXH

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2016-2024 và đề xuất cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn tiếp theo

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 11850/BTC-HCSN ngày 01/11/2024 của Bộ Tài chính về việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện cơ chế tài chính bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2016-2024; đề xuất, kiến nghị về nội dung dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT. BHXH Việt Nam báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2016-2024 và đề xuất cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn tiếp theo như sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện cơ chế tài chính BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2016-2024

1. Đánh giá chung tác động của cơ chế tài chính đến thực hiện nhiệm vụ chính trị của Ngành

Cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT ban hành kèm theo Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 38/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg đã hướng dẫn hạch toán kế toán thu, chi, quản lý, sử dụng các quỹ BHXH, BHTN, BHYT theo quy định của pháp luật; hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT đảm bảo theo nội dung, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước và hoàn thành các nhiệm vụ của Ngành BHXH Việt Nam, phù hợp với định hướng phát triển Ngành trong giai đoạn 2016-2024 như: tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số; phát triển người tham gia; tổ chức chi trả các chế độ BHXH, BHYT cho người hưởng đầy đủ, kịp thời, an toàn; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC) góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp, cụ thể:

1.1. Về phát triển người tham gia

Dự kiến hết năm 2024, số người tham gia BHXH đạt 20 triệu người, bằng 42,7% lực lượng lao động trong độ tuổi (trong đó BHXH tự nguyện là 2,3 triệu

người, đạt 4,9%), tăng 7 triệu người (53,5%) so với năm 2016; số người tham gia BHTN đạt 16 triệu người, bằng 34,2% lực lượng lao động trong độ tuổi, tăng 5 triệu người (45,9%) so với năm 2016; số người tham gia BHYT đạt 95,4 triệu người, đạt tỷ lệ bao phủ BHYT 94,1% dân số, tăng 19,5 triệu người (25,7%) so với năm 2016 (chi tiết tại Biểu 01 kèm theo).

Ngành BHXH Việt Nam đã làm tốt công tác quản lý, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để phát triển người tham gia, như: Chỉ đạo BHXH các tỉnh, thành phố chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT trên địa bàn; kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT từ cấp tỉnh đến cấp xã; thường xuyên phối hợp với các sở, ngành liên quan (Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an, Thuế...) trong việc phát triển người tham gia BHXH, BHYT; đẩy mạnh rà soát dữ liệu người chưa tham gia trên cơ sở chia sẻ thông tin dữ liệu đơn vị, người lao động do các cơ quan, tổ chức cung cấp (Thuế, Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh hợp tác xã, Ban quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất,...); cập nhật, phân loại nhóm tiềm năng chưa tham gia BHXH, BHYT theo từng địa bàn cấp xã, phối hợp với các tổ chức dịch vụ thu tổ chức hội nghị khách hàng để vận động, phát triển người tham gia; triển khai, tổ chức linh hoạt hình thức kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đóng đối với doanh nghiệp chưa tham gia, tham gia chưa đầy đủ;... Nhờ đó, số người tham gia BHXH, BHTN, BHYT đều tăng hàng năm, tỷ lệ bao phủ đảm bảo lộ trình theo Nghị quyết số 28/NQ-TW ngày 23/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về cải cách chính sách BHXH, Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới và đạt chỉ tiêu hằng năm theo Nghị quyết của Chính phủ.

1.2. Về quản lý người hưởng

Dự kiến đến hết năm 2024, ngành BHXH chi trả chế độ lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng cho khoảng 3,4 triệu người hưởng, tăng 477 nghìn người (tương ứng tăng 16,3%) so với năm 2016; 0,9 triệu người hưởng trợ cấp thất nghiệp; 9,4 triệu lượt người hưởng chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe và BHXH một lần; thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh (KCB) BHYT cho khoảng 186,2 triệu lượt người, tăng 36,2 triệu lượt người (tương ứng tăng 24,1%) so với năm 2016 (chi tiết tại Biểu 02 kèm theo).

Với việc (1) đẩy mạnh chi trả thông qua tài khoản người thụ hưởng (số người nhận lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp thất nghiệp qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt tại khu vực đô thị năm 2024 dự kiến đạt 74%, vượt 14% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg), cơ quan BHXH trực tiếp thực hiện chi trả đối với người hưởng, giảm dần việc chi trả qua tổ chức dịch vụ; (2) ưu tiên ứng dụng CNTT, thực hiện giao dịch điện tử, cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đã đảm bảo chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ, kịp thời, nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với cơ quan BHXH.

1.3. Về công tác thu, chi các quỹ

- Tổng số thu chế độ BHXH, BHYT, BHTN năm 2024 là 526.687 tỷ đồng, tăng 270.296 tỷ đồng (gấp 2 lần) so với năm 2016, trong đó: Thu BHXH là 358.126 tỷ đồng, thu BHTN là 23.726 tỷ đồng, thu BHYT là 144.834 tỷ đồng.

- Tổng số chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN năm 2024 là 518.637 tỷ đồng, tăng 282.685 tỷ đồng (gấp 2,2 lần) so với năm 2016, trong đó: Chi BHXH từ nguồn quỹ BHXH là 299.803 tỷ đồng, chi BHXH từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) là 52.210 tỷ đồng, chi BHTN là 23.638 tỷ đồng, chi KCB BHYT là 142.985 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo)

1.4. Về công tác đầu tư, bảo toàn và tăng trưởng quỹ

Công tác đầu tư đảm bảo an toàn, chặt chẽ theo đúng phương án đầu tư đã được Hội đồng quản lý BHXH phê duyệt hàng năm. Quy mô đầu tư các quỹ bảo hiểm tăng qua các năm, bình quân tăng khoảng 14%/năm trong giai đoạn 2016-2024. Tổng số dư đầu tư quỹ lũy kế đến hết ngày 31/12/2024 dự kiến là 1.327.317 tỷ đồng, tăng gấp 2,65 lần so ngày 31/12/2016. Tổng lãi đầu tư giai đoạn 2016-2024 ước đạt 399.001 tỷ đồng, trong đó: năm 2024 là 53.500 tỷ đồng, tăng 19.968 tỷ đồng (59,6%) so với năm 2016.

(Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo)

1.5. Về cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng CNTT

BHXH Việt Nam đã tập trung đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào cải cách TTHC theo hướng tạo môi trường thuận lợi, minh bạch, tiết kiệm tối đa về thời gian, chi phí cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Giai đoạn 2016-2024, BHXH Việt Nam đã thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; thực hiện liên thông, kết nối thông tin giữa các đơn vị trong ngành, giữa BHXH Việt Nam với 12.500 cơ sở KCB BHYT; triển khai kỹ thuật đảm bảo từng bước sử dụng thẻ Căn cước công dân, ứng dụng Định danh điện tử quốc gia (VNeID) thay thế thẻ BHYT giấy để khám bệnh, chữa bệnh BHYT; đầu tư đồng bộ cả hạ tầng, phần mềm và nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT trong xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (hoàn thiện, đưa vào sử dụng các hệ thống phần mềm nghiệp vụ lõi tập trung cấp Trung ương của Ngành tương ứng với 07 cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tích hợp, kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu với hơn 500 nghìn tổ chức, doanh nghiệp trên toàn quốc và 09 Bộ, ngành: Bộ Công an, Bộ Y tế, Tổng Cục Thuế, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo); duy trì, vận hành và triển khai có hiệu quả 02 Trung tâm dữ liệu (Trung tâm dữ liệu chính, Trung tâm dữ liệu dự phòng), 15 hệ thống ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động nghiệp vụ của Ngành và 09 hệ thống ứng dụng CNTT trong nội bộ ngành BHXH, ...

Kết quả: Ngành BHXH giảm 90% các thủ tục hành chính luân chuyển hồ sơ trong nội ngành; giảm chi phí lưu trữ tài liệu, chi phí làm sổ BHXH, thẻ BHYT,

chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo, hội nghị, hội thảo, tập huấn, chi phí chi trả các chế độ BHXH, BHTN tăng năng suất lao động. BHXH Việt Nam tiếp tục được ghi nhận, đánh giá là một trong những đơn vị đi đầu trong triển khai Đề án 06 của Chính phủ với nhiều tiện ích cho người dân, doanh nghiệp; được xếp hạng đứng thứ 3 trong nhóm các Bộ, ngành, trên cơ sở các tiêu chí đánh giá: Công khai, minh bạch; Tiến độ giải quyết; Dịch vụ trực tuyến; Mức độ hài lòng; Số hoá hồ sơ. Việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đảm bảo cung cấp các dịch vụ công trực tuyến (doanh nghiệp, người dân có thể giao dịch với cơ quan BHXH 24/24 giờ, 07/7 ngày); 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của Ngành, tích hợp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (81 dịch vụ công (DVC) và 02 TTHC liên thông); giảm các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp (còn 25 TTHC). Số lượng TTHC đã đơn giản hóa thông tin, tự động điền thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào biểu mẫu điện tử áp dụng đối với cá nhân: 07 DVC (đạt tỷ lệ 17,1% trên tổng số DVC); số TTHC đã có thể khai thác dữ liệu dân cư phục vụ định danh và xác thực điện tử, cắt giảm giấy tờ cá nhân như sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy, xác nhận cư trú: 17/25 TTHC; góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp (phần đầu năm 2024 mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 88%).

1.6. Về tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy toàn ngành BHXH Việt Nam: Đã giảm 277 đơn vị (gồm 04 đơn vị cấp Ban và tương đương trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương; 207 đơn vị cấp phòng ở BHXH Việt Nam và BHXH cấp tỉnh; 66 BHXH cấp huyện); giảm 639 các chức danh lãnh đạo quản lý trong toàn Ngành.

- Về tinh giản biên chế: Đến hết năm 2021, BHXH Việt Nam đã giảm 2.168 người so với biên chế được giao năm 2016, vượt 118 chỉ tiêu so với chỉ tiêu giảm biên chế được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 856/QĐ-TTg ngày 10/7/2019 phê duyệt Đề án “Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

1.7. Về chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2016-2024

a) Việc xây dựng dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2016-2024 đảm bảo đúng nội dung và mức chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT quy định tại các Nghị quyết do Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các quyết định do Thủ tướng Chính phủ ban hành: Nghị quyết số 1083/2015/UBTVQH13 ngày 16/12/2015, Nghị quyết số 528/2018/UBTVQH14, Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 và Quyết định số 15/2016/QĐ-TTg, Quyết định số 51/2018/QĐ-TTg, Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg, Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg.

Từ năm 2016 đến nay, mức chi phí quản lý giảm dần qua các năm. Giai đoạn 2019-2021, mức chi phí quản lý BHXH, BHTN bình quân giảm 0,3%, mức chi phí quản lý BHYT bình quân giảm 0,8% so với giai đoạn 2016-2018. Giai đoạn 2022-2024 mức chi phí quản lý BHXH, BHTN bình quân giảm 0,46%, mức chi phí quản lý BHYT bình quân giảm 0,7% với giai đoạn 2019-2021:

TT	Nội dung	Mức bình quân CPQL giai đoạn 2016-2018	Mức bình quân CPQL giai đoạn 2019-2021	So sánh mức CPQL bình quân (GD 2019-2021) so (GD 2016-2018)	Mức bình quân CPQL giai đoạn 2022-2024	So sánh mức CPQL bình quân (GD 2022-2024) so (GD 2019-2021)
1	Chi phí quản lý BHXH	2,30%	2,00%	-0,30%	1,54%	-0,46%
2	Chi phí quản lý BHYT	2,30%	2,00%	-0,30%	1,54%	-0,46%
3	Chi phí quản lý BHYT	5,00%	4,20%	-0,80%	3,50%	-0,70%

Giai đoạn 2019-2021, tổng chi phí quản lý là 38.416 tỷ đồng, giảm 2.143 tỷ đồng (5,3%) so với dự toán giao, tăng 2.540 tỷ đồng (7,1%) so với giai đoạn 2016-2018 chủ yếu do số đối tượng tham gia, thụ hưởng, số thu chi các chế độ BHXH, BHYT, BHYT tăng. Giai đoạn 2022-2024, tổng chi phí quản lý ước thực hiện là 37.731 tỷ đồng, giảm 1.702 tỷ đồng (4,3%) so với dự toán được giao, giảm 685,1 tỷ đồng (1,8%) so với giai đoạn 2019-2021 chủ yếu do chi ứng dụng CNTT, đầu tư xây dựng giảm (*chi tiết tại Biểu 05 kèm theo*).

Với việc đẩy nhanh tiến độ ứng dụng CNTT, cải cách TTHC, sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ, BHXH Việt Nam đã tổ chức thực hiện dự toán chi phí quản lý hàng năm tiết kiệm, hiệu quả; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; ưu tiên các khoản chi cho con người và các khoản chi cần thiết cấp bách; chi tiêu đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ Nhà nước quy định và Quy chế chi tiêu nội bộ của Ngành.

b) Tình hình kinh phí cắt giảm, tiết kiệm giai đoạn 2016-2024

- Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm theo các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ là 2.483,9 tỷ đồng¹.

- Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm trong quá trình điều hành thực hiện dự toán hàng năm là 3.845 tỷ đồng².

2. Kết quả đạt được

2.1. Về cơ chế tài chính BHXH, BHYT, BHYT

Cơ chế tài chính BHXH, BHYT, BHYT tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg đã hướng dẫn hạch toán kế toán thu, chi, quản lý, sử dụng các quỹ BHXH, BHYT, BHYT theo quy định tại Luật BHXH, Luật Việc làm, Luật BHYT, Luật An toàn, vệ sinh lao động; đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan.

¹ - Giai đoạn 2019-2021: Giảm do thực hiện tiết kiệm 15% tổng chi so với năm 2020 theo Nghị quyết số 129/2020/QH14 số tiền 1.354 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2022-2024: Số cắt giảm, tiết kiệm ngay khi xây dựng dự toán và Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ giao dự toán theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ, số tiền 1.129,9 tỷ đồng.

² So với dự toán TTCP giao: Năm 2019 giảm 48 tỷ đồng, năm 2020 giảm 1.689 tỷ đồng, năm 2021 giảm 406 tỷ đồng, năm 2022 giảm 1.098 tỷ đồng, năm 2023 giảm 604 tỷ đồng

a) *Về mở tài khoản:* Quy định mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi và quy định BHXH Việt Nam đảm bảo số dư trên tài khoản tiền gửi đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành BHXH Việt Nam quản lý dòng tiền thu, chi, tập trung nhanh tiền thu về BHXH Việt Nam và đáp ứng đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo phân cấp tại bất cứ thời điểm nào.

b) *Về xây dựng dự toán, phân bổ và giao dự toán:* Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg hướng dẫn việc xây dựng dự toán đảm bảo theo quy trình, thời hạn của Luật NSNN và giao BHXH Việt Nam là đơn vị tổng hợp chung dự toán (bao gồm cả các đơn vị thuộc khối quốc phòng, công an và Ngành Lao động-Thương binh và Xã hội) báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ; Về giao dự toán, từ năm 2020 Thủ tướng Chính phủ giao dự toán trực tiếp cho từng đơn vị gồm: BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) *Về tập trung nguồn thu, quản lý và sử dụng nguồn thu, hạch toán, kế toán:* Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg đã quy định thứ tự hạch toán tiền thu BHXH, BHTN, BHYT vào các quỹ BHXH, BHTN, BHYT để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia; quy định việc hạch toán tiền lãi chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT, làm cơ sở để BHXH Việt Nam thực hiện quản lý tập trung nguồn thu, kịp thời giải quyết, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động.

2.2. Cơ chế tài chính về chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT

Nội dung, mức chi tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg tương đối đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo nguồn kinh phí cho Ngành trong tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT đạt mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW và chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao; sử dụng kinh phí đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định của Nhà nước. Cụ thể:

a) Việc xác định mức chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT hàng năm theo số thu, chi BHXH, BHTN và số thu BHYT, đảm bảo tính khách quan, gắn với thực hiện nhiệm vụ thu, chi quản lý quỹ BHXH, BHTN, BHYT và phát triển người tham gia, giải quyết chính sách BHXH, BHTN, BHYT, đã tạo sự chủ động cho Ngành.

b) Mức chi phí quản lý theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bao gồm cả chi ứng dụng CNTT và chi đầu tư xây dựng cơ bản, đã đảm bảo nguồn để ngành BHXH tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm lớn như ứng dụng CNTT, cải cách TTHC, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát triển người tham gia, thực hiện tổ chức thu, chi trả các chế độ, đơn đốc thu hồi đối với các trường hợp chậm đóng, trốn đóng, chiếm dụng tiền đóng; tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện về trang thiết bị, cải tạo, đầu tư mới các trụ sở làm việc của Ngành.

c) Việc quy định chi ứng dụng CNTT trong chi phí quản lý và được thực hiện theo quy định của pháp luật về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước phù hợp với tính chất, nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT của Ngành BHXH Việt Nam; phù hợp với việc quản lý hệ thống BHXH theo ngành dọc từ Trung ương đến cấp huyện; đảm bảo nguồn lực để phát triển

CNTT theo đúng định hướng của các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ; đảm bảo phục vụ người dân và tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn cả nước trong tất cả các ngành và lĩnh vực; gắn với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao sự hài lòng của người tham gia, người hưởng. Kết quả đạt được đã đánh giá trong công tác cải cách TTHC và hoạt động quản lý của Ngành

d) Việc quy định chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi ứng dụng CNTT) trong chi phí quản lý và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng đã tạo điều kiện cho Ngành BHXH đầu tư phát triển hệ thống trụ sở làm việc đáp ứng yêu cầu về công sở của cơ quan nhà nước, đảm bảo cơ sở vật chất để phục vụ người tham gia, người hưởng; từ năm 2016 đến nay đã đầu tư cơ bản hệ thống trụ sở của Ngành (86% trụ sở làm việc cấp tỉnh và khoảng 77% trụ sở làm việc cấp huyện).

đ) Việc quy định chi hoạt động bộ máy, chi công tác phát triển người tham gia, tổ chức thu, chi, quản lý quỹ BHXH, BHTN, BHYT trong chi phí quản lý phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của Ngành BHXH: Chi hoạt động bộ máy phù hợp với nhiệm vụ có tính chất như quản lý nhà nước của Ngành (*xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; ban hành các quy trình, mẫu thẻ BHYT, sổ BHXH, mẫu hồ sơ, TTHC để tổ chức thực hiện; quản lý và sử dụng các quỹ BHXH, BHTN, BHYT và đầu tư từ quỹ BHXH, BHTN, BHYT...*); Chi thường xuyên đặc thù phù hợp với nhiệm vụ có tính chất như đơn vị sự nghiệp công (*tuyên truyền phát triển người tham gia, tổ chức thu BHXH, BHTN, BHYT, giải quyết hồ sơ hưởng chế độ BHXH; Tổ chức chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp thất nghiệp và quản lý người hưởng...*) và trong thực hiện chức năng thanh tra đóng BHXH, BHTN, BHYT, kiểm tra việc thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT của các đơn vị sử dụng lao động, các cơ sở KCB.

3. Hạn chế, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, cơ chế tài chính còn một số hạn chế, vướng mắc sau:

3.1. Về quy định mở tài khoản (Điều 2)

a) Quy định cơ quan BHXH các cấp mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phản ánh các khoản thu, chi đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành BHXH Việt Nam trong quản lý các nguồn kinh phí, quản lý dòng tiền, tập trung dòng tiền thu BHXH, BHTN, BHYT từ cấp huyện lên cấp tỉnh lên BHXH Việt Nam; quản lý dòng tiền chi đáp ứng đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT theo phân cấp và thực hiện hoạt động đầu tư tài chính.

* Hạn chế, tồn tại:

(1) Quy định mở tài khoản tại ngân hàng thương mại (NHTM) có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không khả thi trong thực tiễn: Theo Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì Ngân

hàng Nhà nước không “xếp hạng tín nhiệm” đối với các tổ chức tín dụng, theo đó chi cung cấp cho BHHH Việt Nam danh sách các NHTM có hoạt động lành mạnh, an toàn, ổn định.

(2) Theo quy định của Luật BHHH, BHHH Việt Nam được tổ chức hoặc ủy quyền cho tổ chức dịch vụ để chi trả các chế độ BHHH, BHTN theo quy định của pháp luật.

Để tổ chức thực hiện, BHHH Việt Nam ký Hợp đồng chi trả với tổ chức dịch vụ được ủy quyền là Tổng công ty Bưu điện, theo đó hằng tháng cơ quan BHHH chuyển kinh phí vào tài khoản tiền gửi của cơ quan Bưu điện mở tại NHTM để tổ chức chi trả trực tiếp chế độ cho từng người hưởng theo quy định của Luật. Số tiền chi trả các chế độ BHHH, BHTN rất lớn (bình quân trên 17.000 tỷ đồng/1 tháng), về thực chất đây là tiền của quỹ BHHH, BHTN do cơ quan BHHH quản lý. Hiện chưa có quy định đối với Tổ chức dịch vụ được BHHH Việt Nam ủy quyền chi trả về việc mở tài khoản tiền gửi để nhận tiền chi trả cho người hưởng chế độ BHHH, BHTN.

b) Về sử dụng lãi tiền gửi

- Việc sử dụng tiền lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi thu, chi BHHH, BHTN, BHYT theo đúng quy định tại Điều 2 Quyết định số 60/2015/QĐ-BHHH và Điều 12 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ BHHH, BHTN, BHYT.

- Đối với quy định lãi tài khoản tiền gửi không kỳ hạn để phản ánh các khoản thu, chi về chi phí quản lý và các quỹ của đơn vị được sử dụng bổ sung nguồn chi phí quản lý và các quỹ của đơn vị là phù hợp với tính chất của nguồn kinh phí, tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được bổ sung vào nguồn chi phí quản lý góp phần làm tăng nguồn thu cho đơn vị và trách nhiệm của chủ tài khoản các cấp.

* Hạn chế, tồn tại:

(1) Chưa quy định cụ thể việc mở tài khoản tiền gửi để phản ánh thu, chi, sử dụng lãi phát sinh tại tài khoản tiền gửi đầu tư xây dựng cơ bản tại Kho bạc Nhà nước.

(2) Chưa quy định việc mở một số tài khoản tiền gửi tại BHHH Việt Nam: Tài khoản tiền gửi phản ánh thu, chi, sử dụng lãi phát sinh tại tài khoản tiền gửi các quỹ phát triển hoạt động, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập; Tài khoản tiền gửi phản ánh thu, chi, sử dụng lãi phát sinh tại tài khoản tiền gửi chi tổ chức và hoạt động BHHH, BHTN, BHYT; Tài khoản tiền gửi phản ánh thu, chi, sử dụng lãi phát sinh tại tài khoản tiền gửi dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư các quỹ BHHH, BHTN, BHYT.

c) Về quy định giao Tổng Giám đốc BHHH Việt Nam quy định số lượng tài khoản tiền gửi, nơi mở tài khoản tiền gửi, định mức số dư tài khoản tiền gửi, thẩm quyền sử dụng tài khoản tiền gửi không kỳ hạn đối với các đơn vị trực thuộc BHHH Việt Nam về cơ bản là phù hợp, tạo sự chủ động cho Ngành trong tổ chức thực hiện.

Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam đã quy định về định mức số dư hàng ngày đối với tài khoản tiền gửi thu của các đơn vị thuộc Ngành BHXH Việt Nam (BHXH cấp tỉnh, cấp huyện) đảm bảo tập trung nhanh, hàng ngày dòng tiền thu BHXH, BHTN, BHYT từ cấp huyện về cấp tỉnh về BHXH Việt Nam.

** Hạn chế, tồn tại:*

(1) Đối với BHXH Việt Nam: Giao Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quy định “*định mức số dư tài khoản tiền gửi*” trong thực tế rất khó thực hiện, do tính chất của các tài khoản tiền gửi khác nhau:

- Tài khoản tiền gửi để quản lý tiền chi các chế độ BHXH, BHTN, BHYT, chi hoạt động bộ máy của BHXH các cấp: Do nhu cầu chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT phát sinh tại mỗi thời điểm khác nhau, chưa kể đến phát sinh nhu cầu chi đột xuất như năm 2020, 2021 thường xuyên phải chi trả gộp 02 tháng lương hưu, trợ cấp BHXH cho người hưởng, chi thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 116/NQ-CP khoảng 30.000 tỷ đồng, nên việc quy định định mức số dư tài khoản tiền gửi sát với nhu cầu rất khó khăn. Việc giao Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quy định định mức số dư tài khoản tiền gửi là chưa phù hợp với đặc thù của quỹ BHXH là dùng để chi trả cho các nhu cầu thanh quyết toán chế độ chính sách phát sinh theo thực tế, đặc biệt trong trường hợp thời gian chi trả gần ngày Tết Nguyên đán và trong thời gian xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hoặc vì lý do bất khả kháng theo công bố của cấp có thẩm quyền.

- Tài khoản tiền gửi thanh toán tại BHXH Việt Nam, số tiền dư trên tài khoản này phụ thuộc vào số thu BHXH, BHTN, BHYT, số chi, số tiền đầu tư tài chính hàng ngày.

(2) Đối với BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân: Giao Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quy định số lượng tài khoản tiền gửi, nơi mở tài khoản tiền gửi, định mức số dư tài khoản tiền gửi, thẩm quyền sử dụng tài khoản tiền gửi không kỳ hạn đối với BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân sau khi có ý kiến thống nhất của các tổ chức bảo hiểm xã hội này.

** Hạn chế, tồn tại:*

- Việc giao Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quy định định mức số dư tài khoản tiền gửi, số lượng tài khoản tiền gửi, nơi mở tài khoản tiền gửi chưa gắn với trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Chưa có quy định việc quyết định số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3.2. Về quy định “Bảo đảm thanh khoản” (Điều 3)

Quy định về bảo đảm thanh khoản là cơ sở cho ngành đảm bảo số dư trên tài khoản tiền gửi phản ánh các khoản thu, chi để thực hiện chi trả các chế độ, chính sách BHXH, BHTN, BHYT kịp thời cho người hưởng, đồng thời số dư trên tài khoản này trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, được gửi có kỳ hạn để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư theo phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý BHXH thông qua.

** Hạn chế, tồn tại:*

(1) Quy định chưa cụ thể về mức đảm bảo thanh khoản để đảm bảo tính pháp lý cũng như tính thống nhất, minh bạch. Trong tổ chức thực hiện khó khăn khi xây dựng phương án đầu tư quỹ bảo hiểm theo quy định phải xác định được số dư quỹ bảo hiểm tạm thời nhận rồi thì ngoài nhu cầu chi các chế độ BHXH, BHTN, BHYT theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao hằng năm cần phải xác định được nguồn kinh phí để đảm bảo thanh khoản theo Điều 3 để đáp ứng kịp thời nhu cầu chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHXH tại bất kỳ thời điểm nào (thường chi vào đầu tháng) khi số thu BHXH, BHTN, BHYT chưa đến kỳ nộp theo quy định (các đơn vị sử dụng lao động thường nộp tiền vào cuối tháng, cuối quý).

(2) Về quy định số dư trên tài khoản tiền gửi phản ánh các khoản thu, chi trong thời gian tạm thời nhận rồi, được gửi có kỳ hạn để nâng cao hiệu quả đầu tư theo phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý BHXH thông qua khó khăn trong thực hiện vì số tiền sử dụng để đầu tư quỹ theo phương án đầu tư quỹ hằng năm được Hội đồng quản lý BHXH thông qua đã trừ số tiền dự kiến chi các chế độ BHXH, BHTN, BHYT trong năm và đây là số tiền tạm thời nhận rồi trong khi chưa thực hiện chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT, chưa thực hiện đầu tư có kỳ hạn trên 01 tháng (mua trái phiếu Chính phủ, gửi tiền tại các ngân hàng thương mại). Như vậy, việc quy định số tiền bảo đảm thanh khoản được gửi có kỳ hạn để nâng cao hiệu quả đầu tư theo phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý BHXH thông qua là chưa phù hợp.

3.3. Về quy định xây dựng dự toán, phân bổ và giao dự toán (Điều 5)

Các quy định về xây dựng dự toán, phân bổ và giao dự toán trong tổ chức thực hiện cơ bản không phát sinh khó khăn, vướng mắc đã tạo điều kiện cho BHXH Việt Nam chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ hằng năm, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT.

** Hạn chế, tồn tại:*

(1) Quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu, chi (bao gồm cả dự toán cho BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và tổ chức thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) cho BHXH Việt Nam không còn phù hợp. Thực tế từ năm 2020 đến nay, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi tiết cho từng đơn vị: BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

(2) Chưa quy định cụ thể về thời gian và trách nhiệm của các đơn vị ngoài ngành trong việc xây dựng, gửi dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT và trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, BHXH Việt Nam trong xem xét, tổng hợp dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT hàng năm của các đơn vị ngoài ngành.

(3) Chưa quy định cụ thể các trường hợp điều chỉnh dự toán trong năm và thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán phù hợp với tính chất quỹ bảo hiểm phải đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ bảo hiểm cho người hưởng.

(4) Quy định tại khoản 5 Điều 5 về việc "*BHXH Việt Nam xác định phân chênh lệch giữa dự toán chi phí quản lý được giao và mức chi phí quản lý theo tỷ lệ tính trên số thực thu, thực chi của năm trước theo quy định, báo cáo Bộ Tài chính để bù trừ vào dự toán chi phí quản lý năm sau*" không phù hợp, lý do:

Với tính chất của chi phí quản lý là gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi hằng năm, tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quy định rõ trường hợp thực hiện thu, chi trong năm không đạt dự toán, mức chi phí quản lý tính trên số thực thu, thực chi; trường hợp thực hiện thu, chi trong năm vượt dự toán, chi phí quản lý thực hiện theo dự toán đã được giao.

(5) Chưa quy định cụ thể về thời gian BHXH Việt Nam tổng hợp, lập dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT gửi Bộ Tài chính để thuận lợi, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

3.4. Về quy định "*Tập trung nguồn thu, quản lý và sử dụng nguồn thu*" (Điều 6)

a) Các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4

Cơ chế đã quy định về thứ tự hạch toán số tiền đóng BHXH, BHTN, BHYT theo thứ tự ưu tiên vào từng quỹ BHXH, BHTN, BHYT để làm cơ sở cho cơ quan BHXH thực hiện.

* *Hạn chế, tồn tại:*

Theo quy định của Luật BHXH, quỹ BHXH được quản lý và hạch toán kế toán theo từng quỹ thành phần: Quỹ ốm đau thai sản; Quỹ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (TNLĐ-BNN); Quỹ hưu trí tử tuất. Trong thực tế nhiều đơn vị sử dụng lao động không đóng đủ số tiền phải đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động, cơ chế chưa có quy định về thứ tự phân bổ và hạch toán tiền đóng BHXH theo từng quỹ thành phần của quỹ BHXH để làm cơ sở hạch toán và ghi nhận thời gian tham gia cho người lao động khi nhận được tiền đóng của người sử dụng lao động, do đó khó khăn trong công tác hạch toán quỹ BHXH theo từng quỹ thành phần.

b) Về quy định chuyển kinh phí cho các đơn vị tại khoản 5

Cơ chế quy định cụ thể một số trường hợp, mức chuyển từng nguồn kinh phí tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, do tính chất chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, BHTN, BHYT phải chi trả đầy đủ, kịp thời cho người hưởng, cho đơn vị, tổ chức, cơ sở KCB theo quy định của Luật BHXH, Luật Việc làm, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật BHYT, quy định về chuyển, tạm ứng kinh phí chưa được đầy đủ.

* *Hạn chế, tồn tại:*

(1) Thực tế hằng năm, thường nghỉ tết nguyên đán vào đúng kỳ chi trả tháng 2 nên để chi trả kịp thời chế độ cho người hưởng, ngành BHXH đã chi gộp chế độ BHXH hằng tháng của tháng 1, tháng 2 vào cùng kỳ chi trả tháng 1, thời gian chi trả bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm, để đảm bảo nguồn kinh phí chi trả đúng thời gian cho người hưởng, BHXH Việt Nam chuyển kinh phí cho BHXH

tính vào ngày 25/12 năm trước. Vào thời gian này, NSNN chưa cấp kinh phí để chi trả cho người hưởng do NSNN đảm bảo của năm sau (thường NSNN cấp kinh phí vào khoảng từ ngày 05-10/01 hằng năm). Trong thời gian dịch Covid-19, thực hiện việc phòng chống dịch theo chủ trương của Chính phủ, BHXH Việt Nam thực hiện 5 đợt chi trả gộp 2 tháng, nhưng do NSNN cấp kinh phí hằng tháng, theo đó Quỹ BHXH phải ứng trước kinh phí chi trả 01 tháng/đợt.

(2) Trường hợp dự toán Thủ tướng Chính phủ giao nguồn NSNN thấp hơn thực tế thực hiện, để đảm bảo chi trả kịp thời, đầy đủ cho người hưởng theo quy định của Luật BHXH, trong khi chưa được cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự toán (thường sau khi quyết toán xong của năm trước mới điều chỉnh dự toán chi chế độ vào năm sau, trễ khoảng 1 năm), BHXH Việt Nam phải tạm ứng trước kinh phí còn thiếu để chi trả cho người hưởng nguồn NSNN.

(3) Trường hợp dự toán chi các chế độ BHXH, BHTN từ quỹ BHXH, quỹ BHTN theo quy định được cấp có thẩm quyền giao thấp hơn số thực tế phải chi chế độ BHXH, BHTN cho người hưởng, để đảm bảo chi trả kịp thời, đầy đủ cho người hưởng theo quy định của Luật BHXH, Luật Việc làm, BHXH Việt Nam thực hiện chi theo số thực tế phải chi trả cho người hưởng nhưng không được điều chỉnh dự toán.

(4) Trường hợp dự toán chi khám chữa bệnh BHYT được cấp có thẩm quyền giao thấp hơn số chi khám chữa bệnh BHYT đủ điều kiện thanh toán theo quy định, trong khi chờ cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự toán, BHXH Việt Nam thẩm định, tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý BHXH xem xét, quyết định tạm cấp tối đa bằng 80% kinh phí đủ điều kiện thanh toán đã được BHXH Việt Nam thẩm định, tổng hợp. Thực hiện Luật BHYT, cơ quan BHXH tạm ứng 80% chi phí KCB của quý theo số liệu báo cáo quyết toán quý trước của cơ sở KCB trong khi các đơn vị sử dụng lao động, NSNN chuyển tiền đóng BHYT theo tháng. Theo đó, cơ quan BHXH phải ứng trước kinh phí cho cơ sở KCB trong khi nguồn thu chưa tập trung về cơ quan BHXH.

(5) Chi ứng dụng CNTT trong quản lý BHXH, BHTN, BHYT thực hiện theo quy định của pháp luật về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, về cấp kinh phí theo các quy định hiện hành: Cấp đủ kinh phí và đúng thời hạn cho ứng dụng CNTT theo kế hoạch được phê duyệt; không quy định cụ thể phương thức chuyển kinh phí chi ứng dụng CNTT (chuyển bình quân theo kế hoạch hay tiến độ thực hiện) từ BHXH Việt Nam cho các đơn vị trực thuộc và các đơn vị ngoài ngành (BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), thực tế triển khai thực hiện đã phát sinh vướng mắc trong chuyển kinh phí ứng dụng CNTT cho Cục Việc làm thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Đơn vị đề nghị chuyển kinh phí nhưng chưa có kế hoạch và khối lượng công việc thực hiện và cho đến nay do chưa có khối lượng để giải ngân, BHXH Việt Nam chưa chuyển tiền. Vướng mắc này, BHXH Việt Nam đã có công văn báo cáo Bộ Tài chính.

(6) Chi đầu tư phát triển: Thực tế các năm gần đây, dự toán Thủ tướng Chính phủ giao cho BHXH Việt Nam thường chậm (sau tháng 3), do đó trong thời

gian chưa được giao dự toán, các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam không thực hiện giải ngân được vốn đầu tư công dẫn đến chậm trễ trong tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản, khó đạt được 100% kế hoạch vốn được giao. Các dự án thực hiện dở dang chuyển năm sau thường có nhu cầu sử dụng vốn rất cao để thanh toán cho khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu từ cuối tháng 12 năm trước, dự án gấp rút hoàn thành để bàn giao đưa vào sử dụng. Theo đó, việc chưa có quy định về chuyên kinh phí trong thời gian chưa được giao dự toán ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

3.5. Về hạch toán kế toán và quyết toán (Điều 7)

Cơ chế đã quy định về quyết toán số thu, nguyên tắc hạch toán kế toán, thẩm quyền, hình thức xét duyệt, thẩm định, tổng hợp quyết toán của Bộ Tài chính, BHXH Việt Nam và các đơn vị ngoài Ngành.

** Hạn chế, tồn tại:*

a) Chưa có quy định về thứ tự trong hạch toán thu hồi nợ gốc, nợ lãi đã quá hạn trả nợ từ hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm.

b) Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Chưa có quy định rõ ràng về việc xét duyệt, thẩm định quyết toán đối với các đơn vị cấp dưới.

c) Đối với BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân: Quy định việc BHXH Việt Nam thẩm định, thông báo quyết toán năm đối với 02 đơn vị này là chưa phù hợp với tổ chức bộ máy và quản lý sử dụng kinh phí hoạt động để phục vụ các nhiệm vụ triển khai thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN trong khối quốc phòng, công an.

d) Chưa có quy định về số quyết toán chi BHXH, BHTN từ quỹ BHXH, BHTN là số tiền phải chi trả các chế độ BHXH, BHTN cho tổ chức, cá nhân trong năm hay là số thực tế đã chi trả trong năm.

đ) Chưa có quy định các khoản chi sai chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản phải thu hồi theo kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được chuyển về BHXH Việt Nam để hoàn trả vào các quỹ bảo hiểm tương ứng, không chuyển về tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước.

e) Chưa có quy định các khoản chi sai chế độ từ nguồn chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT; kinh phí đã hết nhiệm vụ chi; các khoản thu phải nộp theo kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được chuyển về BHXH Việt Nam để hoàn trả các quỹ BHXH, quỹ BHTN, quỹ BHYT.

3.6. Về mức chi phí chi trả (khoản 2 Điều 4 và điểm b khoản 5 Điều 9)

Mức chi phí chi trả được quy định chung cho các hình thức chi trả (chi qua tài khoản cá nhân (thẻ ATM) và chi bằng tiền mặt) đã được điều chỉnh phù hợp với lộ trình ứng dụng CNTT, lộ trình đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt theo Nghị quyết của Chính phủ giai đoạn 2019-2021, chi phí chi trả giảm từ 0,7% xuống còn 0,65% số chi BHXH, BHTN phù hợp với giai đoạn khi việc ứng dụng CNTT đang ở giai đoạn đầu, số người nhận lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp

thất nghiệp (TCTN) qua tài khoản ATM còn thấp; Về cơ cấu, nội dung mức chi phí chi trả theo Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg (tại Tờ trình số 92/TTr-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ) cơ bản đã tính đủ các khoản chi phí cần thiết để tổ chức dịch vụ được ủy quyền tổ chức chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, TCTN và quản lý người hưởng, chi phí để cơ quan BHXH tổ chức kiểm tra, giám sát chi trả.

Hàng năm, Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ làm đại lý chi trả của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo hai hình thức chi qua tài khoản ATM và chi bằng tiền mặt để tổ chức thực hiện.

** Hạn chế, tồn tại:*

(1) Một số nội dung chi cho công tác chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, TCTN trong quá trình thực hiện đã phát sinh như: chi cước tin nhắn thông báo số tiền đã chi trả đến người hưởng nhận qua tài khoản cá nhân và nhận tiền mặt (trong trường hợp người hưởng ủy quyền cho người khác nhận thay); thay đổi phí chuyển tiền vào tài khoản người hưởng theo mức phí của ngân hàng; chi khấu hao tài sản phục vụ cho công tác chi trả...

(2) Về mức chi phí chi trả tại Quyết định 38/2019/QĐ-TTg được xây dựng, ban hành từ năm 2019, qua 06 năm thực hiện cùng với việc ngành BHXH Việt Nam đã tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, TCTN và quản lý người hưởng; đẩy mạnh phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt nên số người nhận lương hưu, trợ cấp BHXH, TCTN qua tài khoản ATM ngày càng tăng (đến năm 2024, tỷ lệ người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng qua tài khoản ATM đạt 74%), nên mức chi phí chi trả tại Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg không còn phù hợp với thực tế hiện nay.

(3) Chưa có quy định cụ thể tiêu chí, điều kiện lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả và tổ chức ký hợp đồng ủy quyền với tổ chức dịch vụ chi trả.

(4) Chi phí chi trả nguồn NSNN cấp để thực hiện tổ chức chi trả cho người hưởng do nguồn NSNN đảm bảo được BHXH Việt Nam hòa chung vào tổng nguồn chi phí quản lý để thực hiện nhiệm vụ chung, việc thực hiện chi tiêu thanh quyết toán đảm bảo đầy đủ hồ sơ chứng từ theo quy định nhưng không tách riêng được chi tiết số tiền chi theo từng nguồn NSNN, nguồn quỹ BHXH.

3.7. Về quy định “Nội dung và mức chi phí quản lý” (Điều 9)

Giai đoạn 2019-2021 một số nội dung chi, định mức chi đã được điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với lộ trình ứng dụng CNTT và thực tiễn như: Chi cập nhật dữ liệu biến động thay đổi thông tin hộ gia đình tham gia BHYT; chi rà soát thông tin, cập nhật bổ sung dữ liệu, hoàn thiện phần mềm quản lý để cấp mã số BHXH cho người tham gia BHXH, BHYT; chi phí in ấn, gửi thông báo; chi điều tra thống kê đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tham gia BHXH hoặc tham gia chưa đầy đủ các chế độ BHXH... Chi tiếp nhận và giải quyết hồ sơ về đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp, phục hồi chức năng lao động và huấn luyện an toàn vệ sinh lao động của Sở Lao

động - Thương binh và Xã hội theo quy định của Luật An toàn vệ sinh lao động; giảm chi phí chi trả từ 0,7% số chi BHXH, BHTN xuống còn 0,65%; cùng với đó đề đạt được mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW về phát triển người tham gia BHXH, BHYT đặc biệt là người tham gia BHXH tự nguyện đã điều chỉnh tăng mức chi phí thu BHXH tự nguyện, thu BHYT của người tham gia theo hộ gia đình, của học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ 7% số tiền đóng của người tham gia lên 7,5% đã tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo nguồn kinh phí cho Ngành tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Cùng với việc ứng dụng CNTT mạnh mẽ và đặc thù của yêu cầu quản lý dữ liệu CNTT ở các giai đoạn khác nhau đã phát sinh một số khoản chi phí cơ chế chưa điều chỉnh hoặc chưa đầy đủ, một số định mức chi không còn phù hợp:

a) Chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT.

** Hạn chế, vướng mắc:*

(1) Công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT được thực hiện đa dạng theo nhiều hình thức như: triển lãm chuyên đề, tuyên truyền lưu động, tuyên truyền trên mạng xã hội... Tuy nhiên, tại các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định cụ thể về nội dung chi cho các hình thức tuyên truyền này. Ngày 18/8/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, tuy nhiên vẫn chưa có quy định về nội dung chi cho hình thức tuyên truyền trên mạng xã hội.

(2) Nội dung, mức chi cho việc hỗ trợ, giải đáp, tư vấn chính sách pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH chưa được quy định.

b) Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích tập thể, cá nhân ngoài ngành BHXH phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thu hồi đối với các trường hợp trốn đóng, chậm đóng, chiếm dụng tiền đóng, hưởng BHXH, BHTN, BHYT.

** Hạn chế, vướng mắc:*

Giai đoạn 2016-2024, việc bố trí kinh phí chi hỗ trợ động viên, khuyến khích tập thể, cá nhân ngoài ngành BHXH phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thu hồi đối với các trường hợp trốn đóng, chậm đóng, chiếm dụng tiền đóng, hưởng BHXH, BHTN, BHYT đã mang lại hiệu quả tích cực trong công tác thu và thu hồi nợ đọng.

Từ tháng 5 năm 2022 trở về trước, bên cạnh các đại lý thu qua hệ thống Buu điện, Ngành BHXH Việt Nam vẫn duy trì các đại lý thu qua hệ thống xã, phường, thị trấn, đơn vị sự nghiệp; tổ chức chính trị-xã hội; tổ chức xã hội-nghề nghiệp. Rất nhiều địa phương hoàn thành được chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH tự nguyện và độ bao phủ BHYT do lấy Ủy ban nhân dân xã, phường và các Hội, đoàn thể tại cơ sở làm nòng cốt cho việc tuyên truyền, vận động người

dân tham gia BHXH, BHYT. Các đại lý thu qua hệ thống xã, phường, thị trấn, hội, đoàn thể vẫn được hưởng thù lao đại lý thu theo quy định do vậy cũng là một khoản kinh phí để động viên tập thể, cá nhân tại cơ sở tích cực phối hợp với ngành BHXH Việt Nam trong tuyên truyền, phát triển người tham gia.

Để đạt mục tiêu đến năm 2025, phấn đấu đạt khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH; khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN theo đúng Nghị quyết số 28-NQ/TW và đạt chỉ tiêu tỷ lệ đối tượng tham gia BHYT đến năm 2025 đạt 95% dân số theo Nghị quyết số 20-NQ/TW, cần thiết quy định nội dung chi hỗ trợ các đơn vị ngoài ngành BHXH trong công tác chỉ đạo, phối hợp, tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT tại địa phương, các UBND xã phường trong công tác chỉ đạo, phối hợp, triển khai thực hiện công tác phát triển người tham gia BHXH, BHYT.

c) Chi cập nhật, xác thực đầy đủ các thông tin cá nhân vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

** Hạn chế, vướng mắc:*

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Theo đó, để thực hiện mục tiêu: “*Bảo đảm từng bước thay thế các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chỉ cần sử dụng thẻ Căn cước công dân (CCCD), ứng dụng định danh điện tử quốc gia của Bộ Công an (VNeID), trong đó tập trung thực hiện ngay đối với một số giấy tờ như thẻ bảo hiểm y tế (BHYT)*”. Theo đó, để triển khai thực hiện, cơ quan BHXH các cấp phải phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương các sở, ngành liên quan rà soát, cập nhật các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đồng bộ với CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

d) Chi phí ủy quyền thu BHXH, BHTN, BHYT bắt buộc đối doanh nghiệp siêu nhỏ và cơ quan tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

** Hạn chế, vướng mắc:*

Tại điểm e khoản 2 Điều 2 Nghị định số 89/2020/NĐ-CP quy định BHXH Việt Nam tổ chức thu hoặc ủy quyền cho tổ chức dịch vụ thu các khoản đóng BHXH, BHTN, BHYT của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động và cá nhân theo quy định của pháp luật (bao gồm cả BHXH tự nguyện, BHYT tự đóng và BHXH bắt buộc). Hiện nay vẫn còn nhiều đơn vị, doanh nghiệp chưa tham gia BHXH, BHTN, BHYT bắt buộc cho người lao động, tập trung ở khối ngoài quốc doanh, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người lao động làm việc trong các cơ quan tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam, nguyên nhân chính là do tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và người lao động chưa nghiêm. Mặt khác, đối với tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam việc tiếp cận đơn vị để phát triển người tham gia gặp nhiều khó khăn do hạn chế về ngoại ngữ, các quy định của hoạt động đối ngoại. Cùng với đó, nhiệm vụ của Ngành BHXH được giao ngày càng tăng,

tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW. do vậy cần thiết phải ủy quyền cho các tổ chức dịch vụ thu để tiếp cận các doanh nghiệp siêu nhỏ và cơ quan tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam để phát triển người tham gia BHXH, BHTN, BHYT bắt buộc.

Tuy nhiên, cơ chế chưa có quy định về mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHTN, BHYT đối với doanh nghiệp siêu nhỏ³ (trong thực tế, ngành Thuế cũng đang thực hiện ủy quyền cho các tổ chức dịch vụ thu hộ đối với hộ kinh doanh cá thể).

3.8. Quy định “Sử dụng kinh phí tiết kiệm” (Điều 10)

a) Các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm đã khuyến khích toàn Ngành thực hiện hiệu quả chính sách BHXH, BHTN, BHYT và tập trung các giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý để tạo nguồn kinh phí chi bổ sung thu nhập, trích lập các quỹ, quy định này phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của ngành BHXH đã có tác động tích cực đối với ngành trong việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức (CCVC) và chất lượng tổ chức thực hiện chính sách và quản lý, sử dụng quỹ BHXH, BHTN, BHYT chặt chẽ, an toàn, hiệu quả; tạo động lực cho CCVC yên tâm công tác, gắn bó hơn, tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật lao động phục vụ người tham gia, thụ hưởng chính sách.

* Hạn chế, vướng mắc:

- Nội dung chi từ quỹ bổ sung thu nhập chưa chi tiết, bao quát đầy đủ các trường hợp phát sinh liên quan đến thu nhập của người lao động bị giám sát; chưa có cơ chế ưu đãi về thu nhập cho CCVC, người lao động để khuyến khích người lao động nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc.

- Chưa có quy định về xử lý đối với phần kinh phí tiết kiệm còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo mức quy định.

- Đối với quy định tại khoản 3 về kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ trong năm đến cuối năm chưa sử dụng hết: cơ chế quy định chung cho tất cả các nguồn kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng, chưa quy định cụ thể việc chuyển nguồn phù hợp với tính chất từng nguồn kinh phí: Chi hoạt động bộ máy và chi phục vụ công tác thu, chi; chi ứng dụng CNTT; chi đầu tư xây dựng cơ bản.

3.9. Một số nội dung khác

a) Chi ứng dụng CNTT thực hiện theo các quy định hiện hành đối với nguồn vốn chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển từ NSNN nhưng Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg không quy định rõ đây là nguồn chi thường xuyên hay chi đầu tư phát triển dẫn đến việc áp dụng quy phạm pháp luật còn vướng mắc.

³ Khái niệm doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

b) Chưa có quy định về việc quản lý và sử dụng tài sản hình thành từ nguồn chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT và kinh phí thu được từ việc xử lý, khai thác các tài sản này.

II. ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Ngân sách nhà nước; Luật BHXH năm 2024; Luật BHYT năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT; Luật Việc làm; Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách BHXH.

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024.

- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

- Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành BHXH Việt Nam đến năm 2030.

- Chế độ tiêu chuẩn, định mức hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Trong đó: Mức đóng BHXH, BHTN, BHYT được tính theo quy định của Luật BHXH, BHYT, Nghị định về BHTN; Lương cơ sở theo mức hiện hành: 2.340.000 đồng/tháng.

2. Yêu cầu xây dựng cơ chế tài chính BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

a) Cơ chế tài chính đảm bảo theo đúng định hướng tại các Nghị quyết của Đảng, cụ thể hóa quy định tại Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động và pháp luật khác có liên quan, bao quát đầy đủ hoạt động của BHXH Việt Nam và tổ chức thực hiện BHXH, BHTN, BHYT của các cơ quan liên quan; theo một số quy định mới, sửa đổi, bổ sung tại Luật BHXH năm 2024 và khắc phục được những hạn chế, vướng mắc trong thực tế tổ chức thực hiện. Một số nội dung như sau:

- Về chi tổ chức và hoạt động BHXH (Điều 120):

+ Nội dung thay đổi tại Luật BHXH: Tên nội dung chi thay đổi từ “Chi phí quản lý BHXH” thành “Chi tổ chức và hoạt động BHXH”.

+ Nội dung bổ sung mới: Bổ sung nhiệm vụ chi “giải đáp, tư vấn chính sách”.

+ Nội dung cụ thể hóa tại Luật BHXH: “Đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ liên quan đến quản lý và hoạt động BHXH”, “hoạt động bộ máy của Hội đồng quản lý BHXH” và quy định “Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH được tính trên cơ sở số phần trăm của dự toán thu, chi BHXH, không bao gồm số chi đóng BHYT cho người hưởng các chế độ BHXH được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ BHXH”⁴.

- Về tài khoản tiền gửi: Sửa đổi để phù hợp với nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 122 Luật BHXH năm 2024.

- Về trách nhiệm của Chính phủ: Nội dung bổ sung mới tại Luật BHXH năm 2024 (Điều 135): Bổ sung trách nhiệm “Quy định việc lập quyết toán và phân công cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc duyệt, thẩm định, phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH; quy định việc quyết toán thu, chi quỹ BHXH, quỹ BHYT, quỹ BHTN”.

- Về trách nhiệm của Bộ Tài chính: Nội dung bổ sung mới tại Luật BHXH năm 2024 (Điều 137): “Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế tài chính về BHXH; quy định về chi tổ chức và hoạt động BHXH quy định tại Điều 120 của Luật này”; “Trình Chính phủ quy định về hoạt động đầu tư quỹ BHXH; hạch toán, phân bổ các quỹ thành phần của quỹ BHXH”.

- Điều 139 sửa đổi một số luật liên quan đến BHXH: Sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 gồm: khoản 7 Điều 42 “7. Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật BHXH” và điểm b khoản 2 Điều 44 “b) Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ theo quy định tại Điều 120 và Điều 121 của Luật BHXH”; sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 “e) Chi tổ chức và hoạt động BHTN thực hiện theo quy định của Luật BHXH”.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý BHXH: Nội dung bổ sung mới tại Luật BHXH năm 2024 (khoản 4 Điều 20): Thông qua mức chi tổ chức và hoạt

⁴ - Nhiệm vụ chi “Đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ liên quan đến quản lý và hoạt động BHXH” là nội dung cụ thể hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 90 Luật BHXH 2014 “hiện đại hóa hệ thống quản lý”.

- Nhiệm vụ chi “hoạt động bộ máy của Hội đồng quản lý BHXH”: Luật hóa nội dung quy định về nhiệm vụ của Hội đồng quản lý quy định tại Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam và Nghị định số 72/2017/NĐ-CP ngày 13/6/2017 của Chính phủ quy định về nội dung chi hoạt động của Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam.

- Quy định “mức chi tổ chức và hoạt động BHXH được tính trên cơ sở số phần trăm của dự toán thu, chi BHXH, không bao gồm số chi đóng BHYT cho người hưởng các chế độ BHXH được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ BHXH”: Luật hóa quy định tại các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức chi phí quản lý BHXH, BHTN giai đoạn 3 năm từ năm 2016 đến nay và kế thừa nội dung quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật BHXH năm 2014.

động BHXH, BHTN, BHYT, báo cáo quyết toán về chi tổ chức và hoạt động BHXH, chiến lược đầu tư dài hạn trước khi cơ quan BHXH trình cơ quan có thẩm quyền.

- Về biện pháp xử lý hành vi trốn đóng BHXH bắt buộc, BHTN: Nội dung bổ sung mới tại Luật BHXH năm 2024 (khoản 1 Điều 41): *Bắt buộc đóng đủ số tiền số tiền trốn đóng, nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền BHXH, BHTN trốn đóng và số ngày trốn đóng vào quỹ BHXH, BHTN (khoản 3 Điều 122 Luật 2014 quy định: Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ BHXH bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng; nếu không thực hiện thì theo yêu cầu của người có thẩm quyền, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước có trách nhiệm trích từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động để nộp số tiền chưa đóng, chậm đóng và lãi của số tiền này vào tài khoản của cơ quan BHXH).*

- Về nhiệm vụ xác minh thông tin người hưởng: Nội dung bổ sung mới tại Luật BHXH năm 2024 (điểm c khoản 2 Điều 11): *"Định kỳ hằng năm, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền để thực hiện việc xác minh thông tin đủ điều kiện thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội".*

- Bổ sung chế độ tiền thưởng đề thưởng đột xuất theo thành tích công tác và thưởng định kỳ hằng năm theo kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người hưởng lương trong đơn vị theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Kế thừa các quy định còn phù hợp với quy định hiện hành và yêu cầu quản lý trong giai đoạn tới tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg; sửa đổi hoặc bãi bỏ những nội dung không còn phù hợp với thực tiễn, bổ sung nội dung mới phát sinh, phù hợp với quy định của pháp luật nhưng chưa có hướng dẫn.

c) Đảm bảo các quỹ BHXH, BHTN, BHYT được quản lý tập trung, thống nhất tại BHXH Việt Nam, công khai, minh bạch, được hạch toán độc lập theo từng quỹ bảo hiểm và quỹ thành phần của quỹ BHXH.

d) Cơ chế quản lý tài chính đối với chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT được xây dựng đầy đủ nội dung chi, mức chi theo quy định phải gắn với:

- Chức năng, nhiệm vụ của BHXH Việt Nam, các tổ chức được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT và tính chất đặc thù trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển người tham gia và quản lý người tham gia, thụ hưởng và quản lý thu, chi quỹ BHXH, BHTN, BHYT.

- Gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phát triển CNTT, cải cách TTHC của ngành BHXH Việt Nam và nâng cao sự hài lòng của người tham gia và người hưởng chính sách BHXH, BHTN, BHYT.

- Quản lý, sử dụng kinh phí chi quản lý bộ máy gắn với thực hiện các chỉ tiêu thu, chi BHXH, BHTN, BHYT đảm bảo công khai, minh bạch, có cơ chế khuyến khích sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, tạo động lực cho CCVC nâng cao năng suất, chất lượng trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Đề xuất dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT (thay thế Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg): Chi tiết tại dự thảo Nghị định kèm theo.

Trên đây là báo cáo, đề xuất của BHXH Việt Nam, kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (dề b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT, TCKT.



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lộ Hùng Sơn





Biểu 01

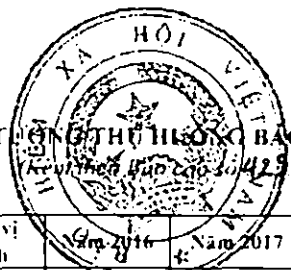
PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Khoản Quyết định số 4297/QĐ-BC-BHXH ngày 25 tháng 11 năm 2024 của BHXH Việt Nam

DVT: Người

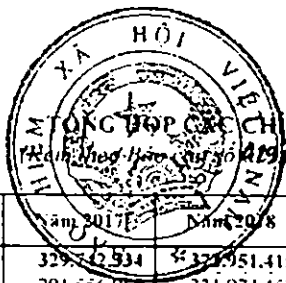
STT	Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024 so với năm 2016	
											Tăng/giảm	Tỷ lệ
A	ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHYT	75.915.155	81.188.991	83.540.469	85.745.397	88.043.392	88.833.881	91.073.691	93.628.219	95.432.317	19.517.162	25,7%
	<i>Tỷ lệ tham gia BHYT so dân số</i>	<i>81,9%</i>	<i>86,9%</i>	<i>88,6%</i>	<i>89,1%</i>	<i>90,97%</i>	<i>90,2%</i>	<i>92,04%</i>	<i>93,35%</i>	<i>94,11%</i>		<i>12,2%</i>
1	Nhóm do NLD và NSDLĐ đóng	11.864.731	12.594.674	13.448.588	15.215.484	13.984.833	13.731.169	14.690.065	15.351.767	16.689.611	4.824.880	40,7%
2	Nhóm do tổ chức BHXH đóng	3.180.700	3.047.068	3.254.226	3.161.669	3.376.400	3.567.174	3.599.135	3.426.796	3.496.869	316.169	9,9%
3	Nhóm do NSNN đóng	34.338.007	34.215.442	33.657.286	32.470.329	32.909.693	28.134.338	27.323.170	27.708.332	27.586.955	-6.751.052	-19,7%
4	Nhóm được NSNN hỗ trợ	15.160.836	16.566.663	17.333.771	17.748.442	18.803.274	19.929.981	21.522.021	22.254.016	21.755.238	6.594.402	43,5%
5	Nhóm tham gia theo hộ gia đình	11.370.881	14.765.144	15.846.598	17.149.463	18.969.192	23.471.219	23.939.298	24.887.308	25.903.644	14.532.763	127,8%
6	Nhóm do người SDLĐ đóng				10			2	0	0		
B	ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH	13.055.704	13.820.389	14.732.259	15.762.144	16.188.799	16.551.851	17.502.245	18.418.132	20.037.502	6.981.798	53,5%
	<i>Tỷ lệ tham gia BHXH so LLLĐ</i>	<i>28,2%</i>	<i>29,0%</i>	<i>30,4%</i>	<i>32,2%</i>	<i>32,8%</i>	<i>36,2%</i>	<i>38,08%</i>	<i>39,25%</i>	<i>42,71%</i>		<i>14,5%</i>
1	Nhóm doanh nghiệp	8.594.804	9.338.501	10.121.843	10.895.102	10.838.874	10.944.373	11.810.889	12.282.753	13.528.347	4.933.543	57,4%
2	Khối HCSN, đảng, đoàn thể, LLVT	3.989.740	3.940.368	3.967.160	3.918.196	3.861.722	3.844.953	3.853.920	3.628.493	3.615.686	-374.054	-9,4%
3	Tổ chức nước ngoài, quốc tế								0	0	0	
4	Ngoài công lập, HTX, tổ chức khác	178.761	180.146	233.465	272.954	269.272	225.294	287.304	502.831	514.345	335.584	187,7%
5	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	88.528	137.131	132.601	117.783	94.383	88.137	86.885	86.706	86.706	-1.822	-2,1%
6	Người tham gia BHXH tự nguyện	203.871	224.243	277.190	558.109	1.124.548	1.449.094	1.463.247	1.917.349	2.292.418	2.088.547	1024,4%
	<i>Tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc so LLLĐ</i>	<i>27,8%</i>	<i>28,5%</i>	<i>29,8%</i>	<i>31,1%</i>		<i>33,0%</i>	<i>34,9%</i>	<i>35,2%</i>	<i>37,8%</i>		<i>10,1%</i>
	<i>Tỷ lệ tham gia BHXH tự nguyện so LLLĐ</i>	<i>0,4%</i>	<i>0,5%</i>	<i>0,6%</i>	<i>1,1%</i>	<i>2,3%</i>	<i>3,2%</i>	<i>3,18%</i>	<i>4,09%</i>	<i>4,89%</i>		<i>4,4%</i>
C	ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHYT	10.994.650	11.538.854	12.643.135	13.391.893	13.342.505	13.400.038	14.330.630	14.791.230	16.036.141	5.041.491	45,9%
	<i>Tỷ lệ tham gia BHYT so LLLĐ</i>	<i>23,6%</i>	<i>24,2%</i>	<i>26,1%</i>	<i>27,4%</i>	<i>27,0%</i>	<i>29,3%</i>	<i>31,18%</i>	<i>31,52%</i>	<i>34,18%</i>		<i>10,5%</i>
1	Nhóm doanh nghiệp	8.584.971	9.144.415	10.108.862	10.879.775	10.833.105	10.942.133	11.809.647	12.282.219	13.528.347	4.943.376	57,6%
2	Khối HCSN, đảng, đoàn thể, LLVT	2.228.523	2.218.979	2.343.189	2.312.881	2.312.099	2.303.024	2.316.922	2.302.062	2.290.950	62.427	2,8%
3	Tổ chức nước ngoài, quốc tế	5.963	124	1.338	1.126				0	0	-5.963	-100,0%
4	Ngoài công lập, HTX, tổ chức khác	175.193	175.336	189.746	198.111	197.301	154.881	204.061	206.949	216.844	41.651	23,8%

Biểu 02
ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP



Thống kê Báo cáo số 4297/BC-BHXH ngày 15 tháng 11 năm 2024 của BHXH Việt Nam

Số TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024 so với năm 2016		
													Tăng/giảm	Tỷ lệ
A	ĐỐI TƯỢNG CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI													
1	Số người hưởng hằng tháng	Người	2.934.359	3.026.266	3.097.877	3.207.705	3.285.500	3.318.788	3.341.129	3.374.469	3.411.757	477.398	16,3%	
	Lương hưu	Người	2.301.339	2.394.542	2.470.280	2.560.810	2.642.297	2.682.821	2.711.748	2.750.974	2.792.510	491.171	21,3%	
	- NSNN	Người	757.657	731.144	704.400	685.170	659.826	631.403	598.785	572.562	543.987	(213.670)	-28,2%	
	- Quỹ BHXH	Người	1.543.682	1.663.398	1.765.880	1.875.640	1.982.471	2.051.418	2.112.963	2.178.412	2.248.523	704.841	45,7%	
	Trợ cấp mắt sức I.D, trợ cấp hằng tháng	Người	303.704	297.191	289.842	288.024	280.558	272.092	262.705	254.305	246.241	(57.463)	-18,9%	
	Trợ cấp căn bộ và, phường, thị trấn	Người	10.225	10.044	9.801	9.665	9.435	9.191	8.908	8.614	8.328	(1.897)	-18,6%	
	Trợ cấp TNLD-BNN và người phục vụ	Người	51.630	53.966	56.117	60.729	62.609	64.152	65.861	67.668	70.357	18.727	36,3%	
	Trợ cấp tuổi	Người	267.461	270.523	271.857	288.477	290.601	290.532	291.907	292.908	294.321	26.860	10,0%	
2	Số người hưởng một lần		9.022.630	10.360.058	11.132.113	12.379.496	10.562.362	7.790.947	12.240.634	10.037.496	9.436.972	414.342	4,6%	
	Bảo hiểm xã hội một lần	Người	619.716	666.955	762.386	876.477	863.490	946.193	1.023.038	1.134.405	1.137.866	518.150	83,6%	
	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Người	4.395	4.817	5.797	6.470	5.885	4.224	5.582	5.671	6.056	1.661	37,8%	
	Ôm đau	Lượt người	6.481.297	7.544.660	8.153.463	9.103.724	7.479.290	5.094.129	9.667.545	7.095.921	6.316.493	(164.804)	-2,5%	
	Thai sản	Lượt người	1.570.801	1.825.187	1.866.018	2.026.035	1.838.211	1.426.776	1.248.881	1.531.737	1.609.752	38.951	2,5%	
	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe	Lượt người	346.421	318.439	344.449	366.790	375.486	319.625	295.588	269.762	366.805	20.384	5,9%	
B	ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP		1.234.820	690.940	746.099	896.921	1.065.696	727.863	957.804	1.049.267	939.058	(295.762)	-24,0%	
1	Số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp	Người	1.234.820	690.940	746.099	896.921	1.065.696	727.863	957.804	1.049.267	939.058	(295.762)	-24,0%	
2	Số người được hỗ trợ học nghề	Người				23.429	20.506	13.060	18.635	19.767	23.238	23.238		
3	Số người được hỗ trợ đào tạo	Người						1.443	6.788					
4	Số người được hỗ trợ theo Nghị quyết 116	Người						12.909.268	361.310					
C	SỐ LƯỢT KHÁM CHỮA BỆNH	Triệu lượt người	150,0	169,8	176,5	184,1	167,6	126,5	150,4	174,0	186,2	36,2	24,1%	



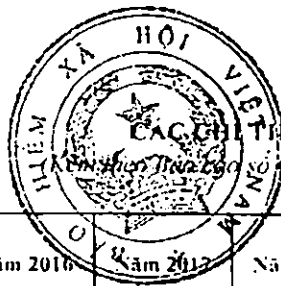
Biểu 03

CHỈ TIÊU THU CHI CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Hành động theo quyết định 4197/QĐ-BHXH ngày 25 tháng 11 năm 2024 của BHXH Việt Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024 so với năm 2016	
											Tăng/giảm	Tỷ lệ
I	TỔNG SỐ THU	289.922.863	329.762.934	377.951.415	416.313.392	440.674.196	440.227.365	477.358.175	528.687.172	580.187.145	290.264.282	100,1%
1	Chi hoạt động bộ máy của BHXH Việt Nam	256.391.248	291.556.068	331.974.457	368.084.917	393.082.248	396.636.949	434.899.046	478.438.481	526.687.145	270.295.897	105,4%
	- Tiền đóng bảo hiểm xã hội	175.611.379	196.393.093	223.083.654	248.638.977	265.687.183	269.604.824	305.902.568	329.029.348	358.126.492	182.515.113	103,9%
	- Tiền đóng bảo hiểm thất nghiệp	11.861.433	13.589.464	15.573.213	17.439.004	18.692.395	17.024.635	14.417.627	23.003.727	23.726.381	11.864.948	100,0%
	- Tiền đóng bảo hiểm y tế	68.918.436	81.573.511	93.317.590	102.006.936	108.702.670	110.007.490	114.578.851	126.405.406	144.834.272	75.915.836	110,2%
2	Tiền lãi hoạt động đầu tư quỹ	33.531.615	38.186.266	41.976.958	48.228.475	47.591.948	43.590.416	42.459.129	50.248.691	53.500.000	19.968.385	59,6%
II	TỔNG SỐ CHI	246.419.138	286.342.390	316.664.558	352.793.298	377.076.561	391.648.116	412.105.356	468.405.688	532.542.412	286.123.274	116,1%
1	Chi chế độ bảo hiểm xã hội	161.488.234	177.826.802	201.668.870	225.756.595	240.771.894	247.528.899	268.314.502	297.958.047	352.013.445	190.525.211	118,0%
	- Nguồn quỹ bảo hiểm xã hội	117.439.986	133.574.343	155.878.518	178.495.336	193.625.468	202.252.633	221.631.238	250.393.057	299.803.199	182.363.213	155,3%
	- Nguồn ngân sách nhà nước	44.048.248	44.252.459	45.790.352	47.261.259	47.146.426	45.276.266	46.683.264	47.564.990	52.210.246	8.161.998	18,5%
2	Chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp	5.744.786	7.935.153	10.100.901	12.634.726	17.149.491	46.764.935	19.710.145	22.995.416	23.638.090	17.893.304	311,5%
3	Chi chế độ bảo hiểm y tế	68.718.851	98.660.757	91.405.187	100.877.031	106.372.847	85.354.019	112.454.367	135.253.946	142.985.073	74.266.222	108,1%
4	Chi phí quản lý	10.467.267	11.919.678	13.489.600	13.524.946	12.782.329	12.000.263	11.626.342	12.198.279	13.905.804	3.438.537	32,9%
	- Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội	6.471.087	7.362.404	8.478.230	8.538.238	8.057.797	7.702.227	7.383.575	7.672.804	8.760.665	2.289.578	35,4%
	- Chi phí quản lý BH thất nghiệp	427.180	499.372	531.170	579.197	623.510	554.827	479.747	580.056	626.310	199.130	46,6%
	- Chi phí quản lý bảo hiểm y tế	3.569.000	4.057.902	4.480.200	4.407.511	4.101.022	3.743.209	3.763.020	3.945.419	4.518.829	949.829	26,6%



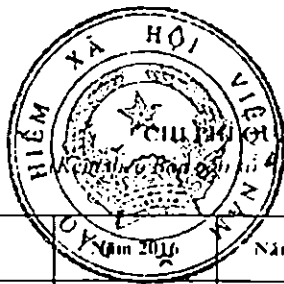
Biểu 04

CÁC CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG QUỸ

(Kèm theo Quyết định số 4297/QĐ-BHXH ngày 25 tháng 11 năm 2024 của BHXH Việt Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024 so với năm 2016	
											Tăng/giảm	Tỷ lệ
I	ĐẦU TƯ TRONG NĂM	150.200.000	189.800.000	225.515.866	197.577.873	217.321.446	246.852.887	299.417.981	366.722.989	414.500.000	264.300.000	176,0%
	Mua trái phiếu Chính phủ	55.000.000	84.300.000	129.015.866	101.077.873	111.821.446	100.352.887	130.717.981	140.222.989	150.000.000	95.000.000	172,7%
	Gửi tiền có kỳ hạn tại NHTM	90.200.000	100.500.000	93.500.000	96.500.000	105.500.000	146.500.000	168.700.000	226.500.000	264.500.000	174.300.000	193,2%
	Mua trái phiếu, CCTG NHTM	5.000.000	5.000.000	3.000.000	0	0	0	0	0	0	-5.000.000	-100,0%
II	THU HỒI GỐC TRONG NĂM	85.071.477	80.988.523	106.500.000	112.000.000	133.269.300	161.500.000	150.507.295	248.700.017	340.500.000	255.428.523	300,3%
	Mua trái phiếu Chính phủ	5.000.000	6.000.000	6.000.000	18.500.000	36.000.000	25.000.000	59.000.000	57.000.000	100.000.000	95.000.000	1900,0%
	Gửi tiền có kỳ hạn tại NHTM	76.650.000	72.200.000	100.500.000	93.500.000	96.500.000	131.500.000	86.500.000	188.700.000	240.500.000	163.850.000	213,8%
	Mua trái phiếu, CCTG NHTM	0	0	0	0	0	5.000.000	5.000.000	3.000.000	0	0	0
	Cho vay NHCS xã hội	100.000	110.000	0	0	0	0	0	0	0	-100.000	-100,0%
	Đầu tư dự án kinh tế	3.321.477	2.678.523	0	0	0	0	0	0	0	-3.321.477	-100,0%
	Cho vay NHTM (trước 2012)	0	0	0	0	769.300	0	7.295	17	0	0	0
III	SỐ DỰ ĐẦU TƯ CUỐI NĂM	500.257.823	609.069.300	728.085.166	813.663.039	897.715.185	983.068.072	1.132.293.963	1.250.316.935	1.324.316.918	824.059.095	164,7%
	Mua trái phiếu Chính phủ	419.500.000	497.800.000	620.815.866	703.393.739	779.215.185	854.568.072	926.286.053	1.009.509.042	1.059.509.042	640.009.042	152,6%
	Gửi tiền có kỳ hạn tại NHTM	72.200.000	100.500.000	93.500.000	96.500.000	105.500.000	120.500.000	202.700.000	240.500.000	264.500.000	192.300.000	266,3%
	Mua trái phiếu, CCTG NHTM	5.000.000	10.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	8.000.000	3.000.000	0	0	-5.000.000	-100,0%
	Cho vay NHCS xã hội	110.000	0	0	0	0	0	0	0	0	-110.000	-100,0%
	Đầu tư dự án kinh tế	2.678.523	0	0	0	0	0	0	0	0	-2.678.523	-100,0%
	Cho vay NHTM (trước 2012)	769.300	769.300	769.300	769.300	0	0	307.910	307.893	307.876	-461.424	-60,0%
IV	THU LÃI TRONG NĂM	33.531.615	38.186.266	41.977.582	48.229.624	47.592.738	43.276.325	42.460.180	50.249.991	53.500.000	19.968.385	59,6%
	Tiền lãi đầu tư có thời hạn	32.779.972	37.489.540	40.340.719	45.366.544	43.416.590	40.946.902	40.228.650	48.543.363	52.161.000	19.381.028	59,1%
	Tiền lãi tài khoản thanh toán và đầu tư tự động	751.643	696.726	604.607	1.657.680	1.813.756	2.329.423	2.231.430	1.706.428	1.339.000	587.357	78,1%
	Lãi tiền đóng BHXH trước 1995			1.032.256	1.205.400	2.239.776					0	
	Các khoản thu khác (năm 2022-23 lãi vay NHTM trước 2012)					122.616		100	200		0	
V	CHI PHÍ ĐẦU TƯ			624	1.149	790	1.203	1.051	1.300	0	0	
	Phi lưu ký			624	1.149	790	1.203	1.051	1.300		0	
VI	CHIẾN LỆCH THU LÃI - CHI PHÍ	33.531.615	38.186.266	41.976.958	48.228.475	47.591.948	43.590.416	42.459.129	50.248.691	53.500.000	19.968.385	59,6%
VII	SỬ DỤNG TIỀN LÃI ĐẦU TƯ	33.531.615	38.186.266	41.976.958	48.228.475	47.591.948	43.590.416	42.459.129	50.248.691	53.500.000	19.968.385	59,6%
1	Trích chi phí quản lý BHXH	6.471.087	7.362.404	8.478.230	8.568.406	8.057.797	7.796.750	7.988.379	7.672.804	8.760.665	2.289.578	35,4%
2	Trích bổ sung các quỹ	26.389.896	30.060.137	32.671.281	38.862.805	39.385.187	35.343.666	33.970.750	41.605.046	43.696.115	17.306.219	65,6%
	- Quỹ BHXH	19.967.379	23.697.712	26.408.488	32.321.342	33.413.276	30.410.123	29.477.912	36.988.313	39.307.437	19.340.058	96,9%
	- Quỹ bảo hiểm thất nghiệp	3.389.830	3.863.722	4.198.081	4.699.124	4.167.732	2.502.932	2.253.047	2.418.113	2.452.214	-937.616	-27,7%
	- Quỹ bảo hiểm y tế	3.032.687	2.498.703	2.064.712	1.842.339	1.802.179	2.430.611	2.239.791	2.198.620	1.936.464	-1.096.223	-36,1%
3	Trích lập quỹ dự phòng rủi ro	670.632	763.725	827.447	797.264	150.964	450.000	500.000	970.841	1.043.220	372.588	55,6%



Biểu 05

QUẢN LÝ BHXH, BHYT, BHTN GIAI ĐOẠN 2016-2024

997 BC-BHXH ngày 25 tháng 11 năm 2024 của BHXH Việt Nam

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
A	TỔNG CỘNG CHI PHÍ QUẢN LÝ	10.467.267	11.919.678	13.489.600	13.524.946	12.782.329	12.108.960	11.626.342	12.198.279	13.905.804
1	Chi hoạt động bộ máy của BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và các đơn vị được giao thực hiện chính sách BHTN, TNLD-BNN thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	4.148.184	4.241.106	4.548.039	4.552.527	4.558.088	4.419.070	4.358.630	4.375.208	5.143.898
1	Tiền lương, phụ cấp (bao gồm phụ cấp đặc thù) và các khoản đóng góp	2.585.876	2.791.894	2.965.554	3.353.137	3.449.201	3.426.935	3.399.227	3.415.177	4.096.604
2	Chi quản lý hành chính theo định mức	623.784	668.340	735.174	744.727	736.559	684.369	614.424	614.399	614.015
3	Các khoản chi không thường xuyên	938.524	780.872	847.311	454.663	372.328	307.766	344.979	345.632	433.279
a	Nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	15.200	16.300	19.300	8.011	13.500	17.787	9.998	11.100	12.200
b	Đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	22.500	27.166	40.005	81.134	51.808	34.088	19.007	42.489	48.532
c	Đóng niên liêm, tình giàn biên chế, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ	52.178	68.678	74.278	7.232	7.211	5.822	3.124	3.755	15.495
d	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc	554.146	442.253	275.478	177.632	152.705	99.734	140.595	123.518	181.941
đ	Sửa chữa trang thiết bị, p/ tiện, trụ sở làm việc	244.500	176.475	383.250	125.275	94.610	113.625	148.737	138.729	147.859
e	Thuế trụ sở làm việc	50.000	50.000	55.000	55.379	52.494	36.710	23.518	26.041	27.252
II	Tổ chức thu, chi, phát triển và q/ly đối tượng	3.590.583	4.657.572	5.941.561	5.672.419	5.879.280	5.855.906	6.268.625	7.016.116	7.860.031
1	Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật	350.000	350.000	350.000	390.000	360.000	343.977	384.697	450.211	433.000
2	Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	75.000	120.000	150.000	192.500	123.059	98.219	99.983	115.000	110.000
3	Cải cách thủ tục hành chính về BHXH, BHYT, BHTN	277.000	416.772	532.108	326.100	345.306	345.105	374.907	397.015	385.180
a	Xây dựng và vận hành giao dịch điện tử	252.300	400.672	466.008	275.000	301.748	302.506	344.461	352.630	341.417
b	Áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001:2015	23.700	15.000	15.000	20.000	10.513	10.223	8.063	10.354	13.051
c	Xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ BHXH, BHTN	1.000	1.100	1.100	1.100	1.169	500	1.000	1.000	1.000
d	Nhập dữ liệu người tham gia BHYT hộ gia đình			50.000	30.000	31.876	31.876	21.383	33.031	29.712
4	Công tác quản lý người tham gia, người thụ hưởng	660.812	849.287	1.466.642	990.709	832.858	846.695	732.583	912.828	890.911
a	Hỗ trợ UBND xã lập danh sách tham gia BHYT	92.404	107.654	114.972	116.529	73.816	26.660	34.844	48.242	63.025
b	Làm số BHXH, thẻ BHYT	32.478	85.690	183.332	120.104	128.698	247.301	149.000	152.000	104.000
c	Bảo quản, lưu trữ hồ sơ người tham gia, người thụ hưởng	39.326	85.229	267.785	245.361	226.551	165.714	134.564	225.296	213.290
d	Chi CC,VC đi xác minh, đối chiếu, đi giám định BHYT	300.712	334.812	360.369	386.215	396.133	399.964	405.844	478.362	501.006
đ	Rà soát, bàn giao số BHXH, cấp mã số tham gia BHXH, BHYT	195.892	235.902	540.184	122.500	7.660	7.656	8.331	8.928	9.590
5	Công tác tổ chức thu, chi trả các chế độ bảo hiểm	1.995.122	2.578.845	2.977.069	3.260.257	3.712.572	3.895.122	4.235.609	4.624.442	5.506.984
a	Chi phí thu BHXH tự nguyện, BHYT của HSSV và hộ gia đình	943.761	1.047.684	1.165.884	1.423.105	1.795.843	1.811.136	2.211.099	2.495.328	2.882.486
c	Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH	771.413	888.754	1.002.770	997.806	1.160.478	1.421.862	1.307.883	1.381.473	1.838.489
d	Chi phí chuyển tiền trả cho KBNN, NHNN	30.046	86.661	98.208	94.468	103.051	128.644	129.936	135.051	142.055
đ	In ấn, phổ tờ tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo	20.877	43.210	49.691	84.431	85.683	84.252	79.814	71.833	64.650
e	Trang phục y tế cho giám định viên BHYT	1.450	2.487	2.487	2.586	2.690	2.690	2.690	2.690	2.690
g	Phối hợp tổ chức thu, chi trả các chế độ	205.952	468.760	579.799	574.987	467.966	351.998	398.780	424.780	459.780

Số TT	Nội dung chi	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
h	Chi in thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT	21.623	41.289	78.230	82.874	96.861	94.540	105.407	113.287	116.834
6	Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát	231.849	341.868	464.942	512.021	504.620	325.923	439.981	515.755	533.091
7	Hoạt động của Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam	800	800	800	832	865	865	865	865	865
III	Chi ứng dụng CNTT	1.228.500	1.221.000	1.200.000	1.500.000	844.961	833.984	336.913	211.586	451.875
IV	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.500.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.500.000	1.000.000	662.174	595.369	450.000
B	TỶ TRỌNG CHI PHÍ QUẢN LÝ									
1	- Chi phí quản lý bộ máy	39,6%	35,6%	33,7%	33,7%	35,7%	36,5%	37,5%	35,9%	37,0%
2	- Chi phục vụ thu, chi, phát triển đối tượng	34,3%	39,1%	44,0%	41,9%	46,0%	48,4%	53,9%	57,5%	56,5%
3	- Chi ứng dụng công CNTT, đầu tư xây dựng CB	26,1%	25,3%	22,3%	24,4%	18,3%	15,1%	8,6%	6,6%	6,6%

DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN THAM GIA Ý KIẾN

STT	Bộ, ngành	Công văn	Ngày
1	Ủy ban Xã hội của Quốc hội	2123/UBXH15	21-11-2023
2	Ban Kinh tế Trung ương	5434-CV/BKTTW	7-1-2025
3	Bộ Nội vụ	302/BNV-TL	14-1-2025
4	Công TTĐT Chính phủ	106/TTĐT-DLĐT	18-2-2025
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	782/BKHĐT-LĐVX	2-3-2025
6	Bộ Tư pháp	683/BTP-PLDSKT	14-2-2025
7	Bộ Quốc phòng	137/BQP-TC	1-10-2025
8	Bộ Công an	279/BCA-H01	24-1-2025
9	Bộ Thông tin và Truyền thông	74/BTTTT-KHTC	1-10-2025
10	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	201/BHXH-TCKT	24-1-2025
11	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	52/CQLMHTXVN-CSPT	1-10-2025
12	Hội Nông dân Việt Nam	1143-CV/HNDTW	3-1-2025
13	Ủy ban trung ương MTTQ Việt Nam	408/MTTW-BTT	17-1-2025
14	Hội đồng quản lý BHXH	89/HĐQL-VP	13-1-2025
15	BHXH Hà Nội	108/BHXH-KHTC	1-9-2025
16	BHXH Đà Nẵng	32/BHXH-KHTC	8-1-2025
17	BHXH Lâm Đồng	48/BHXH-KHTC	11-1-2025
18	BHXH Đắk Lắk	49/BHXH-KHTC	9-1-2025
19	BHXH Phú Thọ	19/BHXH-KHTC	7-1-2025
20	BHXH Yên Bái	34/BHXH-KHTC	9-1-2025
21	BHXH An Giang	67/BHXH-KHTC	9-1-2025
22	BHXH Đồng Tháp	38/BHXH-KHTC	8-1-2025



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần
Hưng Đạo
Thời gian ký:
15/01/2025 12:00:46

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/BHXH-KHTC
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
cơ chế tài chính về BHXH, BHTN,
BHYT, chi tổ chức và hoạt động
BHXH, BHTN, BHYT

An Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 5186
Ngày: 15-01-2025	
Chuyên:..... <i>K.V.H.</i>	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính. Chuyên:.....*K.V.H.*.....

Thực hiện công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT. Sau khi nghiên cứu dự thảo và hồ sơ kèm theo. Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang có ý kiến góp ý như sau:

1. Thống nhất với bố cục, nội dung dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT. Nội dung dự thảo đã bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành.

- Dự thảo quy định đã giúp Bảo hiểm xã hội Việt Nam điều hành linh hoạt và nâng cao hiệu quả quản lý dòng tiền.

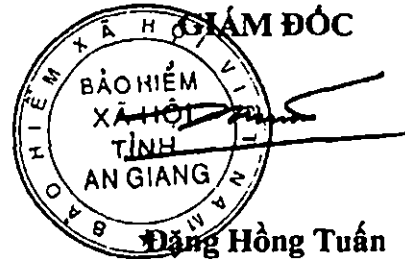
- Góp phần giúp ngành Bảo hiểm xã hội hoàn thành các chỉ tiêu thu, chi và phát triển người tham gia được giao hàng năm; tổ chức chi trả cho người hưởng đầy đủ, kịp thời, an toàn; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC) góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

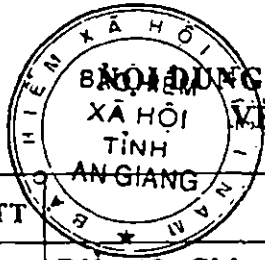
2. Đề quản lý, sử dụng và quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT phù hợp với quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Trên đây là góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT; Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang kính trình Bộ Tài chính xem xét tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH Việt Nam;
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, KHTC.





HỘI ĐỒNG THAM GIA GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỀ BHXH, BHTN, BHYT; CHI TỎ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BHXH, BHTN, BHYT

TT	Dự thảo Nghị định	BHXH tỉnh kiến nghị sửa đổi, bổ sung
1	<p>Điều 13. Chi cải cách hành chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế</p> <p>2. Chi phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.</p> <p>a) Chi cập nhật, bổ sung, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, thông tin người tham gia, người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; cập nhật, xác thực các thông tin cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác...”</p>	<p>- Điều chỉnh từ “Cơ sở” thành “Cơ sở” của điểm a khoản 2 Điều 13. Lý do: sai lỗi chính tả</p>
2	<p>Điều 18. Chuyển nguồn chi tổ chức và hoạt động</p> <p>1. Các khoản dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được cấp có thẩm quyền giao, đến cuối năm chưa thực hiện hoặc chưa được sử dụng hết, được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng gồm:</p> <p>a) Chi mua sắm trang thiết bị; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán</p>	<p>- Điều chỉnh điểm a Khoản 1 Điều 18 thành: Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, trụ sở; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán</p> <p>- Lý do đề xuất: Hạng mục sửa chữa lớn trang thiết bị, trụ sở làm việc từ nguồn tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế mặc dù đã ký hợp đồng trước ngày 31 tháng 12 nhưng vẫn chưa thực hiện kịp trong năm dự toán nên đề nghị sửa chữa trang thiết bị, trụ sở cũng được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng.</p>

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
BẢO HIỂM XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89 /HĐQL-VP

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2025

V/v phúc đáp dự thảo Nghị định quy
định cơ chế quản lý tài chính về
BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản
lý BHXH, BHTN, BHYT

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội (sau đây viết là Hội đồng quản lý) sau khi nghiên cứu văn bản số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính kèm theo Tờ trình và dự thảo Nghị định về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT (xin gọi là dự thảo Nghị định).

Kính đề nghị quý Bộ nghiên cứu, xem xét, tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định những ý kiến góp ý chưa được tiếp thu để bảo đảm tính pháp lý chặt chẽ và phù hợp với thực tiễn, khắc phục những tồn tại, hạn chế thời gian vừa qua¹ (gửi kèm theo). Ngoài ra, xin phúc đáp một số nội dung như sau:

A. VỀ TỜ TRÌNH

Kính đề nghị Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Tờ trình trên cơ sở các ý kiến phúc đáp nội dung phần B góp ý dưới đây.

B. VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

I. Về ý kiến chung

1. Dự thảo Nghị định hoàn thiện cần tính đến thời điểm ban hành và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, phân quyền và trách nhiệm khi bối cảnh đổi mới, sắp xếp bộ máy sáp nhập BHXH Việt Nam vào Bộ Tài chính và Đầu tư phát triển (hoặc Bộ Kinh tế phát triển)².

Về mặt hình thức, **Bộ Tài chính sẽ là cơ quan chủ quản** (BHXH Việt Nam là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Kinh tế - Tài chính). Điều này, dưới góc độ tài chính cũng tương đối phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật BHXH năm 2024 (**Bộ Tài chính là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý Nhà nước về tài chính BHXH, tài chính quỹ BHXH**).

- Bên cạnh đó, quý Bộ cần nhắc đến với quy định về cơ chế quản lý tài chính, chi tổ chức, chi hoạt động; các mức chi thù lao, chi trả cần tính toán cho hợp lý, phù

¹ Về Nghị quyết của Hội đồng quản lý đã ban hành: số 525/NQ-HĐQL ngày 01/3/2022 Phiên họp thường kỳ quý IV năm 2021; số 307/NQ-HĐQL ngày 09/02/2023 Phiên họp thường kỳ quý IV năm 2022; số 2456/NQ-HĐQL ngày 10/8/2023 Phiên họp thường kỳ quý II năm 2023; số 319/NQ-HĐQL ngày 02/02/2024 Phiên họp thường kỳ quý III và quý IV năm 2023; số 1726/NQ-HĐQL ngày 10/6/2024 Phiên họp thường kỳ quý I năm 2024.

Các văn bản: số 1296/HĐQL-VP ngày 05/5/2023 về việc phúc đáp văn bản số 2793/BTC-HCSN ngày 28/3/2023 của Bộ Tài chính đối với quy định cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT; số 4316/HĐQL-VP ngày 19/12/2023 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT.

² Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ.

hợp mang lại hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, chống tiêu cực, tránh độc quyền; nhất là kỷ nguyên số, tăng cường công nghệ thông tin và đẩy mạnh chi trả qua tài khoản (*đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt*) và giảm khâu trung gian ...

Quy định cần bảo đảm sau khi ban hành đáp ứng quy định về Chính phủ số; bảo đảm sử dụng nguồn lực tối ưu, tính hiện đại, minh bạch, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả về tổ chức thu, chi trả các chế độ BHXH, BHTN mang tính thực tiễn; những nội dung chi phí quản lý khi sử dụng cơ sở dữ liệu số quốc gia triển khai đồng bộ giữa cơ sở dữ liệu của cơ quan BHXH, cơ quan Thuế và Bộ Công an; khắc phục tồn tại, hạn chế, củng cố tính pháp lý sau khi mô hình hoạt động mới của cơ quan BHXH được sắp xếp lại.

- Tại dự thảo Nghị định cần nhắc sử dụng cụm từ qua “đại lý”, “ủy quyền”, mặc dù tại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định đã quy định... Tuy nhiên, cần phân định hoặc giải thích từ ngữ để phù hợp các quy định của Luật, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn liên quan đến Luật Đấu thầu; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

2. Đề nghị quý Bộ chỉnh lý *tách bạch hoạt động của Hội đồng quản lý và cơ quan BHXH Việt Nam (đặc biệt là công tác nhân sự và cơ chế tài chính)*, đảm bảo tính khách quan trong hoạt động chỉ đạo, giám sát cũng như tổ chức thực hiện tại Mục 2 chương II Luật BHXH năm 2024 về tổ chức thực hiện BHXH, bao gồm: (i) Hội đồng quản lý độc lập với cơ quan BHXH; (ii) tiếp tục khẳng định vị trí, chức năng và quyền hạn tại các quy định mới về Hội đồng quản lý.

- Đề bảo đảm tính tương quan giữa đơn vị giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giám sát cơ quan BHXH (hiện đang quy định Hội đồng quản lý phụ thuộc cơ chế tài chính của BHXH Việt Nam hay nói cách khác đơn vị chịu sự chỉ đạo, giám sát thực hiện bố trí kinh phí cho đơn vị chỉ đạo, giám sát) là chưa phù hợp.

- Về mặt pháp lý, năm 1995 căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30/9/1992, tại Điều 5 Nghị định số 19/CP ngày 16/02/1995 “**Thành lập Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam là cơ quan quản lý cao nhất của BHXH Việt Nam**”. Cùng quá trình hình thành, phát triển Luật BHXH năm 2014 (khoản 1, khoản 4 Điều 94, Điều 95 và khoản 1³, khoản 4 Điều 19 và Điều 20 Luật BHXH năm 2024); khẳng định tổ chức của Hội đồng quản lý về hoạt động, mối quan hệ là đại diện cơ quan quản lý cấp trên, gồm đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý là do đơn vị Bộ, Ngành, gồm: **Chủ tịch Hội đồng quản lý (Bộ trưởng Bộ Tài chính); các Thứ trưởng: Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Phó Chủ tịch các đơn vị khác liên quan đại diện người lao động, người sử dụng lao động ... được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Bộ Nội vụ, có nhiệm kỳ 05 năm.**

3. Đề nghị quý Bộ cần nhắc sử dụng cụm từ “**Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**” và “**Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**” trong

³ Hội đồng quản lý BHXH được tổ chức ở cấp quốc gia có trách nhiệm giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giám sát hoạt động của cơ quan BHXH và tư vấn chính sách BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

dự thảo Nghị định. Vì, theo chỉ đạo của Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được hợp nhất với Bộ Nội vụ thành Bộ Nội vụ và Lao động.

II. Về nội dung liên quan tổ chức hoạt động bộ máy của Hội đồng quản lý

1. Tại Điều 2, đề nghị *xem xét, bổ sung đối tượng là Hội đồng quản lý* và các nội dung khác có liên quan đến Hội đồng quản lý tại các khoản, điều, như: Mở tài khoản; Chuyên kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động; Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi; Hạch toán kế toán và quyết toán cho *phù hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 120 Luật BHXH năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025) và Điều 20 Luật BHXH năm 2024 quy định cơ quan BHXH chịu sự chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản lý BHXH trong tổ chức triển khai và thực thi nhiệm vụ, quyền hạn, cụ thể: Giám sát, kiểm tra việc thực hiện của cơ quan BHXH về các chiến lược, kế hoạch, đề án sau khi được phê duyệt; Thông qua dự toán hằng năm về thu, chi; chi tổ chức và hoạt động BHXH; phương án đầu tư hằng năm; chiến lược đầu tư dài hạn, ...; Quyết định và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư và phương thức đầu tư; Đề nghị Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.*

2. Khoản 8 Điều 10: đề nghị quý Bộ xem xét các quy định để bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan tổ chức thực hiện và các cơ quan có liên quan trong thực hiện BHXH. Cụ thể như sau:

- Theo điểm a: BHXH Việt Nam có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định, thông qua báo cáo quyết toán năm cho các cơ quan trực thuộc.

Nhưng, theo điểm d chưa phân công cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện việc xét duyệt, thẩm định, phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH; quy định việc quyết toán thu, chi quỹ BHXH, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp trước khi cơ quan BHXH trình Hội đồng quản lý thông qua.

- Tại điểm b, điểm c quy định: BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an Nhân dân, "Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội" gửi BHXH Việt Nam trước ngày 01 tháng 9 năm tổng hợp quyết toán.

Bên cạnh đó, tại dự thảo Nghị định quy định BHXH Việt Nam gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 01 tháng 10 năm sau nhưng lại chưa quy định thời gian BHXH Việt Nam gửi Hội đồng quản lý để làm căn cứ thực hiện thông qua. ("Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể; họp thường kỳ 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn quy định" hoặc "có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách...").

3. Về điểm c khoản 1 Điều 11, là chưa thực sự phù hợp. Vì, tại đây mới quy định cơ quan BHXH được thực hiện nội dung chi tại khoản 1 Điều 14. Trong khi, các cơ quan khác trong đó có Hội đồng quản lý cũng cần chi cho đầu tư phát triển để có cơ sở thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Vì vậy, kính đề nghị quý Bộ *bổ sung nội dung chi tại khoản 1 Điều 14 đối với Hội đồng quản lý, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau khi hợp nhất với Bộ Nội vụ thành Bộ Nội vụ và Lao động) ...*

d) **Tại Điều 16**, kính đề nghị quý Bộ tiếp thu, chính lý, bổ sung quy định cụ thể mức chi liên quan đến Hội đồng quản lý như sau:

- Tại các điểm d, h, i và k tại khoản 1 Điều 16 đối với cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau khi hợp nhất với Bộ Nội vụ thành Bộ Nội vụ và Lao động); Hội đồng quản lý, ... *Lý do*, vì đây là các hoạt động cần phải có trong việc tổ chức thực hiện chế độ BHXH, BHTN, BHYT (nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; Thuê mướn, thực hiện thuê khoán công việc hoặc hợp đồng lao động; Đào tạo, bồi dưỡng; Chế độ tiền thưởng...).

- Tại khoản 2: quy định cụ thể mức chi đối với các thành viên Hội đồng quản lý theo căn cứ mức lương cơ sở (hoặc căn cứ đóng BHXH) để thay thế mức chi tại Nghị định số 72/2017/NĐ-CP. *Lý do*, mức chi tại Nghị định số 72/2017/NĐ-CP đã lỗi thời, không còn phù hợp vì *khi ban hành theo mức lương cơ sở tại năm 2017*; đồng thời, *tại Điều khoản thi hành tuyên bố Nghị định số 72/2017/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành*. Bên cạnh đó, *đề nghị cân nhắc bổ sung mức chi đối với Tổ giúp việc Thành viên Hội đồng quản lý*.

Lý do, quy định khoản 9 Điều 11 Nghị định số 89/2020/NĐ-CP: "*các thành viên Hội đồng quản lý sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của bộ, ngành mình để giúp việc. Thành viên Hội đồng quản lý được hưởng chế độ thù lao do Chính phủ quy định*". Trong khi các cán bộ, công chức của Bộ, Ngành đó vẫn phải thực hiện đầy đủ các công việc chuyên môn của Bộ, Ngành nhưng lại không được nhận thù lao giúp việc cho các Thành viên Hội đồng quản lý.

III. Góp ý cụ thể những nội dung sau

1. **Đối với khoản 2 Điều 5:** đề nghị chỉnh lý: "**giảm**" mức tối đa là 1,1 tháng của tổng dự toán chi. *Vì mức bảo đảm thanh khoản trên tài khoản này chỉ cần quy định duy trì tỷ lệ bảo đảm an toàn trên cơ sở số chi thực tiễn.*

Với quy định mức tối đa là 1,1 tháng của tổng dự toán chi sẽ là tổng số tiền bảo đảm thanh khoản để trên tài khoản này tương ứng 2,1 tháng của tổng dự toán chi các chế độ BHXH, BHTN. Quy định này không tối ưu hiệu quả đầu tư có kỳ hạn dài hơn để đầu tư, tăng trưởng các quỹ bảo hiểm. Trong khi, khoản 1 Điều 5 đã quy định về đảm bảo thanh khoản. Thực tế cơ quan BHXH chỉ thực hiện chi trả số tiền cho các chế độ chi cao hơn các tháng khác là vào tháng đầu và cuối năm (chi 02 tháng lương hưu, trợ cấp BHXH). Cùng với đó, hằng tháng cơ quan BHXH cũng đã thực hiện thu tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN. Việc để số tiền lớn trên tài khoản thanh toán tổng hợp gây ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động đầu tư quỹ; đặc biệt, trong bối cảnh hiệu quả của hoạt động đầu tư từ các quỹ bảo hiểm qua báo cáo của BHXH Việt Nam trình Hội đồng quản lý còn tương đối hạn chế.

Bên cạnh đó, các quỹ bảo hiểm là quỹ tiền tệ độc lập, tập trung, nằm ngoài ngân sách nhà nước, nguồn hình thành chủ yếu từ sự đóng góp bằng tiền của các bên tham gia bảo hiểm *Nhằm đảm bảo hoạt động đầu tư quỹ an toàn, đi vào nền nếp, cơ cấu đầu tư quỹ bảo hiểm chuyển dịch theo hướng tăng tính an toàn, nâng cao hiệu quả* nhưng cũng cần cần tận dụng triệt để những khoản tiền tạm thời nhàn rỗi tại từng thời điểm trong năm để mang lại hiệu quả tối ưu, tránh tiêu cực.

Trong "trường hợp" nếu có những "trường hợp đặc biệt phát sinh" việc chi trả chế độ nhiều hơn so với dự kiến thì cơ quan BHXH báo cáo Bộ Tài chính, Hội đồng

quản lý để được xem xét, quyết định; Vì vậy, việc quy định mức bảo đảm thanh khoản trên tài khoản thanh toán tổng hợp với mức tối đa là 1,1 tháng của tổng dự toán chi chưa phù hợp với nội dung quy định tại khoản 7 Điều 6 tại dự thảo Nghị định.

2. Tại Điểm e khoản 2 Điều 13: Đề nâng cao hiệu quả quản lý chi phí tiết kiệm, chống lãng phí và cải cách thủ tục hành chính kính đề nghị quý Bộ xem xét đánh giá tổng thể về kết quả, hiệu quả về quy định mức chi này trên cơ sở thực tiễn thực hiện thời gian qua để tính toán lại đối với mức chi 30.000 đồng/1 người hưởng là khá cao (thực hiện mức chi này qua báo cáo quyết toán thời gian qua tương đối lớn, trong khi xu hướng người hưởng gia tăng).

Lý do, phần mềm VssID đã được khai thác mang lại hiệu quả (theo các báo cáo của BHXH Việt Nam); tiến trình chuyển đổi số đang diễn ra rất mạnh mẽ, sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; kỷ nguyên số và việc phát triển hệ thống chia sẻ thông tin quốc gia và giao dịch của người dân thông qua dịch vụ công.

3. Về Điều 17: Kính đề nghị quý Bộ xem xét về quy định quản lý và tài sản của cơ quan BHXH "*việc quản lý và sử dụng tài sản hình thành từ nguồn chi tổ chức và hoạt động BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ... được bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động BHXH Việt Nam*". Để bảo toàn và tăng trưởng quỹ BHXH, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế bền vững, cân đối trong dài hạn cần xem xét cân nhắc chính lý hoàn trả về quỹ bảo hiểm trên cơ sở quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và các văn bản liên quan.

Lý do, nguồn hình thành tại quy định nêu trên được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm (quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 90 Luật BHXH năm 2014 chuyển tiếp khoản 2 Điều 120 Luật BHXH năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025)). Theo đó, đối với quy định này chưa đáp ứng việc nâng cao quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả vốn hình thành từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư; chưa bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác quản lý, xử lý tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng ngừa sai phạm trong đầu tư dân trái khi thực hiện đầu tư không mang lại hiệu quả.

Hội đồng quản lý kính gửi quý Bộ xem xét, tổng hợp và hoàn thiện dự thảo Trình, Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT BHXH (để b/c);
- Các Thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, VPHĐQL

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
PHÓ CHỦ TỊCH CHUYÊN TRÁCH**



Nguyễn Văn Cường



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần
Hưng Đạo
Thời gian ký:
14/01/2025 18:14:38

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 49 /BHXH-KHTC

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 4108.....
Ngày:	14-01-2025
Chuyên:	Vu...HCU.....
Số và ký hiệu HS:.....	

Thực hiện Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk tham gia một số ý kiến sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 12

- Theo dự thảo: “2. Chi tọa đàm, đối thoại, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trực tiếp và trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi tổ chức hội nghị tri ân, biểu dương...”

- Đề nghị sửa lại: “2. Chi tọa đàm, đối thoại, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trực tiếp và trên các phương tiện thông tin đại chúng, về giải pháp thực hiện chương trình, đề án, kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức hội nghị tri ân, biểu dương...”

- Lý do: Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế là tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; đổi mới nội dung, phương pháp truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu rõ sự cần thiết, vai trò, lợi ích, ý nghĩa của chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp tới người dân về các lợi ích khi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế để người dân biết, tích cực tham gia, nhằm đảm bảo an sinh xã hội lâu dài, bền vững.

2. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 13

- Theo dự thảo: “a) Chi cập nhật, bổ sung, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, thông tin người tham gia, người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; cập nhật, xác thực các thông tin cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác...”

- Đề nghị sửa lại: “a) Chi cập nhật, bổ sung, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, thông tin người tham gia, người hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; cập nhật, xác thực các thông tin cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác...”

- Lý do: Sai lỗi chính tả.

3. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 13

- Theo dự thảo: “c) Chi chế độ công tác phí, làm việc ban đêm, làm thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác phát triển người tham gia, quản lý người hưởng cho công chức, viên chức, người lao động. Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.”

- Đề nghị sửa lại: “c) Chi chế độ công tác phí, làm việc ban đêm, làm thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác phát triển người tham gia, **quản lý người tham gia, người thụ hưởng** cho công chức, viên chức, người lao động. Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.”

- Lý do: Công chức, viên chức, người lao động đến đơn vị sử dụng lao động để quản lý người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế không thuộc trường hợp khoán kinh phí tự túc phương tiện thì được thanh toán chế độ công tác phí.

4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 18

- Theo dự thảo: “a) Chi mua sắm trang thiết bị; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán;”

- Đề nghị sửa lại: “a) Chi mua sắm, **sửa chữa trang thiết bị, trụ sở**; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán;”

- Lý do: Một số hạng mục sửa chữa lớn trang thiết bị, trụ sở làm việc từ nguồn tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế mặc dù đã ký hợp đồng trước ngày 31 tháng 12 nhưng vẫn chưa thực hiện kịp trong năm dự toán nên đề nghị sửa chữa trang thiết bị, trụ sở cũng được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

5. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 20

- Theo dự thảo: “a) Chi bổ sung thu nhập gắn với hệ số lương, kết quả xếp loại của công chức, viên chức, người lao động trong năm và mức lương cơ sở (đảm bảo mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm

không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm di điều chỉnh hệ số lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc)). Việc chi bổ sung thu nhập theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.”

- Đề nghị sửa lại: “a) Chi bổ sung thu nhập gắn với hệ số lương, kết quả xếp loại của công chức, viên chức, người lao động trong năm và mức lương cơ sở. Việc chi bổ sung thu nhập theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.”

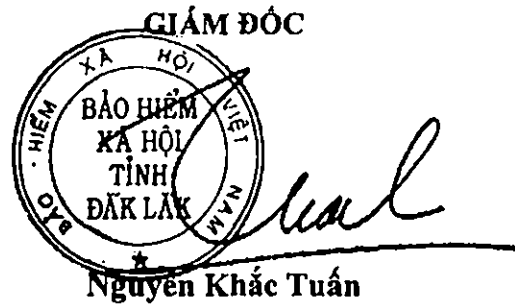
- Lý do: Để thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện vi hàng năm mức lương cơ sở có thể thay đổi theo quy định của Nhà nước; ngoài ra Bảo hiểm xã hội Việt Nam cũng đã kịp thời hướng dẫn thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo tuân thủ các Nghị quyết của Quốc hội về lương và thu nhập tăng thêm.

Trên đây là ý kiến tham gia dự thảo của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ TCKT BHXH Việt Nam;
- Các Phó Giám đốc BHXH tỉnh;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khắc Tuấn

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38 / BHXH-KHTC

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định thay thế quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện theo Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định thay thế quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định Quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Bảo hiểm xã hội tinh thống nhất với nội dung dự thảo.

Kính trình Bộ tài chính xem tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH Việt Nam (b/c);
- GD, các PGD BHXH Tỉnh;
- Phòng: Lãnh đạo các phòng NV;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Nguyễn Phương Oanh

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 204 /BHXH-TCKT
V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định cơ chế tài chính

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT. Sau khi nghiên cứu, về cơ bản BHXH Việt Nam nhất trí với nội dung dự thảo và tham gia một số ý kiến như sau:

1. Tại điểm b khoản 1 Điều 8 (trang 8) dự thảo Nghị định

a) Đề nghị sửa đổi như sau: “*Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng dự toán chi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế... trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua, trước ngày 20 30 tháng 7 hằng năm, gửi Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 hằng năm...*”

Lý do: Đề BHXH các cấp có đủ thời gian để tổng hợp, rà soát số dự toán thu, chi các chế độ, đảm bảo số liệu khi xây dựng được tính đủ quỹ, đề nghị điều chỉnh thời gian BHXH Việt Nam trình Hội đồng quản lý từ “trước ngày 20 tháng 7 hằng năm” thành “trước ngày 30 tháng 7 hằng năm”.

b) Đề nghị bổ sung cụ thể thời gian Hội đồng quản lý BHXH hoàn thành việc thông qua dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT hằng năm.

Lý do: Đề phân định rõ trách nhiệm của từng cấp có thẩm quyền.

2. Tại khoản 4 Điều 9 (trang 10) dự thảo Nghị định

Đề nghị sửa đổi như sau: “*Tiền xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội và điểm a khoản 3 2, điểm a khoản 4 3 Điều 49 Luật Bảo hiểm y tế (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 51/2024/QH15)*”.

3. Tại điểm a khoản 2 Điều 11 (trang 13) dự thảo Nghị định

Để đảm bảo hoạt động của Ngành, đề nghị bổ sung như sau:

“a) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất). *Trường hợp tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất) trong các tháng đầu năm chưa đủ để đảm bảo nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện tạm ứng từ quỹ hưu trí, tử tuất*”.

4. Tại khoản 5 Điều 15 (trang 18) dự thảo Nghị định

Đề nghị sửa đổi như sau: “Chi phí thu BHXH tự nguyện, thu BHYT của người tham gia theo hộ gia đình... và các đối tượng tự đóng khác (gồm: chi thù lao của tổ chức dịch vụ thu, cơ sở giáo dục; chi đào tạo bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra tổ chức dịch vụ thu, cơ sở giáo dục;...”

5. Tại khoản 1 Điều 16 (trang 21) dự thảo Nghị định

Đề nghị chuyển nội dung chi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tại điểm 1 khoản 1 Điều 16 thành một điểm tại Điều 15 “Chi tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế”.

Lý do: Các nội dung chi thanh tra, kiểm tra hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH đã bố trí trong chi quản lý hành chính. Các nội dung chi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tại điểm 1 Điều 16 để đảm bảo việc thu, chi trả BHXH, BHYT, BHYT theo quy định.

6. Tại khoản 2 Điều 20 (trang 24) dự thảo Nghị định

Đề nghị bỏ nội dung: “(đảm bảo mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hàng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm đi điều chỉnh hệ số lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc))”.

Lý do: Quy định về việc đảm bảo tiền lương và thu nhập tăng thêm hàng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 tại Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XV chỉ áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bãi bỏ cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù.

7. Nội dung khác

Đề nghị sửa đổi bổ sung tên gọi, các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị được quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Trên đây là ý kiến tham gia của BHXH Việt Nam, kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT *bl*

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hùng Sơn



Ký bởi: Văn phòng Bộ
 Cơ quan: 28 Trần
 Hưng Đạo
 Thời gian ký:
 13/01/2025 18:33:30

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
 BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 32 /BHXH-KHTC

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy
 định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN,
 BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH,
 BHTN, BHYT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 01 năm 2025

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 004315
Ngày:	13-01-2025
Chuyên:	Nu...HCSN.....
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài Chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT.

Sau khi nghiên cứu, BHXH thành phố Đà Nẵng thống nhất với các nội dung tại dự thảo Nghị định.

BHXH thành phố Đà Nẵng kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH Việt Nam (Vụ TCKT);
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trí Đại

Số: 74 /BT/TTT-KHTC

V/v ý kiến đối với dự thảo Nghị định
quy định cơ chế tài chính về BHXH,
BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động
BHXH, BHTN, BHYT

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT. Sau khi nghiên cứu, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất với các nội dung tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định.

2. Một số nội dung góp ý cụ thể:

2.1. Tại tiết g, điểm 2.10, khoản 2, Mục V của dự thảo Tờ trình Chính phủ, đề nghị thuyết minh làm rõ cơ sở để xác định mức chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp là 0,54% trích từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

2.2. Tại Chương II của dự thảo Nghị định xem xét bổ sung các quy định sau:

- Quy định công tác lập kế hoạch tài chính cho các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

- Quy định phương án xử lý thiếu hụt tạm thời các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

2.3. Tại khoản 4, Điều 6, Chương II của dự thảo Nghị định về chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động trong trường hợp chưa được giao dự toán.

- Tại điểm a: Đang dẫn chiếu quy định theo nội dung điểm a, khoản 3, Điều 3 (trường hợp đã được giao dự toán), đề nghị xem xét lại đối với nội dung này.

- Tại điểm b: Đề nghị xem xét quy định rõ mức chuyển kinh phí chi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

2.4. Tại khoản 1, Điều 20, Chương III của dự thảo Nghị định về sử dụng kinh phí tiết kiệm xem xét sửa thành để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 điều này, cụ thể: *“Trích tối thiểu 5% để lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho công chức, viên chức, người lao động”*.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với dự thảo Nghị định. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương (để b/c);
- Vụ trưởng Vụ KHTC (để b/c)
- Lưu: VT, KHTC

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



[Handwritten signature]
Đinh Thị Linh Hương



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần
Hưng Đạo
Thời gian ký:
14/01/2025 18:14:39

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 108 /BHXH-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định cơ chế tài chính
BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động
BHXH, BHTN, BHYT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2025

ĐẾN SỐ 4113
Ngày 13-01-2025
Chuyên: VT, HCSN
Số và ký hiệu HS.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bảo hiểm xã hội (BHXH) thành phố Hà Nội đã tham gia góp ý tại Công văn số 6233/BHXH-KHTC ngày 17/11/2023.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính soạn thảo kèm theo Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 gửi BHXH thành phố Hà Nội, BHXH Thành phố nhất trí với dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

BHXH thành phố Hà Nội trân trọng báo cáo./...✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH Việt Nam (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC (3b)✓



GIÁM ĐỐC

*** Phan Văn Mên**

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 683/BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế,
chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (sau đây gọi là dự thảo Nghị định), theo thông tin được cung cấp và chức năng, nhiệm vụ, Bộ Tư pháp có ý kiến sơ bộ như sau:

1. Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật Việc làm năm 2013, Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và 2024), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, ngày 29/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Khoản 5 Điều 120 (về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội và khoản 1 Điều 137) (về trách nhiệm của Bộ Tài chính) Luật này quy định: “*Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này*”; Bộ Tài chính “*Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội; quy định về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 120 của Luật này*”. Đồng thời, ngày 27/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 51/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 (trừ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3). Khoản 27 Điều 1 Luật này quy định: “*Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế*” (khoản 5 Điều 35 Luật Bảo hiểm y tế). Bên cạnh đó, ngày 27/7/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành ban hành Quyết định số 717/QĐ-TT về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết

được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7. Tại mục 10 (STT104) Phụ lục kèm theo Quyết định số 717/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phân công Bộ Tài chính xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội (gồm: khoản 5 Điều 120, khoản 1 Điều 137). Với các lý do nêu trên, việc Bộ Tài chính xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (trong phạm vi Luật giao và đúng Quyết định số 717/QĐ-TTg) là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

2. Về nội dung dự thảo Nghị định

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các Bộ, ngành, chuyên gia, người làm thực tiễn và đối tượng bị tác động rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định, đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi và quy định chi tiết đúng, đầy đủ, phù hợp với Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, Luật Việc làm năm 2013, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và 2024), trong đó cần nhắc thêm một số vấn đề sau:

2.1. Dự thảo Nghị định có phạm vi điều chỉnh về: (i) cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; (ii) chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Do đó, hầu hết các điều khoản của dự thảo Nghị định đều có liên quan trực tiếp đến trách nhiệm của các bộ, ngành như: Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam (các Điều: 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 14, 15, 16, 17, 19, 20...). Tuy nhiên, thực hiện chủ trương, yêu cầu “ *tinh gọn bộ máy*” theo tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 56-NQ/TW ngày 25/11/2024 của Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ theo Văn bản số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 và các Kết luận cuộc họp của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 18 của Chính phủ, theo đó, tại mục II.2.2.(b) Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 đưa ra định hướng cơ cấu, sắp xếp và hợp nhất 14 bộ, cơ quan ngang Bộ, trong đó: hợp nhất Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính; hợp nhất Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ ... Đồng thời, tại mục II.2.2.(7) Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 chỉ đạo cơ cấu Bảo hiểm xã hội Việt Nam vào Bộ Tài chính, dự kiến tổ chức Bảo hiểm xã hội theo khu vực. Việc sắp xếp, tổ chức lại các Bộ sẽ có ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị. Theo đó, việc thực hiện cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất

ng nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cũng sẽ có nhiều biến động, thay đổi phù hợp với việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy. Trong khi đó, dự thảo Nghị định vẫn còn quy định về các Bộ, ngành này và ít nhất chưa có quy định xử lý (trong điều khoản thi hành) trường hợp hợp nhất Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ, cơ cấu Bảo hiểm xã hội Việt Nam vào Bộ Tài chính (không chỉ về tên gọi mà cả trình tự, thủ tục và thẩm quyền sau hợp nhất) để đảm bảo sự vận hành thông suốt sau khi thực hiện tinh gọn bộ máy. Vì vậy, để phù hợp với chi đạo của Đảng, Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành nêu trên hoặc có quy định chuyển tiếp phù hợp (hoặc giải trình rõ trong Tờ trình Chính phủ).

2.2. Để đảm bảo tính khả thi, tránh trùng lặp về nội dung chi và phù hợp với Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật Bảo hiểm y tế, Luật An toàn, vệ sinh lao động, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ lý do, căn cứ cụ thể để đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung chi, mức chi so với nội dung chi, mức chi quy định tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg); đánh giá, dự kiến nguồn kinh phí phát sinh khi sửa đổi, bổ sung các nội dung chi nêu trên. Đồng thời, để thuận tiện cho việc rà soát, theo dõi và có căn cứ, cơ sở để trình Chính phủ xem xét, quyết định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, lập bảng so sánh về các nội dung chi, mức chi theo Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg) và nội dung chi, mức chi theo dự thảo Nghị định, căn cứ, cơ sở pháp lý đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung chi và nguồn kinh phí phát sinh (tăng hoặc giảm) khi thực hiện. Ví dụ:

a) Khoản 2 Điều 5 dự thảo Quyết định quy định: “*Ngoài việc bảo đảm số dư theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm thanh khoản với mức tối đa là 1,1 tháng theo tổng dự toán chi các chế độ bảo hiểm xã hội*”. Đây là nội dung đã quy định tại dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Quyết định này. Theo đó, tại Báo cáo thẩm định số 121/BCTĐ-BTP ngày 11/7/2023, Bộ Tư pháp có nêu: “*Đây là vấn đề tài chính, kỹ thuật không thuộc trách nhiệm thẩm định của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, theo ý kiến của một số thành viên tham gia Hội đồng thẩm định¹ và ý kiến của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Công văn số 0679/LĐTM-SDLĐ ngày 20/4/2023, việc quy định mức tối đa bảo đảm thanh khoản là 1,1 tháng nêu trên có thể chưa*

¹ Ý kiến của đại diện Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

hợp lý vì trên thực tế không phải tất cả các tháng trong năm đều phát sinh nhu cầu chi như nhau. Do đó, để đảm bảo tính hợp lý, hiệu quả trong quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ hơn căn cứ, cơ sở quy định mức bảo đảm thanh khoản nêu trên". Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định này, cơ quan chủ trì soạn thảo vẫn giữ nguyên quy định về việc bảo đảm thanh khoản với mức tối đa là 1,1 tháng theo tổng dự toán chi các chế độ bảo hiểm xã hội. Để đảm bảo tính khả thi, hợp lý, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, giải trình rõ hơn ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp đã nêu tại Báo cáo thẩm định số 121/BCTĐ-BTP.

b) Điểm đ, điểm c khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định: *(i) chi điều tra, thống kê đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc tham gia chưa đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội; (ii) chi cho Tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân (gồm: chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thù lao cho người xác minh). Mức chi 30.000 đồng/người hưởng. Đây là các nội dung chi mới được bổ sung, chưa có tại Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ, cơ sở của việc bổ sung các nội dung chi và mức chi nêu trên.*

2.3. Liên quan đến cơ chế tài chính đặc thù của các cơ quan, Quốc hội có Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, trong đó quy định: *"Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024: Bãi bỏ tất cả các cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước; áp dụng chế độ tiền lương, phụ cấp, thu nhập thống nhất. Không tiếp tục áp dụng cơ chế đặc thù hiện hành đối với phần kinh phí thường xuyên theo cơ chế quản lý tài chính đặc thù (chi hoạt động, tăng cường năng lực, hiện đại hóa, đảm bảo hoạt động chuyên môn,...) của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước. Giao Chính phủ tổ chức thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 8"* (điểm b khoản 2 Điều 3). Đồng thời, trên cơ sở Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024 về kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, trong đó quy định: *"Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương, Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát toàn bộ khung khổ pháp lý để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị đang được thực hiện cho phù hợp trước ngày 31/12/2024 ..."*. Theo chỉ đạo, hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng, báo cáo cấp thẩm quyền về cơ chế tài chính thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung trên, đảm bảo

thống nhất, phù hợp; thực hiện đúng các Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc hội.

2.4. Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát dự thảo Nghị định, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật và Thông báo số 108/TB-VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật; (iii) Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 (về “có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp” và “đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực”- điểm 3.1 Điều 3); (iv) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3); và (v) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

3. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc xin ý kiến đối với đối tượng chịu tác động; bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức, cá nhân có liên quan; chuyên gia, nhà khoa học và người làm thực tiễn... theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cơ quan chủ trì soạn thảo; từ đó tiếp thu, giải trình đầy đủ, hợp lý các ý kiến tham gia để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định, đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, khách quan, hợp lý, khả thi (và chịu trách nhiệm về vấn đề này).

3.2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo, bảo đảm quy định thống nhất, hợp lý và tuân thủ thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Chương V (thể thức và

kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ).

3.3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện thành phần hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó, cơ quan chủ trì soạn thảo chú ý hoàn thiện dự thảo Nghị định (theo Mẫu số 28 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Tờ trình (theo Mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 59/2024/NĐ-CP); Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định (theo Mẫu số 13 Phụ lục I Nghị định số 59/2024/NĐ-CP); Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (theo Mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 59/2024/NĐ-CP); Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân (theo Mẫu số 14 Phụ lục I Nghị định số 59/2024/NĐ-CP); Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo (theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật); Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 59/2024/NĐ-CP, nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)...; đảm bảo đúng và đầy đủ cả về thành phần, nội dung và hình thức các tài liệu (theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) trong hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với các dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, xin gửi Bộ Tài chính để tham khảo, thực hiện đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Thanh Tịnh (để b/c);
- PVT. Cao Đăng Vinh (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (LĐAS&TH (Lam).

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ**

Nguyễn Thanh Tú

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 782 /BKHĐT-LĐVX

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp văn bản số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung

Đề nghị: (1) Cập nhật, rà soát, điều chỉnh nội dung của dự thảo Nghị định để phù hợp với việc triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ hiện nay (theo đó, hợp nhất Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH với Bộ Nội vụ; cơ cấu BHXH Việt Nam là một đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài chính; sắp xếp, tổ chức lại BHXH Việt Nam...); (2) Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý BHXH (hiện nay là Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội) để đảm bảo quy định về nội dung chi hoạt động của Hội đồng quản lý BHXH (tại khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định) phù hợp và thống nhất giữa 02 Nghị định.

2. Ý kiến cụ thể

(1) Về thời hạn giao dự toán cho các đơn vị (15 ngày làm việc) quy định tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định, đề nghị tham khảo thời hạn giao dự toán ngân sách tương ứng tại khoản 7 Điều 44 (chậm nhất 05 ngày làm việc) và khoản 2 Điều 50 của Luật Ngân sách nhà nước (chậm nhất 10 ngày làm việc đối với trường hợp giao bổ sung dự toán) để quy định cho phù hợp.

(2) Về quy định chi phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ BHXH, BHYT, BHTN tại khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung trong dự thảo Tờ trình làm rõ về quy định chi cho Tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền thực hiện xác minh thông tin đủ điều kiện hưởng chế độ BHXH qua tài khoản cá nhân, với mức chi 30.000 đồng/người hưởng (điểm e).

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Luật BHXH: “Định kỳ hằng năm, người thụ hưởng chế độ BHXH qua tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan BHXH hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền để thực hiện việc xác minh thông tin đủ điều kiện thụ hưởng chế

độ BHXH". Như vậy, trách nhiệm xác minh thông tin là của người thụ hưởng chế độ BHXH, do đó, việc cơ quan BHXH chỉ để xác minh thông tin là chưa có căn cứ, chưa phù hợp với Luật BHXH.

(3) Về quy định chi cho tổ chức thu, chi BHXH, BHTN, BHYT tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 15 dự thảo Nghị định, đề nghị:

(i) Rà soát quy định liên quan đến việc lựa chọn tổ chức dịch vụ thu, chi BHXH, BHTN, BHYT và tổ chức ký hợp đồng ủy quyền với tổ chức dịch vụ thu, chi BHXH, BHTN, BHYT để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu. Vì theo quy định của Luật Đấu thầu (khoản 1 Điều 2), Luật Đấu thầu áp dụng đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu có sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để cung cấp dịch vụ công. Theo quy định tại Điều 120 Luật BHXH, chi tổ chức và hoạt động BHXH (bao gồm chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức thu, chi trả BHXH) được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ BHXH. Do đó, trường hợp tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ BHXH là nguồn thu hợp pháp, dịch vụ thu, chi trả BHXH là dịch vụ công. (Về vấn đề này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến tại các văn bản số 5041/BKHĐT-QLĐT ngày 30/6/2023, số 1682/BKHĐT-QLĐT ngày 08/3/2024 và số 2814/BKHĐT-QLĐT ngày 15/4/2024 gửi BHXH Việt Nam).

(ii) Bổ sung giải thích trong dự thảo Tờ trình về căn cứ quy định các mức chi phí tính theo tỷ lệ %, so sánh với mức hiện hành; đồng thời, đối với chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, xem xét quy định mức tối đa thay cho mức tuyệt đối như trong dự thảo Nghị định (bằng 0,54% số tiền chi trả).

(4) Về quy định sử dụng kinh phí tiết kiệm tại Điều 20 dự thảo Nghị định:

(i) Tại điểm a khoản 2 có đề cập đến nội dung quy định tại mục 6.2.c Nghị quyết số 142/2024/QH15 về Kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa XV liên quan đến các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương chỉ mang tính chất giai đoạn nhất định (khi chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù), có thể được thay đổi khi có quyết định của cấp có thẩm quyền; do đó, việc quy định chi bổ sung thu nhập như tại điểm a khoản 2 có thể không còn phù hợp khi có chính sách mới; đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp.

(ii) Đề nghị xem lại sự phù hợp của một số quy định chi bổ sung thu nhập như sau:

- Chi khuyến khích cho các tập thể, đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động quản lý quy định tại điểm b khoản 2, do có khả năng trùng với quy định về thưởng cho tập thể, cá nhân theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp quy định tại điểm a khoản 3;

- Chi ổn định thu nhập cho công chức, viên chức, người lao động chuẩn bị nghỉ hưởng chế độ hưu trí hoặc trong thời gian sinh con tại điểm d khoản 2, do chưa rõ (chuẩn bị nghỉ hưởng chế độ hưu trí là vẫn làm việc hay đã nghỉ làm việc)

và có khả năng trùng với các chế độ, chính sách khác (lao động nữ nghỉ thai sản thì được hưởng trợ cấp thai sản).

(iii) Cần nhắc việc quy định về nội dung chi bổ sung thu nhập trong dự thảo Nghị định chi tiết hơn so với quy định hiện hành về quản lý tài chính và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN (tại các Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 và số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ) trong khi đã có quy định Thủ trưởng đơn vị xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ như tại khoản 2 Điều 19 và khoản 5 Điều 20 của dự thảo Nghị định.

(5) Trong dự thảo Nghị định, bên cạnh cụm từ “tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền” còn sử dụng các cụm từ như “tổ chức làm đại lý chi trả”, “đại lý thu”, “đại lý chi trả”. Tuy nhiên, trong Luật BHXH chỉ có cụm từ “tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền”. Do đó, đề nghị cần bổ sung giải thích về các tổ chức làm đại lý thu, chi trả được sử dụng trong dự thảo Nghị định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Quý Bộ đề tổng hợp. *Hy*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLĐT; Vụ TCTT;
- Lưu: VT, LĐVX, N()-02.



Nguyễn Thị Bích Ngọc



Ký bởi: Văn phòng Bộ
 Cơ quan: 28 Trần
 Hưng Đạo
 Thời gian ký:
 10/01/2025 14:51:38

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH PHÚ THỌ

Số: 19 /BHXH-KHTC

Về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 07 tháng 01 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 003613
Ngày: 10-01-2025	
Chuyên: Nv. HCSN	
Số và ký hiệu HS:	

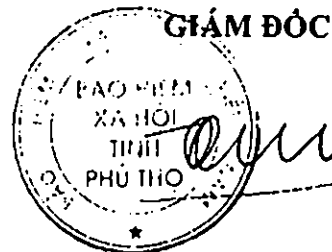
Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính soạn thảo gửi kèm theo Công văn số 13903/BTC-HCSN, Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ hoàn toàn nhất trí với nội dung bản dự thảo Nghị định.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ trân trọng báo cáo để Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH VN (b/c);
- Ban Giám đốc;
- VP, các Phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT, KHTC.



Trần Xuân Long

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG THÔNG TIN CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ.....	014492
Ngày: 19-07-2025	
Chuyển.....	Nhà.....HC&N.....
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Sau 60 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do quý cơ quan chủ trì soạn thảo. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: Vụ KTTH, PL;
- TGD;
- Lưu: VT, DLĐT. PH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sâm

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 302 /BNV-TL

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định cơ chế tài chính về
BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ
chức và hoạt động BHXH,
BHTN, BHYT

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về Trình Chính phủ

Thống nhất với Bộ Tài chính xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định nhằm mục đích cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội và các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Việc làm; đổi mới cơ chế tài chính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung đầy đủ các nội dung (về thủ tục hành chính, bình đẳng giới, nguồn lực tài chính, nhân lực sau khi Nghị định được thông qua...) theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); đồng thời rà soát các quy định bảo đảm không phát sinh thủ tục hành chính gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, doanh nghiệp.

2. Về nội dung dự thảo Nghị định

a) Hiện nay Luật Việc làm đang được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung và đã được Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8, đề nghị bám sát tinh thần nội dung dự thảo Luật để hoàn thiện các nội dung liên quan (nếu có); đồng thời để đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn sau khi được ban hành, đề nghị lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động của văn bản, chuyên gia, người làm thực tiễn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện dự thảo Nghị định.

b) Tại khoản 2 Điều 20 dự thảo Nghị định:

Tại tiết c điểm 6.2 khoản 6 Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội quy định: Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương, Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát toàn bộ khung khổ pháp lý để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù của

các cơ quan, đơn vị đang được thực hiện cho phù hợp trước ngày 31/12/2024; thực hiện bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6/2024 của cán bộ, công chức, viên chức với tiền lương từ ngày 01/7/2024 sau khi sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Đồng thời, tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã quy định cụ thể việc bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6/2024 của cán bộ, công chức, viên chức với tiền lương từ ngày 01/7/2024 sau khi sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Theo đó, đề nghị làm rõ quy định về sử dụng số kinh phí tiết kiệm để trích lập chi bổ sung thu nhập theo cơ chế đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động tại dự thảo Nghị định.

c) Tại khoản 3 Điều 20 dự thảo Nghị định:

Tại điểm k khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định đã quy định nội dung chi tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP. Theo đó, đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi thưởng định kỳ, đột xuất cho cá nhân trong đơn vị ngoài quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP nêu trên.

d) Căn cứ Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, đề nghị Bộ Tài chính rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan để hoàn chỉnh các nội dung về cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho phù hợp, bảo đảm quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm và Luật Bảo hiểm y tế.

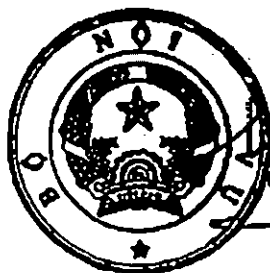
3. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành

Đề nghị rà soát các quy định bảo đảm Nghị định sau khi được ban hành không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Cao Huy;
- Lưu: Vụ TL.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Huy

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *137* /BQP-TC

Hà Nội, ngày *10* tháng *01* năm *2025*

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ: <i>3702</i>	
Ngày: <i>14-01-2025</i>	
Chuyên: <i>Vụ HCSN</i>	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Quốc phòng nhận được Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT. Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Tại Điều 6, đề nghị:

a) Chính lý, bổ sung và viết lại khổ 2 điểm a khoản 3 như sau:

"Đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng chuyển định kỳ hằng quý trước ngày 25 của tháng cuối quý trước. Kinh phí chuyển bằng bình quân dự toán quý được giao. Trường hợp mức chi trong quý thay đổi, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng có văn bản gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để cấp kinh phí chi trả chế độ kịp thời. Sau khi thẩm định quyết toán năm với các đơn vị trực thuộc, kinh phí còn dư, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng chuyển trả về Bảo hiểm xã hội Việt Nam".

Lý do: Việc dự thảo quy định thời điểm chuyển trả kinh phí còn dư trước ngày 10 tháng 02 năm sau là chưa phù hợp; tại thời điểm này, BHXH Bộ Quốc phòng chưa xét duyệt, thẩm định xong quyết toán năm cho các đơn vị trong Bộ Quốc phòng nên chưa xác định được kinh phí còn dư của năm.

b) Chính lý, bổ sung và viết lại điểm c khoản 3 như sau:

"Chuyển kinh phí chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (không bao gồm các khoản chi quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này) cho các đơn vị hằng tháng và bằng bình quân một tháng của dự toán được giao hằng năm trước ngày 10 hằng tháng. Đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng chuyển định kỳ hằng quý trước ngày 25 của tháng cuối quý trước. Kinh phí chuyển bằng bình quân dự toán quý được giao".

c) Bổ sung thêm điểm d khoản 4:

"d) Kinh phí cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng bằng bình quân dự toán một quý của chi chế độ bảo hiểm xã hội, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm trước liền kề".

Lý do: Việc dự thảo quy định chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động cho BHXH Bộ Quốc phòng định kỳ hằng tháng là chưa phù hợp với thực tiễn, đặc thù của Bộ Quốc phòng. Do, cơ quan BHXH chuyên trách chi tổ

chức ở 01 cấp trực thuộc Bộ; kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động đến được với đối tượng, đơn vị thụ hưởng phải qua 04 cấp quản lý dự toán; do vậy sẽ không bảo đảm kịp thời và không đủ kinh phí chi trả trong tháng cho đơn vị dự toán cấp 4 (cấp trực tiếp chi tiêu).

2. Tại điểm c khoản 1 Điều 8, đề nghị chỉnh lý thời điểm giao dự toán thu, chi cho BHXH Việt Nam, Bộ Quốc phòng,... thành "*trước ngày 20 tháng 11 hằng năm*".

Lý do: Để thống nhất, đồng bộ với thời điểm giao dự toán ngân sách nhà nước cho các bộ, ngành, địa phương theo quy định tại khoản 5, Điều 44 Luật ngân sách nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện xong việc giao dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT cho các đơn vị cùng với thời điểm giao dự toán ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 50 Luật ngân sách nhà nước (trước ngày 31/12).

3. Tại khoản 3 khoản 1 Điều 9, đề nghị chỉnh lý lại như sau:

Hằng quý, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng thực hiện chuyển về Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho quỹ dự phòng và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế.

Lý do: Để đảm bảo đúng quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHYT số 51/2024/QH15.

4. Tại điểm b khoản 8 Điều 10, đề nghị chỉnh lý lại như sau:

"b) Hằng năm, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm cho các đơn vị trực thuộc; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để ~~thẩm định~~ ^{lưu trữ hồ sơ}."

Lý do: Để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của các Bộ, ngành trong quản lý thu, chi BHXH, BHTN, BHYT; phù hợp với thực tiễn thực hiện công tác xét duyệt quyết toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT của Bộ Quốc phòng với các đơn vị trực thuộc hiện nay.

5. Tại khoản 2, đề nghị bỏ cụm từ "*Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng*"; đồng thời tại Điều 20, đề nghị bổ sung khoản 6 với nội dung như sau "*6. Riêng đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, toàn bộ số kinh phí tiết kiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này được chuyển sang năm sau để sử dụng, không thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này*".

Lý do:

- Hiện nay, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng không phải là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính; chi thường xuyên hoạt động bộ máy do ngân sách nhà nước chi thường xuyên của Bộ Quốc phòng bảo đảm (điểm b khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định). Do đó, việc quy định Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng sử dụng kinh phí tiết kiệm từ chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ để trích lập các quỹ và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ như đối với đơn vị sự nghiệp công lập là không phù hợp.

- Việc trích lập quỹ bổ sung thu nhập quy định tại khoản 2 Điều 20, quỹ khen thưởng, phúc lợi quy định tại khoản 3 Điều 20 dự thảo Nghị định là không phù hợp để áp dụng đối với các đối tượng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc cơ quan Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng (đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chế độ tiền lương, chế độ tiền thưởng theo quy định của pháp luật).

6. Đề nghị bổ sung vào Điều 22 nội dung sau:

"Bộ trưởng Bộ Quốc phòng căn cứ quy định tại Nghị định này hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện phù hợp với phân cấp quản lý và đặc thù hoạt động quân sự, quốc phòng của Bộ Quốc phòng".

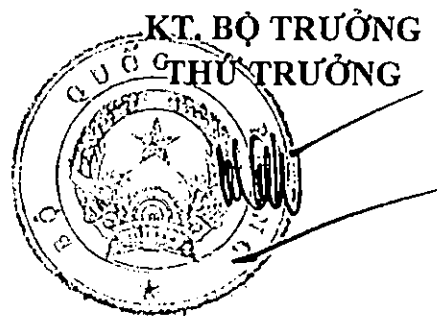
Lý do: Đề Bộ Quốc phòng có cơ sở pháp lý ban hành Thông tư hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện khi Nghị định được ban hành; trong đó, hướng dẫn cơ chế hoạt động của cơ quan BHXH Bộ Quốc phòng, cơ chế quản lý thu, chi BHXH, BHYT, BHTN, BHYT đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc cho phù hợp với đặc thù trong Bộ Quốc phòng.

7. Ngoài ra, hiện nay các Bộ, ngành đang thực hiện Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Theo định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy của Chính phủ tại Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18, các bộ, ngành: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam sẽ thay đổi về cơ cấu tổ chức, bộ máy. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì rà soát chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành để chỉnh lý dự thảo bảo đảm phù hợp với nội dung trên.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo văn bản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- C41; C79;
- Lưu: VT, THBD. MC06.



Thượng tướng Vũ Hải Sản



ỦY BAN QUẢN LÝ
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 21/11/2023 16:28:57
+07:00

QUỐC HỘI KHOÁ XV
ỦY BAN XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2123/UBXH15

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	0105034
Ngày:	21-11-2023
Chuyên:	Vụ Krom
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính,

Ủy ban Xã hội nhận được Công văn số 11986/BTC-HCSN ngày 03/11/2023 của Bộ Tài chính về việc góp ý vào dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), Thường trực Ủy ban Xã hội có một số ý kiến, cụ thể như sau:

1. Thường trực Ủy ban Xã hội thấy rằng

(1) Đây là văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ và mới chỉ là bước đầu trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định (tài liệu chỉ có dự thảo Nghị định) nên cũng không có cơ sở để có ý kiến. Đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến các văn bản quy phạm pháp luật theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm, trình tự, thủ tục, hồ sơ đã được quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(2) Ngày 08/5/2023, Thường trực Ủy ban Xã hội đã có văn bản góp ý số 1665/UBXH15 đối với dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định 38/2019/QĐ-TTg, tuy nhiên, chưa tiếp thu đầy đủ những nội dung đã góp ý (nội dung không thay đổi so với khi xin ý kiến về dự thảo Quyết định kèm theo Công văn số 2793/BTC-HCSN ngày 28/3/2023).

(3) Ngày 02/8/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2022-2024, trong đó giao Thủ tướng Chính phủ "quy định việc giao dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được trích phù hợp với quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất

nghiệp, pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan”.

(4) Chính phủ đang trình Quốc hội dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), trong đó có nội dung về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; nội dung dự thảo Nghị định này cũng là dự thảo Nghị định kèm theo trong Hồ sơ dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) và dự kiến Luật sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Trường hợp Chính phủ vẫn ban hành Nghị định này, đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm theo thẩm quyền về cơ sở pháp lý xác định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung dự thảo Nghị định này, nhất là nội dung về “*cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế*” theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Thường trực Ủy ban Xã hội đề nghị Chính phủ và Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thêm về thời điểm ban hành Nghị định, những nội dung dự kiến sẽ sửa đổi để bảo đảm tương thích và phù hợp với những nội dung sẽ sửa đổi trong dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), đồng thời nghiên cứu kỹ và tiếp thu, giải trình thấu đáo những nội dung Thường trực Ủy ban Xã hội đã góp ý tại Công văn số 1665/UBXH15 ngày 08/5/2023.

Trên đây là một số ý kiến của Thường trực Ủy ban Xã hội trân trọng gửi đến Bộ Tài chính để tổng hợp, nghiên cứu và tiếp thu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội (để b/c);
 - TT UBXH;
 - Lưu: HC, XH.
- e-Pas: 174890**

**TM. THƯỜNG TRỰC ỦY BAN
KT. CHỦ NHIỆM
CHỦ NHIỆM**



Đặng Thuận Phong

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH LÂM ĐỒNG

Số: 48 /BHXH-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN,
BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH,
BHTN, BHYT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 01 năm 2025

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN SỐ: 013033..

Ngày: 11-02-2025

Chuyên: Về HCSN.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT. Qua nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT. Tuy nhiên, BHXH tỉnh Lâm Đồng tham gia góp ý như sau:

Sửa đổi Điểm a, Khoản 1, Điều 18

- Theo dự thảo (điểm a): Chi mua sắm trang thiết bị; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán;

- Đề nghị sửa bổ sung: Chi mua sắm trang thiết bị; **sửa chữa nhà cửa, trụ sở**; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán;

Sửa đổi Điểm a, Khoản 2, Điều 20

- Theo dự thảo (điểm a): Chi bổ sung thu nhập gắn với hệ số lương, kết quả xếp loại của công chức, viên chức, người lao động trong năm và mức lương cơ sở (đảm bảo mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm đi điều chỉnh hệ số lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc)). Việc chi bổ sung thu nhập theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.

- Đề nghị sửa: Chi bổ sung thu nhập gắn với hệ số lương, kết quả xếp loại của công chức, viên chức, người lao động trong năm và mức lương cơ sở (đảm bảo mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh

hệ số lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc). Việc chi bổ sung thu nhập theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng xin tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT như trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P. KHTC

GIÁM ĐỐC



Đậu Tú Lan



Ký bởi: Văn phòng Bộ
 Cơ quan: 28 Trần
 Hưng Đạo
 Thời gian ký:
 08/02/2025 15:48:41

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 279 /BCA-H01

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: ...:10250..
Ngày: 06-02-2025	
Chuyên: .../.../HCAN.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT; Bộ Công an có ý kiến tham gia như sau:

1. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung đối tượng Hội đồng quản lý BHXH tại Điều 2 dự thảo Nghị định; đồng thời, bổ sung các nội dung quy định có liên quan đến Hội đồng quản lý BHXH tại các Điều, khoản quy định về việc: Mở tài khoản; chuyển kinh phí chi trả chế độ, chi tổ chức và hoạt động; lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi; hạch toán kế toán và quyết toán (Điều 4, Điều 6, Điều 8 và Điều 10):

Lý do: (1) Theo quy định tại Mục 2 chương II Luật BHXH năm 2024 thì tổ chức thực hiện BHXH bao gồm Hội đồng quản lý BHXH và Cơ quan BHXH; đồng thời tiếp tục khẳng định vị trí, chức năng và quyền hạn của Hội đồng quản lý BHXH được tổ chức ở cấp quốc gia có trách nhiệm giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giám sát hoạt động của cơ quan BHXH và tư vấn chính sách BHXH, BHTN, BHYT đồng thời bổ sung các quy định mới về Hội đồng quản lý. Như vậy, về mặt pháp lý thì Hội đồng quản lý BHXH là một tổ chức được thành lập độc lập. Do đó, cần tách bạch hoạt động của hai cơ quan: Hội đồng quản lý BHXH và Cơ quan BHXH (đặc biệt là công tác nhân sự và tài chính) để đảm bảo tính khách quan trong hoạt động chỉ đạo, giám sát cũng như tổ chức thực hiện; (2) Đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 120 Luật BHXH năm 2024.

2. Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc kỹ việc quy định chuyển nộp kinh phí chi chế độ BHXH còn dư cuối năm về BHXH Việt Nam đối với BHXH Công an nhân dân tại điểm a Khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định và xem xét, chỉnh lý nội dung theo hướng: Kinh phí chi chế độ BHXH còn dư cuối năm ngân sách của BHXH Công an nhân dân chưa sử dụng hết, BHXH Việt Nam trừ vào dự toán kinh phí năm sau để đảm bảo sự chủ động trong thực hiện chi chế độ cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân được kịp thời (tiếp tục thực hiện theo quy trình hiện nay):

Lý do: Các nội dung chi về chế độ, chính sách BHXH tại Công an các đơn vị, địa phương trong năm có thể phát sinh khoản chi đột xuất, thường vào đầu năm ngân sách, với nhu cầu kinh phí lớn, ngoài dự kiến đối với một số chế độ (chế độ tử tuất, ốm đau, tai nạn lao động, BHXH một lần...). Mặt khác, theo quy trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm của Bộ Công an, đến tháng 4

năm sau, Công an đơn vị, địa phương mới gửi báo cáo quyết toán tài chính (trong đó có quyết toán các nguồn kinh phí BHXH, BHYT) năm trước về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) nên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước, BHXH Công an nhân dân chưa xác định được số chính xác kinh phí còn dư để chuyển trả về BHXH Việt Nam.

3. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu điều chỉnh thời hạn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu, chi BHXH, BHYT, BHTN cho các bộ, ngành tại điểm c khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định để phù hợp với thời điểm giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đảm bảo cho các bộ, ngành kịp giao dự toán cho các đơn vị sử dụng trước ngày 31/12 năm trước (cùng thời điểm giao dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước):

Lý do, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, thì: (1) Trước ngày 20 tháng 11, Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (khoản 5 Điều 44); (2) Các đơn vị dự toán cấp 1 phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm trước (điểm a khoản 2 Điều 50). Do đó, việc quy định giao dự toán thu, chi BHXH, BHYT, BHTN trước ngày 31/12 hàng năm sẽ đảm bảo thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện thực tế, giảm kinh phí kết dư chuyển năm sau.

4. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung vào Điều 10 dự thảo Nghị định nội dung quy định về hạch toán kế toán và quyết toán về hoàn trả số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN do thu trùng, thu không đúng đối tượng:

Lý do: Quá trình thực hiện công tác BHXH, BHYT, BHTN trong thực tế có nhiều trường hợp thu trùng BHXH, BHYT, BHTN, như: một đối tượng ký hợp đồng lao động cùng thời gian với 2 đơn vị sử dụng lao động và đóng BHXH tại 2 cơ quan BHXH khác nhau; người tham gia BHYT thuộc nhiều nhóm đối tượng khác nhau và cùng được các cơ quan lập danh sách đề nghị cấp thẻ BHYT...

5. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung thêm các nội dung chi quy định tại khoản 2, 3 Điều 14 và điểm d, k, l, m khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định vào nhiệm vụ chi của BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an nhân dân tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm b khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định và chỉnh lý như sau:

“Chi thường xuyên cho lao động hợp đồng do thủ trưởng đơn vị thực hiện giao kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật và chi thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định tại Điều 12, Điều 13, khoản 2, 3 Điều 14 và điểm d, h, i, k, l, m khoản 1 Điều 16 của Nghị định này được bảo đảm từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hàng năm và được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định.”

Lý do: Để đảm bảo cho thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, tổ chức thực hiện BHXH, BHTN, BHYT trong Công an nhân dân, Bộ Công an đề xuất được

bổ sung các nội dung chi như mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ (*trang thiết bị như máy tính, máy in, máy photo, văn phòng phẩm...*); chi ứng dụng công nghệ thông tin (*triển khai nâng cấp hệ thống phần mềm BHXH, BHYT, BHTN của BHXH Công an nhân dân*); chi nghiên cứu khoa học, chi chế độ tiền thưởng, cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và các khoản chi khác phục vụ cho công tác BHXH, BHTN, BHYT trong Công an nhân dân; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (hiện nay theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN thì BHXH Công an nhân dân, BHXH Bộ Quốc phòng được thực hiện các nội dung chi này).

6. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung 01 điểm (sau điểm d) khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định về nội dung chi: *Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp làm công tác BHXH, BHYT, BHTN trong Công an nhân dân mức chi tối đa bằng 1 tháng lương cơ sở/người/tháng* (tương tự như mức chi đồng viên, khuyến khích tập thể, cá nhân ngoài ngành BHXH tại khoản 9 Điều 15 dự thảo Nghị định):

Lý do: Bộ Công an không thành lập Cơ quan BHXH Công an nhân dân độc lập, chuyên trách mà sử dụng các đơn vị chức năng (Cục Tổ chức cán bộ và Cục Kế hoạch và Tài chính) và các bộ phận làm công tác chính sách, tài chính, hậu cần tại Công an đơn vị, địa phương đảm nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ; do vậy, không thể thực hiện các nội dung theo Điều 20 dự thảo Nghị định (trích lập quỹ tăng thêm thu nhập, quỹ phúc lợi, khen thưởng... để hỗ trợ cán bộ). Do đó, Bộ Công an đề xuất bổ sung thêm nội dung trên để hỗ trợ, động viên cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân hoàn thành tốt công tác thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN.

7. Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung, chỉnh lý nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 4 để phù hợp với nội dung tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:

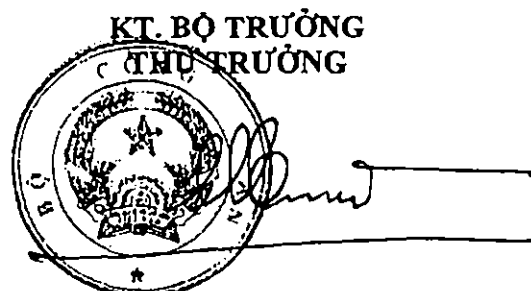
“b) Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện và Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân mở tài khoản thu, **nộp các chế độ theo chế độ của các quỹ** bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế...”.

8. Các nội dung khác của dự thảo, Bộ Công an nhất trí và không có ý kiến tham gia thêm.

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- V01 (để theo dõi);
- Lưu: VT, H01 (P3).



Thiếu tướng Đặng Hồng Đức



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần
Hưng Đạo
Thời gian ký:
13/01/2025 15:27:23

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 34/BHXH-KHTC

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định
quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN,
BHYT, chi tổ chức và hoạt động
BHXH, BHTN, BHYT

Yên Bái, ngày 09 tháng 01 năm 2025

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	004237
Ngày:	13-01-2025
Chuyển:	Nhà HCSN
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT; BHXH tỉnh Yên Bái nhất trí với dự thảo Nghị định, không có ý kiến tham gia bổ sung.

BHXH tỉnh Yên Bái trân trọng báo cáo././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Công Cường

Số: 52 /CQLMHTXVN-CSPT

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

ĐẾN	3711
Ngày:	23-01-2025
Chuyên:	Xử HC&N
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 13903/BTC-HCSN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT, sau khi nghiên cứu, về cơ bản, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam nhất trí với dự thảo các văn bản của Bộ Tài chính và tham gia một số ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo lần 1 Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

- Tại điều 2, đối tượng áp dụng, đề nghị bổ sung 01 đối tượng là *các cơ sở khám chữa bệnh* (cấp các giấy tờ hưởng chế độ BHYT đúng quy định cho người bệnh).

- Tại Điều 6, khoản 4, tiết a (trang 6) đề nghị bổ sung các cụm từ “*ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*” và “*do quỹ bảo hiểm thất nghiệp đảm bảo*”. Cụ thể bổ sung như sau: “a) Kinh phí chi bảo hiểm xã hội do Ngân sách nhà nước đảm bảo từ quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí và tử tuất), chi bảo hiểm xã hội do quỹ bảo hiểm xã hội đảm bảo từ quỹ bảo hiểm xã hội (*quỹ ốm đau, thai sản; quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*) và chi bảo hiểm thất nghiệp *do quỹ bảo hiểm thất nghiệp đảm bảo* từ quỹ bảo hiểm ...”.

- Tại Điều 11, khoản 2, tiết c (trang 13), đề nghị bổ sung cụm từ “*tiền sinh lời của hoạt động đầu tư*”. Cụ thể bổ sung như sau: “c) Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp được trích từ *tiền sinh lời của hoạt động đầu tư* quỹ bảo hiểm thất nghiệp”.

Kiến nghị: Bộ Tài chính đề xuất sớm thành lập Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp dự phòng rủi ro. Nguồn quỹ có thể được trích từ lãi suất tiền gửi hoặc lợi nhuận từ đầu tư quỹ BHXH hoặc trích từ số tiền người sử dụng lao động phải đóng vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

- Tại biểu mẫu số 2, đề nghị bổ sung tại mục II – Chi từ quỹ BHXH (A + B + C) 01 mục: “*B. Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*”.

2. Đối với báo cáo tình hình thực hiện cơ chế quản lý tài chính và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn 2016-2024 và đề xuất cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn tiếp theo

- Đề nghị bổ sung các biểu chi tiết kèm theo về phát triển người tham gia, trang 2 (biểu 01), về quản lý người hưởng, trang 2 (biểu 02), về chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT, trang 5 (biểu 05) và một số biểu khác (biểu về công tác thu chi các quỹ; biểu về công tác đầu tư, bảo toàn và tăng trưởng quỹ) để thể hiện rõ nét tác động của cơ chế tài chính đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành BHXH giai đoạn 2016-2024.

- Tại mục 1.3 (trang 3) về công tác thu, chi các quỹ, dự thảo báo cáo nêu: “Tổng số thu chế độ BHXH, BHYT, BHTN năm 2024 là 526.687 tỷ đồng ... trong đó: thu BHXH là 358.126 tỷ đồng, thu BHTN là 23.726 tỷ đồng, thu BHYT là 144.834 tỷ đồng”. Do mức thu các khoản bảo hiểm trích theo lương theo tỷ lệ: BHXH là 25,5%, BHTN là 2,5%, BHYT là 4,5%; vậy đề nghị rà soát và sửa lại số thu năm 2024 các quỹ thành phần như sau “Thu BHXH là 419.704 tỷ đồng, thu BHTN là 32.918 tỷ đồng, thu BHYT là 74.065 tỷ đồng,” hoặc giải thích rõ sự khác biệt nêu trên.

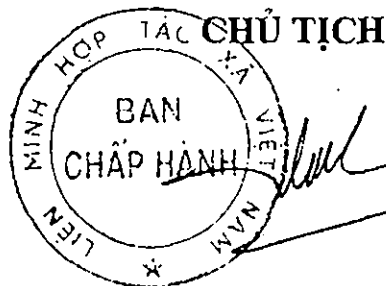
- Tại mục 3.2 (trang 10) về hạn chế, tồn tại nêu: “(1) Quy định chưa cụ thể về mức đảm bảo thanh khoản để đảm bảo tính pháp lý cũng như tính thống nhất, minh bạch. Trong tổ chức thực hiện khó khăn khi xây dựng phương án đầu tư quỹ bảo hiểm theo quy định phải xác định được số dư quỹ bảo hiểm tạm thời nhân rồi thì ngoài nhu cầu chi các chế độ BHXH, BHTN, BHYT theo dự toán được cấp thẩm quyền giao hàng năm cần phải xác định được nguồn kinh phí để đảm bảo thanh khoản theo Điều 3 để đáp ứng kịp thời nhu cầu chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT tại bất kỳ thời điểm nào (thường chi vào đầu tháng) khi số thu BHXH, BHTN, BHYT chưa đến kỳ nộp theo quy định (các đơn vị sử dụng lao động thường nộp tiền vào cuối tháng, cuối quý)”. Đề xuất: nghiên cứu, xem xét phương án xác định số thu BHXH, BHTN, BHYT của các đơn vị sử dụng lao động bằng việc lấy tổng số thu BHXH, BHTN, BHYT của tháng trước liền kề của các đơn vị sử dụng lao động để làm căn cứ xác định được số dư quỹ bảo hiểm tạm thời nhân rồi cho thời điểm đầu tháng hiện tại.

3. Đối với đề xuất các nội dung sửa đổi cơ chế quản lý tài chính BHXH, BHYT, BHTN đối với ngành BHXH Việt Nam và Dự thảo Tờ trình dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

Trên cơ sở góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện "đề xuất các nội dung sửa đổi cơ chế quản lý tài chính BHXH, BHYT, BHTN đối với ngành BHXH Việt Nam" và "Tờ trình". ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực LMHTXVN;
- Lưu: VP, CSPT. ✓



Cao Xuân Thu Vân



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 07/01/2025 18:02:56

**HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 1143 -CV/HINDTW

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ: 2189	
Ngày: 07-01-2025	
Chuyển: Vũ HCSN	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13903/BTC-HCSN, ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam có một số ý kiến như sau:

1. Việc xây dựng Nghị định là cấp thiết để kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay trong việc áp dụng công nghệ thông tin cho việc chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT.

2. Về mức chi: cần bổ sung thêm mức chi cho cộng tác viên của các tổ chức chính trị - xã hội tham gia phát triển đối tượng.

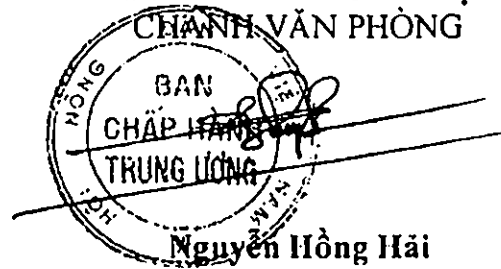
3. Về tổ chức dịch vụ thu: bổ sung nội dung Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn đại lý thu đặc thù của Hội Nông dân Việt Nam, đảm bảo việc thực hiện thành công mục tiêu của Nghị quyết 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ chính trị về đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của Hội nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới (100% hội viên nông dân tham gia bảo hiểm y tế; 250.000 hội viên, nông dân trở lên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đến năm 2028).

Trên đây là một số ý kiến của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÍNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Hồng Hải

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **408**/MTTW-BTT

Hà Nội, ngày **17** tháng **01** năm **2025**

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết hoạt động đầu tư quỹ BHXH, BHYT, BHTN

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 6373
Ngày:	20-01-2025
Chuyên:	Vụ...HCSN
Số và ký hiệu HS:.....	

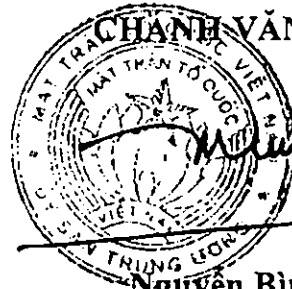
Phúc đáp Công văn số 14200/BTC-HCSN, ngày 24/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN; sau khi nghiên cứu, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định nêu trên của Bộ Tài chính.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trân trọng gửi Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo. *lv*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBTW MTTQVN (để b/c);
- PCT-TTK UBTWMTTQVN (để b/c);
- Trợ lý, Thư ký, Giúp việc Chủ tịch;
- Lưu VT, KHTC.

TL. BAN THƯỜNG TRỰC ✓
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Bình Minh



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần
Hưng Đạo
Thời gian ký:
13/01/2025 15:27:18

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN KINH TẾ**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2025

Số 5434 -CV/BKTTW

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế
lãi chính về BHXH, BHTN, BHYT, chi tổ chức
và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 04220
Ngày:	13-01-2025
Chuyên:	KV. KUSA
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 13903/BTC-HCSN, ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (BHXH, BHTN, BHYT), chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, Ban Kinh tế Trung ương có ý kiến như sau:

Bộ Tài chính căn cứ vào các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan và ý kiến các đối tượng chịu tác động của Nghị định đề hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ theo thẩm quyền.

Trong quá trình hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị định, đề nghị rà soát bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo với các văn bản pháp luật hiện hành; đồng thời lưu ý thêm một số vấn đề về: Bổ sung Hội đồng quản lý BHXH vào nội dung đối tượng áp dụng cơ chế tài chính BHXH để phù hợp với các quy định tại Luật BHXH hiện hành; rà soát các quy định về bảo đảm thanh khoản trên tài khoản thanh toán nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động đầu tư quỹ.

Ban Kinh tế Trung ương trân trọng gửi Bộ Tài chính đề nghiên cứu, hoàn thiện nội dung Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đồng chí Trưởng Ban (để b/c),
- Đồng chí PTB thường trực (để b/c),
- Vụ Kinh tế tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Ban.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hồng Sơn